

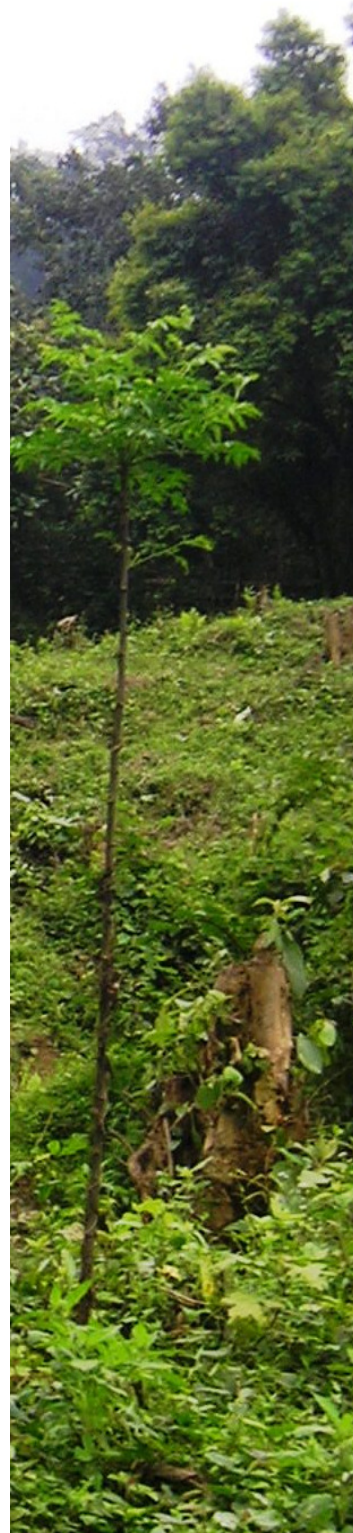
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT QUẢNG BÌNH

Tài liệu hướng dẫn

Quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp và giao đất giao rừng có sự tham gia của người dân tỉnh Quảng Bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2311/QĐ-SNN ngày 16/12/2008
của Sở NN&PTNT tỉnh Quảng Bình)

Tháng 12 năm 2008



NHÓM TÁC GIẢ

Nguyễn Viết Nhung

Nguyễn Xuân Tuyến

Phùng Văn Bằng

Hoàng Quốc Việt

Ks. Nguyễn Văn Hợp

Ks. Vũ Văn Mạnh

Ts. Bjoern Wode

Bà Marianne Meijboom



UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
Số: 2311/ QĐ-SNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
Đồng Hới, ngày 16 tháng 12 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành tạm thời Tài liệu hướng dẫn quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp và giao đất giao rừng có sự tham gia của người dân tại tỉnh Quảng Bình

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Quyết định số 528/2008/QĐ-UBND ngày 25/3/2008 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc hợp nhất Sở Thủy sản với Sở Nông nghiệp và PTNT thành Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Bình;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03/12/2004; Nghị định số 23/2006/ NĐ-CP ngày 23/3/2006 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/04/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn quy trình giao rừng, cho thuê rừng và thu hồi rừng cho các tổ chức, các hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 28/11/2008 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục Kiểm lâm và Dự án Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên miền Trung (Dự án SMNR-CV) về việc thống nhất tài liệu hướng dẫn quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp và giao đất giao rừng có sự tham gia của người dân tại tỉnh Quảng Bình;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành tạm thời kèm theo Quyết định này: Tài liệu hướng dẫn quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp và giao đất giao rừng có sự tham gia của người dân tại tỉnh Quảng Bình;

Điều 2: Chi cục Kiểm lâm có trách nhiệm in ấn, phát hành và hướng dẫn sử dụng tài liệu đúng mục đích, có hiệu quả (kinh phí do Dự án SMNR-CV tài trợ);

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT; KH

GIÁM ĐỐC

Đã ký

TRẦN VĂN TUÂN

LỜI NÓI ĐẦU

Tài liệu hướng dẫn Phương pháp quy hoạch sử dụng đất và giao đất giao rừng (QHSDĐ-GĐGR) có sự tham gia được Dự án Quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên Miền Trung (SMNR-CV) xây dựng. Dự án SMNR-CV được Tổ chức Hợp tác Kỹ thuật Đức (GTZ) tài trợ và Nhóm Tư vấn GFA và Tổ chức Hỗ trợ Phát triển Đức (DED) thực hiện. Những bài học kinh nghiệm được rút ra trong quá trình triển khai thực hiện thực tế tại xã Thanh Thạch, huyện Tuyên Hoá và xã Hoá Phúc huyện Minh Hoá cũng như một số bài học kinh nghiệm liên quan của các dự án khác đều được tổng hợp trong tài liệu này.

Để hoàn thiện tài liệu này cũng như sử dụng nó như một hướng dẫn chính thức. Trong thời gian qua, Dự án SMNR đã phối hợp với Chi cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Bình tiến hành điều chỉnh bổ sung phù hợp với các quy định về QHSDĐ và GĐGR hiện hành của nhà nước. Tài liệu tập trung giới thiệu những nội dung sau đây:

1. Hướng dẫn trình tự cách áp dụng các phương pháp có sự tham gia trong quá trình QHSDĐ-GĐGR có sự tham gia;
2. Mô tả chi tiết quá trình giao đất, giao rừng cho các hộ và cộng đồng dân cư thôn;
3. Nêu rõ mối liên hệ trong quá trình triển khai thực hiện QHSDĐ lâm nghiệp - GĐGR có sự tham gia với các quy định, chính sách và thủ tục liên quan của nhà nước.

Chúng tôi hy vọng tài liệu này có thể góp phần vào việc triển khai thực hiện GĐGR đến các hộ gia đình, hoặc các cộng đồng dân cư thôn một cách có hiệu quả.

Nhân đây Nhóm tác giả chúng tôi xin chân thành cảm ơn các cơ quan ban ngành liên quan như: Sở NN&PTNT, Sở TNMT, Chi cục Kiểm lâm, Chi cục Lâm nghiệp, Trung tâm ĐTQHTKNLN, Nhóm tham vấn lâm nghiệp tỉnh, Hạt kiểm lâm và Phòng TNMT huyện Tuyên Hoá và Minh Hoá...

Đặc biệt chúng tôi xin cảm ơn Dự án SMNR-CV đã tài trợ chúng tôi về kinh phí thực hiện và các chuyên gia lâm nghiệp có kinh nghiệm trong nước và Quốc tế trong suốt quá trình hình thành và xây dựng tài liệu.

Trong quá trình biên soạn tài liệu không tránh khỏi thiếu sót, rất mong nhận được sự góp ý của quý độc giả để chúng tôi hoàn thiện trong lần tái bản sau.

Nhóm tác giả

MỤC LỤC

Giới thiệu	1
Phần 1 Hướng dẫn: Trình tự các bước trong quá trình QHSDD-GĐGR có sự tham gia	2
1.1 Bước 1: Chuẩn bị	6
1.2 Bước 2: Đánh giá tình hình kinh tế-xã hội, tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp	10
1.3 Bước 3: Xây dựng kế hoạch sử dụng rừng cấp xã	15
1.4 Bước 4: Lập kế hoạch GĐGR thôn/bản	20
1.5 Bước 5: Giao đất giao rừng tại thực địa	24
1.6 Bước 6: Hoàn thiện bản đồ địa chính và Hồ sơ giao rừng	26
1.7 Bước 7: Tổng hợp tài liệu địa chính	27
1.8 Bước 8: Thẩm định, phê duyệt và cấp sổ Đỏ	28
Phần 2 Hướng dẫn thực hành 1 số bước trong quá trình lập kế hoạch QHSDD-GĐGR	30
2.1 Bước 2: Xây dựng kế hoạch sử dụng rừng cấp xã	31
<i>Họp thôn lần 1</i>	31
<i>Xây dựng sa bàn phác thảo</i>	32
<i>Đi lát cắt và sơ đồ lát cắt</i>	33
<i>Xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất, tính diện tích và điền thông tin vào biểu mẫu</i>	36
<i>Phân tích điều kiện kinh tế-xã hội và môi trường và xác định các xu hướng sử dụng đất</i>	37
2.2 Bước 3: Xây dựng kế hoạch sử dụng đất	39
<i>Xây dựng bản dự thảo kế hoạch sử dụng đất cấp thôn</i>	39
<i>Chuẩn bị bản đồ kế hoạch sử dụng đất của thôn và điền vào biểu mẫu những thông tin liên quan đến báo cáo sử dụng đất</i>	40
<i>Họp thôn lần 2</i>	40
2.3 Bước 4: Lập kế hoạch GĐGR của thôn/bản	41
<i>Chuẩn bị để lập kế hoạch GĐGR của thôn/bản</i>	41
<i>Họp thôn lần 3</i>	41
<i>Kiểm kê rừng có sự tham gia</i>	42
Phụ lục 1: Một số mẫu, biểu cần chuẩn bị trong quá trình triển khai QHSDD-GĐGR có sự tham gia	48
Phụ lục 2: Các kỹ năng hỗ trợ	60
Phụ lục 3: Các loại đất theo luật đất đai sửa đổi (2003)	63
Phụ lục 4: Phân chia trạng thái rừng	66
Phụ lục 5: Khu vực lô rừng và khu vực điều tra để kiểm kê rừng	69
Phụ lục 6: Bảng quy đổi khoảng cách nghiêng ra khoảng cách bằng	70
Phụ lục 7: Hướng dẫn xây dựng bản đồ QHSDD-GĐGR thôn bản	73

Những chữ viết tắt

Bộ NN&PTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
BQL	Ban quản lý
Chi cục PTLN	Chi cục Phát triển Lâm nghiệp
DED	Tổ chức Hỗ trợ Phát triển Đức
Dự án LNXH Sông Đà	Dự án Lâm nghiệp Xã hội Sông Đà
FAO	Tổ chức Nông lương thế giới
GTZ	Tổ chức Hợp tác Kỹ thuật Đức
LSNG	Lâm sản ngoài gỗ
Phòng TNMT	Phòng Tài Nguyên Môi trường
QHSDĐ-GĐGR	Quy hoạch sử dụng đất và giao đất giao rừng
SMNR-CV	Dự án Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên Miền Trung
Sở NN&PTNT	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
Sở TNTM	Sở Tài Nguyên Môi trường
Trung tâm ĐTQHNLN	Trung tâm Điều tra và Quy hoạch Nông lâm nghiệp
UBND	Ủy ban Nhân dân
Viện ĐTQHR	Viện Điều tra và Quy hoạch Rừng

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN
QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT VÀ GIAO ĐẤT GIAO RỪNG CÓ SỰ THAM GIA
TẠI TỈNH QUẢNG BÌNH

GIỚI THIỆU

Nguồn tài nguyên rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình còn khá phong phú, đặc biệt là tại các vùng miền núi giáp biên giới nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào – nơi Dự án SMNR-CV đang được triển khai. Cuộc sống của người dân địa phương tại những vùng này chủ yếu phụ thuộc vào tài nguyên rừng, vì thế việc quy hoạch sử dụng đất và giao đất giao rừng có sự tham gia đóng vai trò rất quan trọng trong việc đảm bảo quyền sử dụng đất lâm nghiệp và sử dụng tài nguyên rừng của người dân nhằm nâng cao điều kiện sống và cải thiện công tác bảo vệ và quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên của chính họ.

Tài liệu hướng dẫn này cung cấp những hướng dẫn thực tế và giới thiệu trình tự các bước, các thủ tục cụ thể trong QHSDĐ-GĐGR có sự tham gia cần thiết đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất/sổ đỏ cho các hộ gia đình, các nhóm hộ hoặc cho cộng đồng. Hướng dẫn về cách lập kế hoạch cho các đơn vị kinh tế và lập hợp đồng giao khoán thuộc các Lâm trường quốc doanh hoặc các Ban quản lý RPH không được trình bày chi tiết trong tài liệu này.

Tài liệu này cũng tổng hợp một số bài học kinh nghiệm trong QHSDĐ-GĐGR của các dự án khác. Dự thảo của cuốn tài liệu hướng dẫn này đã được trình bày, thảo luận và lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan tại cấp tỉnh, huyện và xã qua cuộc hội thảo tổ chức tại thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình vào ngày 07 tháng 9 năm 2005.

Công tác QHSDĐ-GĐGR có sự tham gia được giới thiệu trong tài liệu hướng dẫn này được xây dựng trên cơ sở tài liệu hướng dẫn kỹ thuật về QHSDĐ của Tổng cục Địa chính, Nghị định 181/2004/ND-CP, Thông tư 29/2004/TT-BTNMT, Thông tư 30/2004/TT-BTNMT, tài liệu hướng dẫn về Giao đất giao rừng của Cục Kiểm lâm (Bộ NN&PTNT) và các phương pháp của các dự án đã được triển khai với sự hỗ trợ của Tổ chức Nông lương thế giới (FAO) và Tổ chức GTZ. Ngoài ra, tài liệu này cũng tham khảo và bổ sung những ý kiến đóng góp của các bên liên quan tại địa phương - những đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện công tác QHSDĐ-GĐGR tại thực địa, bao gồm Trung tâm ĐTQHCKNLN tỉnh Quảng Bình, Phòng TNMT huyện Tuyên Hóa và Minh Hóa và chính quyền địa phương.

Với sự ban hành Thông tư 38/2007/TT-BTT¹, công tác kiểm kê rừng chi tiết bao gồm cả tính toán trữ lượng được xem là điều kiện tiên quyết đối với việc cấp giấy chứng nhận sử dụng rừng đòi hỏi phải có những điều chỉnh, bổ sung cho phương

¹ 38/2007/TT-BNN, ban hành ngày 25/04/2007 về việc hướng dẫn quy trình giao rừng, cho thuê và thu hồi rừng cho các tổ chức, các hộ gia đình, các cá nhân và cộng đồng dân cư.

pháp được áp dụng trước đây. Trên cơ sở đó, một số thay đổi tương ứng đã được bổ sung trong nội dung tài liệu hướng dẫn này.

Đối tượng sử dụng tài liệu này có thể là các cán bộ kỹ thuật thuộc các ban, ngành cấp tỉnh và cấp huyện có nhiệm vụ liên quan đến hỗ trợ công tác QHSDD-GĐGR tại các thôn/bản như Sở NN&PTNT, Sở TNMT, Trung tâm ĐTQHNLN, Hạt Kiểm lâm, Phòng Kinh tế và Phòng TNMT. Ngoài ra, các ban, ngành, đơn vị chịu trách nhiệm giám sát quá trình triển khai QHSDD-GĐGR và các cán bộ xã cũng có thể tham khảo tài liệu này. Tài liệu hướng dẫn này cũng có thể được sử dụng tham khảo trong đào tạo, tập huấn về QHSDD-GĐGR có sự tham gia.

Tài liệu gồm 2 phần chính và nhiều phụ lục kèm theo. Phần 1 giới thiệu về phương pháp và trình tự 7 bước quy trình QHSDD-GĐGR có sự tham gia. Phần 2 của tài liệu giới thiệu hướng dẫn thực tế về sự tham gia của người dân trong quá trình QHSDD-GĐGR có sự tham gia; và các phụ lục cung cấp các thông tin cơ sở và các biểu mẫu cần thiết để triển khai thực hiện QHSDD-GĐGR có sự tham gia một cách hiệu quả.

Phần 1: Trình tự các bước QHSDD-GĐGR có sự tham gia

Những nguyên tắc cơ bản và các bước QHSDD-GĐGR có sự tham gia

Tài liệu hướng dẫn về QHSDD-GĐGR được dựa trên những nguyên tắc sau:

- Áp dụng phù hợp các ưu tiên của nhà nước vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường trên cơ sở phù hợp với nhu cầu về an ninh lương thực và tạo thu nhập của cộng đồng địa phương
- Phù hợp với khung pháp lý và hành chính của nhà nước Việt Nam.
- Phù hợp với các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương
- Đơn giản và dễ thực hiện trên cơ sở nguồn tài nguyên sẵn có của xã và huyện
- Đảm bảo sự tiếp cận công bằng về đất lâm nghiệp và tài nguyên rừng cho tất cả các nhóm đối tượng trong cộng đồng dân cư (bao gồm phụ nữ, dân tộc thiểu số, nhóm người nghèo và những người thiệt thòi khác)
- Đảm bảo công tác phát triển bền vững của địa phương và hạn chế các tác động tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường, sinh thái.
- Gắn liền với quá trình phát triển của cộng đồng và xem xét đến tất cả các khả năng sử dụng đất có thể

Quá trình QHSDD-GĐGR có sự tham gia nên tuân thủ những nguyên tắc cơ bản nói trên. Tổng quát các hoạt động và kết quả đầu ra của từng bước trong quy trình QHSDD-GĐGR có sự tham gia được giới thiệu tại Hình 1 và Hình 2.

Vai trò của cán bộ chuyên môn

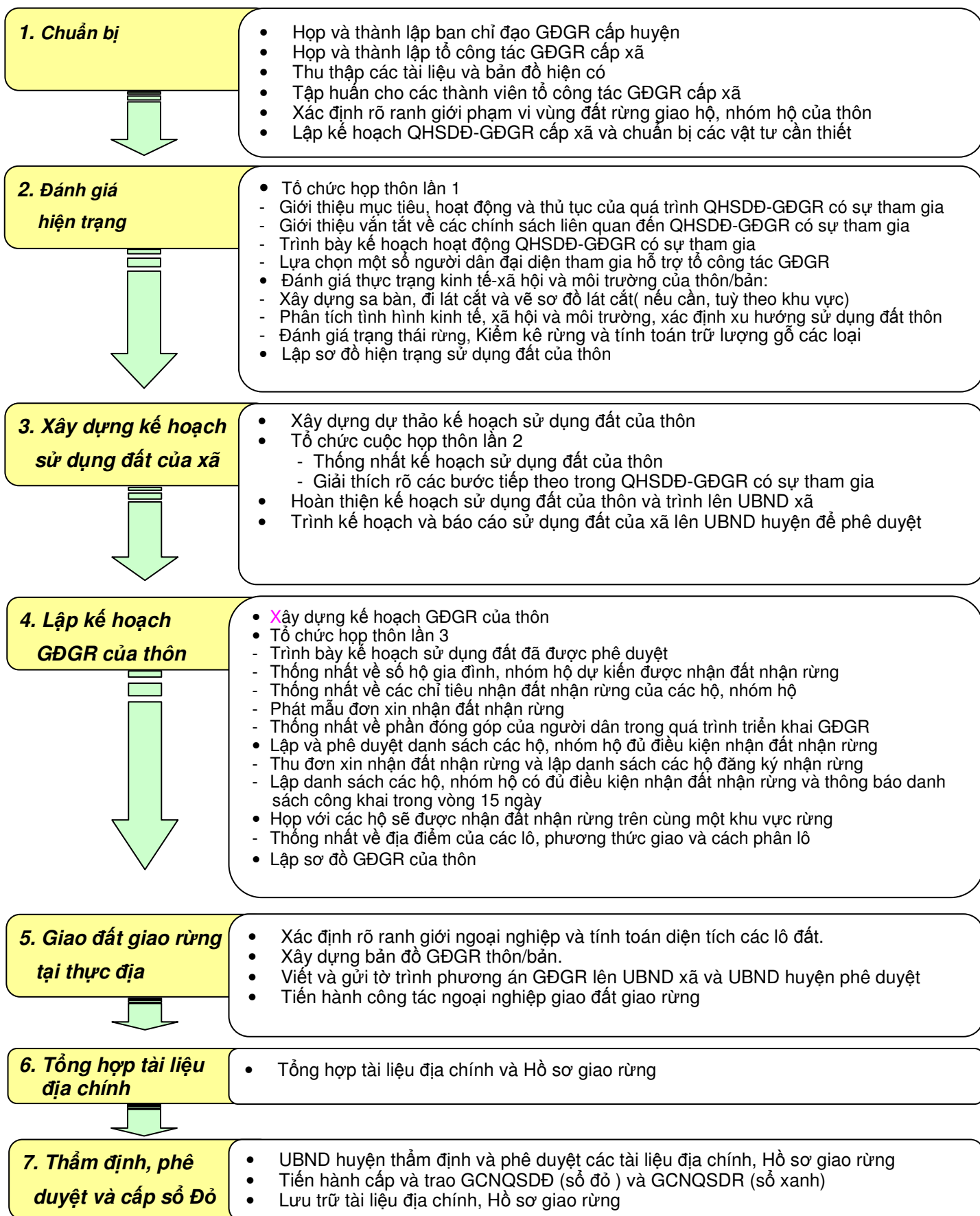
Tùy thuộc vào tình hình cụ thể của mỗi địa phương, sẽ có những ban, ngành, đơn vị khác nhau có thể tham gia tiến hành và hỗ trợ quá trình triển khai thực hiện QHSDD-GĐGR. Các Sở, ngành như Sở NN&PTNT, Chi cục Kiểm lâm sẽ đóng vai trò hướng dẫn về khung chính sách; cán bộ phòng, ban như Hạt Kiểm lâm, Phòng TNMT hoặc Phòng Kinh tế và cán bộ dự án sẽ đóng vai trò hướng dẫn về việc xây dựng kế hoạch sử dụng đất, cả phần kế hoạch GĐGR theo đúng quy trình, quy phạm.

Thông tư 38/2007/TT-BNN quy định UBND huyện và UBND tỉnh phải chọn một đơn vị tư vấn có vai trò là nhà cung cấp dịch vụ chính. Cần thông báo và cho phép các

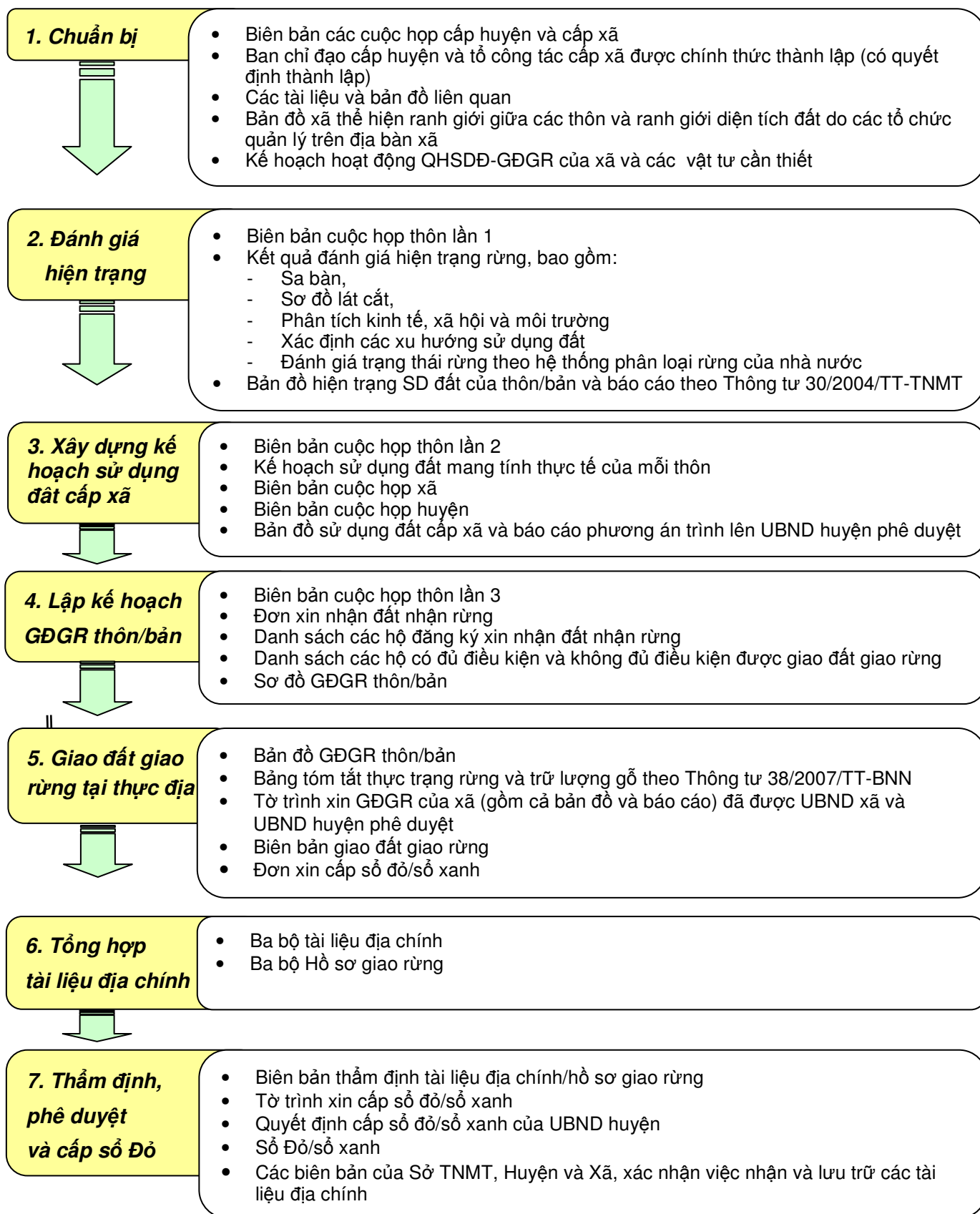
tổ chức, các hộ gia đình, các cá nhân và người dân liên quan tham gia vào quá trình xác định hiện trạng rừng. Thông tư quy định rõ việc áp dụng phương pháp tiếp cận có sự tham gia trong suốt quá trình triển khai QHSDD-GĐGR.

Đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm chính trong việc đánh giá trạng thái rừng và cùng với chủ rừng và đại diện chính quyền địa phương ký tên vào bản đánh giá trạng thái rừng để trình phê duyệt chính thức

Điều quan trọng của kế hoạch GĐGR là phải phản ánh các mối quan tâm của cộng đồng dân cư thôn và của những nhóm người chịu thiệt thòi như người nghèo, người già và phụ nữ. Chỉ khi công tác GĐGR được triển khai dựa trên các mối quan tâm của chính người dân trong thôn thì mới có thể đạt được các mục tiêu dài hạn của công tác GĐGR, như cải thiện công tác quản lý rừng và nâng cao sinh kế. Vì thế, đơn vị tư vấn cần phải đảm bảo được sự tham gia của các nhóm dân cư trong cả quá trình triển khai. Ngoài ra, các cán bộ chuyên môn cũng cần phải đảm bảo rằng quá trình QHSDD-GĐGR có sự tham gia được triển khai phù hợp với các quy định luật pháp, các chính sách của nhà nước Việt Nam, tuân thủ đúng các thủ tục và các bước đề ra trong Thông tư 38/2007/TT-BNN.



Hình 1: Các hoạt động trong mỗi bước QHSDD-GDGR có sự tham gia



Hình 2: Kết quả đầu ra của các bước QHSDD-GĐGR có sự tham gia

1.1 Bước 1: Chuẩn bị

Các hoạt động trong Bước 1: Chuẩn bị

1. Họp và thành lập ban chỉ đạo GĐGR cấp huyện
2. Họp xã và thành lập tổ công tác GĐGR cấp xã
3. Thu thập và phân tích các tài liệu và bản đồ hiện có
4. Tập huấn cho các thành viên tổ công tác GĐGR cấp xã
5. Xác định rõ ranh giới phạm vi vùng đất rừng giao hộ, nhóm hộ của thôn
6. Lập kế hoạch hoạt động QHSDĐ-GĐGR cấp xã và chuẩn bị các vật tư cần thiết

Tổ chức cuộc họp cấp huyện và thành lập Ban chỉ đạo QHSDĐ-GĐGR

Cuộc họp cấp huyện cần có sự tham gia của các thành viên sau đây: Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch UBND huyện, Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch UBND các xã liên quan, Hạt KL, Phòng TNMT, Phòng NN&PTNT, đại diện các Lâm trường quốc doanh, BQL rừng phòng hộ, BQL rừng đặc dụng và các cơ quan, ban ngành, tổ chức liên quan khác.

Mục đích của cuộc họp cấp huyện:

1. Thống nhất về phương pháp QHSDĐ-GĐGR có sự tham gia trên địa bàn huyện và các xã liên quan
2. Thống nhất cơ cấu tổ chức triển khai QHSDĐ-GĐGR có sự tham gia, bao gồm thành lập Ban chỉ đạo cấp huyện và Tổ công tác. UBND huyện là cơ quan cử cán bộ tham gia Ban chỉ đạo và tổ công tác.
3. Cử các cán bộ đảm trách việc thu thập các tài liệu và bản đồ liên quan.
4. Xây dựng dự thảo kế hoạch hoạt động, bao gồm tình hình của các xã sẽ triển khai QHSDĐ-GĐGR và lịch thời gian triển khai chung.

Thống nhất về phương pháp hướng dẫn QHSDĐ-GĐGR có sự tham gia

Cán bộ chuyên môn sẽ trình bày về phương pháp hướng dẫn QHSDĐ-GĐGR có sự tham gia. Sau đó các thành viên tham gia cuộc họp có thể thảo luận thêm và đi đến thống nhất về phương pháp.

Tổ chức triển khai QHSDĐ-GĐGR có sự tham gia

Việc thành lập Ban chỉ đạo QHSDĐ-GĐGR là bước cần thiết. Ban chỉ đạo cấp huyện có vai trò tham mưu cho UBND huyện, chịu trách nhiệm chỉ đạo các hoạt động liên quan đến công tác QHSDĐ-GĐGR, đảm bảo việc thực hiện phù hợp với các văn bản quy định của nhà nước, của tỉnh và duy trì sự phối kết hợp chặt chẽ với các ban ngành cấp tỉnh liên quan.

Thành viên của Ban chỉ đạo cấp huyện bao gồm:

- Chủ tịch/phó chủ tịch UBND huyện - Trưởng Ban
- Trưởng Phòng TNMT huyện - Phó ban
- Trưởng Phòng Kinh tế huyện - Thành viên
- Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm - Thành viên

Những thành viên trên sẽ tham gia vào Ban chỉ đạo trên cơ sở kiêm nhiệm và chịu trách nhiệm về các hoạt động liên quan theo sự phân công. Về nguyên tắc, thì các tổ chức, ban ngành khác như Lâm trường, Hội Phụ nữ, BQL Vườn quốc gia, BQL RPH cũng có thể tham gia vào Ban chỉ đạo cấp huyện tùy thuộc vào khả năng và tình

hình cụ thể của mỗi huyện. Tuy nhiên, thông thường nếu Ban càng ít thành viên thì việc thông tin và phối hợp giữa các thành viên sẽ thuận tiện hơn.

Nhiệm vụ cụ thể của Ban chỉ đạo cấp huyện:

- Giám sát quá trình triển khai QHSDD-GĐGR có sự tham gia
- Cử cán bộ kỹ thuật của huyện tham gia tổ công tác cấp xã
- Chỉ đạo, hướng dẫn cho các cán bộ chuyên môn và các xã
- Kiểm tra quá trình triển khai QHSDD-GĐGR của xã cấp sổ đỏ

Lưu ý: Tùy thuộc vào tình hình GĐGR của từng địa phương mà chúng ta thành lập ban chỉ đạo giao đất giao rừng chung hoặc riêng

Thu thập các tài liệu và bản đồ liên quan

Các tài liệu cần thu thập như sau: kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của huyện, kế hoạch của các ban, ngành trên địa bàn huyện, tài liệu của các chương trình/dự án liên quan của nhà nước được thực hiện trên địa bàn, bản đồ hành chính của huyện, bản đồ hiện trạng sử dụng đất mới nhất, bản đồ GĐGR và các chính sách, quy định của nhà nước liên quan như Nghị định số 181/2004/ND-CP; Nghị định số 163/1999/ND-CD; Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg; Quyết định số 8/2001/QĐ-TTg; Luật đất đai sửa đổi 13/2003/QH11; Luật Bảo vệ và Phát triển rừng 25/2004/L-CTN, Thông tư 80/2003/TT/BNN-BTC, Thông tư 09/2007/TT-BTNMT, Thông tư 30/2004/TT-BTNMT, Thông tư 38/2007/TT-BNN, Hướng dẫn của Sở TNMT tỉnh Quảng Bình về quy hoạch sử dụng đất trên địa bàn các xã giai đoạn 2005 – 2015 (nếu có), Bản đồ địa hình, bản đồ địa giới hành chính theo chỉ thị số 364/1999/CT-TTg (từ UBND xã, UBND huyện hoặc Sở TNMT²), Bản đồ hiện trạng sử dụng đất mới nhất (theo Thông tư số 28/2004/TT-BTNMT), Bản đồ GĐGR theo Thông tư số 163/1999/ND-CP (nếu có), Bản đồ quy hoạch sử dụng rừng hiện có và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội tổng thể của huyện và xã (nếu có), Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng năm 2006. Đây là những tài liệu rất cần thiết cho việc thực hiện QHSDD&GĐGR tại thực địa.

Tổ chức cuộc họp cấp xã và thành lập tổ công tác QHSDD-GĐGR

Sau cuộc họp cấp huyện, sẽ tổ chức cuộc họp xã lần 1. Tham gia vào cuộc họp xã bao gồm các thành viên từ UBND xã, các trưởng thôn, kiểm lâm viên, đại diện các lâm trường, BQL RPH, BQL RĐD và các tổ chức khác có quản lý diện tích đất thuộc địa bàn xã.

Mục đích của cuộc họp cấp xã:

1. Giới thiệu vấn đề về phương pháp QHSDD-GĐGR trên địa bàn xã (Cán bộ kỹ thuật sẽ giới thiệu phần nội dung này).
2. Thành lập tổ công tác cấp xã, có trách nhiệm thực hiện QHSDD-GĐGR có sự tham gia trên địa bàn xã.
3. Cử cán bộ chịu trách nhiệm thu thập các tài liệu và bản đồ liên quan tại cấp xã (bao gồm số liệu về nhân khẩu, số liệu sản xuất, bản đồ hành chính xã, bản đồ quy hoạch sử dụng đất (nếu có)).
4. Xây dựng kế hoạch cụ thể hoá các hoạt động liên quan đến việc xác định rõ ranh giới xã và các thôn trong xã và trình tự các thôn sẽ triển khai QHSDD-GĐGR.

Thành lập tổ công tác cấp xã

Cấp quản lý hành chính QHSDD-GĐGR là cấp xã nên cần tiến hành QHSDD-GĐGR các thôn trên địa bàn xã trong cùng thời gian và thành lập tổ công tác cấp xã.

² Bản đồ chỉ rõ ranh giới hành chính chính thức giữa các xã, huyện và tỉnh.

Tổ này có trách nhiệm triển khai các hoạt động ngoại nghiệp của quá trình QHSDD-GĐGR có sự tham gia, gồm các thành viên:

- Chủ tịch/phó chủ tịch UBND xã - Tổ trưởng
- Cán bộ kỹ thuật cấp huyện được cử tham gia - Thành viên
- Cán bộ địa chính xã - Thành viên
- Cán bộ kiểm lâm xã/cán bộ nông lâm xã - Thành viên
- Các trưởng thôn - Thành viên

UBND xã căn cứ vào tình hình cụ thể để thành lập tổ công tác cấp xã nhằm tăng cường hiệu quả việc thực hiện tại thực địa. Xem mẫu quyết định thành lập tổ công tác cấp xã tại Phụ lục 1.

Thu thập các tài liệu và bản đồ sẵn có

Các thành viên được phân công cần thu thập các tài liệu và bản đồ như đã nêu ở phần thu thập số liệu của cấp huyện, ngoài một số tài liệu chung thì Tổ công tác cấp xã tập trung thu thập các tài liệu liên quan của xã.

Tập huấn cho các tổ công tác xã

QHSDD-GĐGR có sự tham gia là một quy trình phức tạp và bao gồm nhiều bước khác nhau. Vì thế cần triển khai thực hiện quy trình một cách chi tiết và thận trọng áp dụng 6 nguyên tắc cơ bản. Vì vậy, các thành viên của tổ công tác cấp xã cần được tập huấn QHSDD-GĐGR có sự tham gia. Nội dung tập huấn là giới thiệu tổng thể về quá trình QHSDD-GĐGR có sự tham gia; thời gian tập huấn 6 ngày (bao gồm 1 ngày lý thuyết và 5 ngày thực hành lập kế hoạch QHSDD-GĐGR tại thực địa).

Phần lý thuyết do cán bộ kỹ thuật chịu trách nhiệm giới thiệu với sự phối hợp với Ban chỉ đạo cấp huyện, bao gồm các nội dung sau:

- Các nguyên tắc cơ bản của QHSDD-GĐGR có sự tham gia và áp dụng thực tiễn
- Các bước, hoạt động và thủ tục trong quá trình QHSDD-GĐGR có sự tham gia
- Các chính sách và nghị định liên quan đến QHSDD-GĐGR.
- Hướng dẫn các kỹ năng điều hành các cuộc họp thôn (xem Phụ lục 3)
- Sử dụng các thiết bị, dụng cụ như la bàn và Hệ thống định vị toàn cầu GPS

Sau khi tập huấn, tổ công tác cấp xã với sự hỗ trợ và hướng dẫn của cán bộ chuyên môn - tiến hành lập kế hoạch QHSDD-GĐGR của một thôn. Việc lập kế hoạch QHSDD-GĐGR của một thôn khoảng 5 ngày. Các hoạt động GĐGR ngoại nghiệp chủ yếu do cán bộ chuyên môn thực hiện.

Xác định ranh giới phạm vi vùng đất rừng dự kiến giao cho cáchộ, nhóm hộ của thôn (bản).

Thôn không phải là đơn vị hành chính, thường chưa có ranh giới quản lý đất theo từng thôn. Vùng đất lâm nghiệp của nhiều xã chưa có các mối liên kết với các thôn một cách rõ ràng, nên phải xác định ranh giới vùng đất rừng dự kiến giao cho các hộ, nhóm hộ theo từng thôn lên bản đồ hiện có (tiện sử dụng bản đồ địa chính, bản đồ địa hình, bản đồ quy hoạch...) và thể hiện trên đó ranh giới Bản đồ hành chính xã (theo Chỉ thị 364/1999 về xác định ranh giới hành chính giữa các xã, các huyện và các tỉnh), phân biệt rõ ranh giới xã và diện tích thuộc sự quản lý của các cơ quan khác nhau trên địa bàn xã để cho người dân rõ, để trong kế hoạch sử dụng đất có phương án phối hợp bảo vệ, quản lý, sử dụng. Thông thường thì không xảy ra tranh chấp về ranh giới hành chính của xã; nhưng trong trường hợp nếu có, thì cần báo cáo lên UBND huyện, UBND tỉnh để có hướng giải quyết cụ thể.

Cần xác định cụ thể ranh giới giữa các thôn, xã và các chủ quản lý hiện có để tránh tình trạng tranh chấp đất về sau. Ranh giới giữa các thôn phải được người dân trong thôn công nhận. Ranh giới thôn được xác định dựa trên các tập quán sử dụng đất. Cán bộ chuyên môn cần tổ chức một cuộc họp, mời chủ tịch xã, cán bộ địa chính xã, cán bộ khuyến lâm xã, tất cả các trưởng thôn và đại diện tất cả các cơ quan được giao quản lý đất trên địa bàn xã tham dự. Mục tiêu của cuộc họp là xác định ranh giới giữa các thôn trên địa bàn xã. Khi các thành viên tham gia cuộc họp đồng ý với ranh giới giữa các thôn được xác định như trên bản đồ thì tổ công tác cấp xã sẽ đánh dấu các điểm cụ thể trên thực địa để nhận thấy rõ ràng. Điều quan trọng là phải đánh dấu rõ ranh giới giữa các thôn nhằm tránh các trường hợp tranh chấp có thể xảy ra trong nay mai. Cán bộ địa chính và cán bộ chuyên môn cần ghi lại toạ độ (được xác định bởi hệ thống định vị toàn cầu GPS) của các điểm đánh dấu trên thực địa.

Bản đồ xã thể hiện ranh giới của các thôn sau khi đã thống nhất cần được tất cả các trưởng thôn, tổ công tác cấp xã và chủ tịch xã ký phê duyệt. Đây là cơ sở để vẽ bản đồ các thôn. Nếu có thể, bản đồ thôn phục vụ mục đích triển khai các hoạt động QHSDD-GĐGR ngoại nghiệp nên có cùng tỷ lệ như bản đồ xã theo quy định trong thông tư số 80/2003/TT/BNN-BTC (xem Bảng 1), nhưng tỷ lệ tối thiểu phải là 1:5.000. Hầu hết các bản đồ có tỷ lệ 1: 25.000 hoặc 1:50.000 được phóng lên tỷ lệ 1: 5.000 để tiện theo dõi. Những bản đồ này cần cập nhật thông tin từ kết quả kiểm tra thực địa nhằm đảm bảo tính chính xác.

Bảng 1: Tỷ lệ bản đồ xã theo Thông tư 80/2003/TT/BNN-BTC

Diện tích xã	Tỷ lệ bản đồ xã
Dưới 100 ha	1 : 1.000
từ 100 ha đến 500 ha	1 : 2.000
từ 500 ha đến 5.000 ha	1 : 5.000
từ 5.000 đến 20.000 ha	1 : 10.000*
Trên 20.000 ha	1 : 25.000*

Nếu xã đã có các bản đồ ảnh chụp từ máy bay mới nhất, đã được kiểm tra, đối chiếu tại thực địa và đã được chính quyền tỉnh phê duyệt thì cần sử dụng bản đồ này trong các bước chuẩn bị các bản đồ chi tiết (có tỷ lệ ít nhất là 1:5.000). Cần thiết phải có 3 bản sao của bản đồ mỗi thôn để dùng cho các hoạt động lập kế hoạch sử dụng đất trong các bước tiếp theo.

Lập kế hoạch hoạt động QHSDD-GĐGR có sự tham gia cấp xã

Sau khi tập huấn, các cán bộ chuyên môn và tổ công tác cấp xã sẽ lập các kế hoạch QHSDD-GĐGR chi tiết, nêu rõ tất cả các hoạt động liên quan đến việc thực hiện QHSDD-GĐGR, bao gồm khung thời gian và ngân sách thực hiện tại từng thôn cụ thể. Kế hoạch này cũng dự kiến những công việc tổ chức thực hiện và làm rõ việc QHSDD-GĐGR tại các thôn sẽ được triển khai theo hình thức cuốn chiếu hay là cùng một thời điểm (tổ công tác cấp xã sẽ chia thành nhiều nhóm để triển khai QHSDD-GĐGR tại các thôn cùng một thời điểm). Sau khi thống nhất, kế hoạch QHSDD-GĐGR của xã sẽ được gửi lên cho UBND xã để xem xét và phê duyệt.

Tất cả các vật tư thực hiện quá trình QHSDD-GĐGR được chuẩn bị sẵn trước khi triển khai QHSDD-GĐGR tại thực địa, như văn phòng phẩm, bản sao của các tài liệu, bản đồ, la bàn, Hệ thống định vị toàn cầu, v.v ...

Các kết quả đầu ra của Bước 1: Chuẩn bị

1. Biên bản các cuộc họp cấp huyện và cấp xã
2. Ban chỉ đạo cấp huyện và tổ công tác cấp xã được chính thức thành lập, có quyết định của UBND huyện và UBND xã
3. Các tài liệu và bản đồ liên quan
4. Bản đồ xã thể hiện ranh giới giữa các thôn và ranh giới diện tích đất do các tổ chức quản lý trên địa bàn xã
5. Kế hoạch hoạt động QHSDD-GĐGR của xã và các vật tư cần thiết

1.2 Bước 2: Đánh giá hiện trạng về kinh tế - xã hội, tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp.

Các hoạt động trong bước 2: Đánh giá hiện trạng

1. Tổ chức họp thôn lần 1
2. Đánh giá thực trạng kinh tế-xã hội và sử dụng đất của thôn/bản:
 - Xây dựng sa bàn, đi và vẽ sơ đồ lát cắt
 - Phân tích tình hình kinh tế, xã hội và môi trường và xác định các xu hướng sử dụng đất trong thôn
 - Đánh giá trạng thái rừng
3. Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất của thôn

Qua bước này, điều kiện kinh tế-xã hội và điều kiện tự nhiên của thôn/bản sẽ được tiến hành đánh giá thực tế nhằm có được các thông tin chính xác và cập nhật về tình hình sử dụng đất. Nên tham khảo thêm từ các số liệu thứ cấp thu thập được. Việc đánh giá thực trạng ngoại nghiệp sẽ cung cấp các số liệu cần thiết QHSDD cho bước tiếp theo.

Họp thôn lần 1

Tổ chức cuộc họp thôn lần 1 để bắt đầu triển khai quá trình QHSDD-GĐGR có sự tham gia. Điều quan trọng là đại diện tất cả các hộ gia đình trong thôn (trong đó ít nhất 30% là phụ nữ) nên tham gia cuộc họp này. Cuộc họp sẽ được tổ chức trong 1 buổi, với các mục tiêu:

- Giải thích các mục tiêu, hoạt động và thủ tục của QHSDD-GĐGR có sự tham gia.
- Giới thiệu các chính sách liên quan đến QHSDD-GĐGR cho người dân, đặc biệt là về nghĩa vụ, quyền lợi của các hộ được nhận đất nhận rừng
- Trình bày kế hoạch QHSDD-GĐGR có sự tham gia tại thôn liên quan
- Chọn một số người dân đại diện trong thôn để hỗ trợ trong quá trình QHSDD-GĐGR trên địa bàn thôn.

Cuộc họp này do tổ công tác cấp xã phối hợp với cán bộ chuyên môn tổ chức. Vì đây là cuộc họp quan trọng nên việc chuẩn bị phải được tiến hành kỹ. Tổ công tác cần thảo luận với trưởng thôn về nội dung cuộc họp và chuẩn bị chương trình cụ thể. Ví dụ, trưởng thôn đảm nhận phần giới thiệu về nội dung còn cán bộ kỹ thuật sẽ trình bày về các mục tiêu, hoạt động và thủ tục trong quá trình QHSDD-GĐGR, các phương án GĐGR, các chính sách liên quan đến QHSDD-GĐGR và quyền lợi, nghĩa vụ của người dân được nhận đất nhận rừng. Trưởng thôn sẽ trình bày kế hoạch QHSDD-GĐGR cho toàn thôn được biết và hướng dẫn lựa chọn khoảng 6 – 8 đại diện người

dân trong thôn để hỗ trợ tổ công tác lập kế hoạch QHSDD-GĐGR. Các đại diện chủ chốt của thôn/bản cần được lựa chọn kỹ, dựa trên các chỉ tiêu như sau:

- Hiểu rõ tình hình thôn/bản
- Được người dân trong thôn tôn trọng
- Năng động và sẵn sàng tham gia
- Đại diện cho các nhóm khác nhau trong thôn (có cả nam giới và phụ nữ, già và trẻ, các hộ giàu, nghèo và từng cụm dân cư)

Cuộc họp cần tạo ra đủ cơ hội để người dân đưa ra các câu hỏi, thắc mắc liên quan đến công tác QHSDD-GĐGR. Nên cử một thành viên trong tổ công tác viết biên bản cuộc họp

Đánh giá điều kiện kinh tế-xã hội và trạng thái rừng trên địa bàn thôn

Các hoạt động đánh giá tình hình thôn/bản bao gồm:

- Xây dựng sa bàn,
- Đi và vẽ lát cắt,
- Phân tích điều kiện kinh tế-xã hội và sinh thái,
- Phân tích các xu hướng sử dụng đất
- Đánh giá trạng thái rừng

Sa bàn là hình ảnh thôn/bản thu nhỏ dưới dạng mô hình làm từ đất sét và mùn cưa, có thể giữ lại và tham khảo trong cả quá trình QHSDD-GĐGR. Những đặc điểm thông tin thể hiện trên sa bàn bao gồm đường sá, địa hình, khu dân cư, sông, suối, đất nông nghiệp, khu vực chăn thả gia súc, đất trồng rừng/rừng trồng, đất trống đồi núi trọc, diện tích rừng được thể hiện bằng những ký hiệu và màu sắc khác nhau.

Đi lát cắt là sự quan sát cắt ngang một hệ thống sinh thái nông nghiệp đặc biệt có bản mô tả và phân tích các thành phần của hệ thống đó.

Đi lát cắt gồm 3 phần: đi và quan sát tất cả các điểm đặc trưng và tình hình sử dụng đất trên địa bàn thôn; thảo luận với người dân; và vẽ sơ đồ để ghi chép lại thông tin về hệ thống sử dụng đất.

Phân tích điều kiện kinh-tế, xã hội và môi trường bao gồm so sánh, đối chiếu tình hình sử dụng đất hiện tại và tiềm năng sử dụng đất sau này, giúp cho việc quyết định về những phương án sử dụng đất ưu tiên trong tương lai.

Phân tích xu hướng sử dụng đất bao gồm mô tả vấn đề về diễn biến tình hình sử dụng đất trong 5 – 10 năm trước đó.

Đánh giá trạng thái rừng được thực hiện bằng cách dựa trên kết quả rà soát ba loại rừng của tỉnh năm 2006. Kết quả đó được xem là sơ bộ để điều chỉnh kết quả kiểm kê rừng và tính toán trữ lượng gỗ. Chính vì vậy, trong bước này chỉ cần đánh giá sơ bộ là đủ (xem phụ lục 5 về hệ thống phân loại rừng nhà nước quốc gia).

Xem hướng dẫn chi tiết cách đánh giá điều kiện kinh tế-xã hội và môi trường của thôn bản có sự tham gia của người dân trong thôn tại Phần 2.

Lập bản đồ và báo cáo hiện trạng sử dụng đất

Đơn vị tư vấn có đủ tư cách pháp nhân phối hợp với tổ công tác có thể phác thảo bản đồ và báo cáo hiện trạng sử dụng đất dựa vào sa bàn đã xây dựng và kết quả đánh giá hiện trạng sử dụng đất. Các thông tin nên đưa vào bản đồ là ranh giới đất thuộc sự quản lý của các đối tượng khác nhau trên địa bàn thôn, diện tích đất nông nghiệp, đất được sử dụng cho các mục đích khác nhau như được quy định trong Luật đất đai sửa đổi và Thông tư 30/2004/TT-BTNMT.

Báo cáo về hiện trạng sử dụng đất đi kèm bản đồ cần có các thông tin về:

- Diện tích đất được sử dụng cho các mục đích khác nhau đối với mỗi loại hình sử dụng
- Diễn biến thay đổi việc sử dụng đất trong 5 – 10 năm trước đó
- Phân tích diễn biến thay đổi việc sử dụng đất đối với mỗi loại hình sử dụng trong 5 năm qua
- Tiềm năng và cơ hội trong việc sử dụng đất trong tương lai, hướng đến nâng cao công tác quản lý tài nguyên theo hướng bền vững.

Thông tư 30/2004/TT-BTNMT hướng dẫn chi tiết về những yêu cầu viết báo cáo hiện trạng sử dụng đất, bao gồm cả các mẫu biểu cần thiết. Báo cáo này là một phần của báo cáo lập kế hoạch sử dụng đất. Một số mẫu biểu này được dựa trên cơ sở kết quả của việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất trước đây và có thể điền các thông tin khi xây dựng kế hoạch sử dụng đất trong giai đoạn vừa qua.

Theo thông tư số 08/2007/TT-BTNMT, hàng năm xã phải có báo cáo hiện trạng sử dụng đất cho UBND huyện.

Kiểm kê rừng có sự tham gia và tính toán trữ lượng gỗ

Thông tư 38/2007/TT-BNN quy định công tác kiểm kê rừng cụ thể bao gồm cả tính toán trữ lượng là điều kiện tiên quyết để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng. Vì vậy, chỉ ước tính trữ lượng gỗ trên cơ sở thực trạng rừng thì không đủ để phù hợp với khung chính sách mới của nhà nước.

UBND huyện và UBND tỉnh sẽ chọn đơn vị tư vấn tiến hành công tác kiểm kê.

Đơn vị tư vấn được chọn đó phải thông báo và cho phép các tổ chức, các hộ gia đình, các cá nhân và người dân tham gia vào tiến trình xác định các đặc điểm của rừng.

Kết quả của công tác kiểm kê rừng có sự tham gia như sau:

- Số liệu kiểm kê rừng cung cấp thông tin về hiện trạng rừng, các loài cây chủ yếu, số cây hiện có, trữ lượng, chiều cao cây
- Kết quả kiểm kê rừng cung cấp số liệu mang tính kế hoạch cho công tác quản lý rừng cộng đồng.

Mật độ ô mẫu được xác định theo Quyết định 2961 ban hành năm 1997 (Viện ĐT-QHR) và được mô tả trong bảng 3.

Các bước kỹ thuật chính của công tác kiểm kê rừng bao gồm:

- Xác định các lô, khoảnh kiểm kê rừng có cùng hiện trạng và loại rừng trên cơ sở bản đồ GĐGR thôn/bản (tốt nhất là sử dụng số liệu của Hệ thống thông tin địa lý GIS)
- Trên cơ sở phân chia các ô mẫu có hệ thống, xác định mạng lưới ô trên bản đồ GĐGR thôn/bản để xác định vị trí các ô mẫu tại thực địa
- Việc thu thập dữ liệu do người dân và đơn vị tư vấn tiến hành
- Đơn vị tư vấn sẽ tiến hành phân tích số liệu để tính toán trữ lượng rừng
- Trữ lượng ước tính được xây dựng bằng cách sử dụng các phương pháp thống kê trữ lượng hai yếu tố do Viện ĐTQHR³ xác định
- Số liệu về thực trạng và trữ lượng rừng được mô tả riêng biệt cho từng lô, khoảnh trên cơ sở hệ thống phân loại thực trạng rừng theo Quyết định 684/1994/QĐ-BNN của Bộ NN-PTNT

³ Viện ĐT-QHR 1995: Sổ tay về điều tra danh mục rừng, Nhà xuất bản Nông nghiệp 1995

- Kết quả kiểm kê rừng được trình bày trong một bảng tóm tắt theo mẫu ở phụ lục 7 của Thông tư 38/2007/TT-BNN ban hành vào tháng 4 năm 2007.

Công tác thực địa được tiến hành bởi đại diện các nhóm công tác (cán bộ kỹ thuật lâm nghiệp), đơn vị tư vấn và những nông dân chủ chốt.

Theo quy định của Thông tư 38/2007/TT-BNN, cơ quan chức năng cấp huyện chịu trách nhiệm đánh giá bằng văn bản chất lượng rừng trong quá trình phê duyệt các kết quả điều tra thực địa có chữ ký của đại diện đơn vị tư vấn (đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm chính trong công tác đánh giá chất lượng rừng), chữ ký của đại diện UBND xã, các hộ gia đình và các cá nhân được giao rừng nhằm đảm bảo những nội dung của tài liệu thông qua phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước về giao rừng cho các hộ gia đình và các cá nhân.

Bảng 1: Ước tính số ô mẫu thu thập cho công tác kiểm kê rừng trong rừng tự nhiên (trạng thái từ >IIB) và rừng trồng Quy định 2961 NN-KHQH/QĐ ban hành năm 1997 của Viện ĐT-QHR

Số ô mẫu thu thập để tính toán trữ lượng gỗ với các lô rừng tự nhiên (có hiện trạng IIB trở lên) phụ thuộc vào diện tích của lô được giao:

- Đối với các lô có diện tích dưới 1 ha: Không cần tính toán trữ lượng gỗ riêng biệt mà có thể sử dụng trữ lượng gỗ của các lô lân cận có cùng trạng thái.
- Đối với các lô có diện tích từ 1 ha đến 3 ha: Tính toán trữ lượng gỗ bằng cách thiết lập 1 ô mẫu.
- Đối với các lô có diện tích trên 3 ha (tối đa là 30 ha): Tính toán trữ lượng gỗ thông qua 3 – 6 lô mẫu.

Mỗi ô mẫu có diện tích 500 m² (20x25 m).

Số ô mẫu (có diện tích 100 m²) để tính toán trữ lượng gỗ rừng trồng phụ thuộc vào cấp tuổi của các lâm phần:

- Cấp tuổi I: Không tính toán trữ lượng gỗ mà chỉ xác định số loài cây, năm trồng, số cây/ha (N/ha), chiều cao trung bình (H), và ước tính đường kính của phần thân cây gần mặt đất.
 - Cấp tuổi II: 1% tỷ lệ diện tích rừng trồng
 - Cấp tuổi III và trên III: 2% diện tích rừng trồng
- (Số ô mẫu = diện tích rừng trồng (m²)*0.01 (đối với cấp tuổi II)/100 (m²))

Cấp tuổi thay đổi đối với từng loài cây khác nhau:

- Cây lấy gỗ cứng có đặc điểm tăng trưởng rất chậm với chu kỳ cấp tuổi là 15 năm: Lát hoa, Lim, Sáo Dầu, v.v...
- Cây lấy gỗ cứng có đặc điểm tăng trưởng chậm với chu kỳ cấp tuổi là 10 năm: Gió, Xoan, Sau sau, Xà cừ, v.v...
- Cây lấy gỗ mềm có đặc điểm tăng trưởng nhanh với chu kỳ cấp tuổi là 5 năm: Mỡ, Thông, Sa mộc, Philao, v.v...
- Cây lấy gỗ mềm có đặc điểm tăng trưởng rất nhanh với chu kỳ cấp tuổi là 3 năm: Bạch đàn, Bò đề, Keo, Xoan ...

Trữ lượng gỗ rừng trồng được tính toán tương tự như cách tính đối với rừng tự nhiên. Tuy nhiên, đối với rừng trồng thì số liệu đo được từ chỉ một cây trung bình có thể áp dụng để tính toán tổng trữ lượng gỗ của toàn bộ lô mẫu. Xem Phụ lục 6.

Việc tổng hợp các bản đồ và báo cáo của thôn thành bản đồ và báo cáo cấp xã sẽ được tiến hành sau khi hoàn tất việc lập kế hoạch sử dụng đất. Trên thực tế, sẽ dễ dàng hơn nếu hoàn tất cả phần đánh giá hiện trạng và xây dựng kế hoạch sử dụng đất của một thôn trước.

Các kết quả đầu ra của Bước 2: Đánh giá hiện trạng

1. Biên bản cuộc họp thôn lần 1
2. Kết quả đánh giá trạng thái rừng, bao gồm:
 - sa bàn, sơ đồ, lát cắt,
 - phân tích điều kiện kinh tế, xã hội và môi trường
 - xác định các xu hướng sử dụng đất
 - đánh giá trạng thái rừng theo hệ thống phân loại rừng của nhà nước
3. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất của thôn/bản và báo cáo theo Thông tư số 30/2004/TT-BTNMT
4. B ảnh đồ và bảng thống kê trữ lượng gỗ các loại theo từng thửa đất rừng

1.3 Bước 3: Xây dựng kế hoạch sử dụng đất cấp xã

Các hoạt động trong bước 3: Xây dựng kế hoạch sử dụng đất cấp xã

1. Xây dựng kế hoạch sử dụng đất của thôn (bản thảo)
2. Tổ chức cuộc họp thôn lần 2
3. Hoàn thiện kế hoạch sử dụng đất của thôn và trình bày kết quả trước UBND xã
4. Lập kế hoạch sử dụng đất cấp xã, báo cáo và trình kế hoạch lên HĐND xã để phê duyệt
5. Trình bày và trình kế hoạch và báo cáo sử dụng đất của xã lên UBND huyện để phê duyệt.

Kế hoạch sử dụng đất là cơ sở để xây dựng kế hoạch GD&GR chi tiết và triển khai GD&GR tại thực địa. Vì thế, cần tiến hành các bước QHSDĐ một cách cẩn thận nhằm tránh được những tranh chấp sau này. Kế hoạch sử dụng đất có thể xác định dựa trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất, sa bàn, sơ đồ lát cắt, kết quả phân tích các điều kiện kinh tế-xã hội và môi trường của thôn/bản, các xu hướng sử dụng đất đã được xác định và kết quả đánh giá trạng thái rừng của thôn/bản.

QHSDĐ có thể được hiểu như sau:

“Quy hoạch sử dụng đất là đánh giá một cách có hệ thống về tiềm năng đất đai và các phương án sử dụng đất nhằm sử dụng đất một cách bền vững, hướng đến cải thiện công tác quản lý đất đai và nâng cao điều kiện kinh tế và xã hội của địa phương. QHSDĐ có sự tham gia được triển khai với một loạt các bước có trình tự và được dựa trên cơ sở trao đổi và đồng nhất lợi ích của tất cả các bên có liên quan.” (Dự án LNXH Sông Đà-Sơn La).

Xây dựng dự thảo kế hoạch sử dụng đất của thôn/bản

Tổ công tác sẽ hỗ trợ các thành viên đại diện chủ chốt của thôn dự thảo kế hoạch sử dụng đất của chính thôn đó. Các hoạt động liên quan đến việc dự thảo kế hoạch sử dụng đất lần đầu bao gồm:

1. Xác định các mục tiêu tổng thể và các mục tiêu cụ thể để đạt được công tác sử dụng và quản lý đất đai bền vững, tăng cường việc quản lý đất đai và cải thiện điều kiện kinh tế, xã hội trong thôn.
2. Lựa chọn các phương án sử dụng đất phù hợp và xác định diện tích và địa điểm sẽ áp dụng mỗi phương án sử dụng.
3. Xác định diện tích và địa điểm đất rừng được đề xuất để giao cho các hộ cá thể, các nhóm hoặc cho cộng đồng dân cư thôn.

(Xem phần 2 về các bước hướng dẫn xây dựng kế hoạch sử dụng đất lần đầu của thôn/bản)

Mục tiêu tổng thể và mục tiêu cụ thể được xác định cho thôn cần phải dựa vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của xã và các kế hoạch của các ban, ngành, tổ chức khác nhau đối với tất cả các loại hình sử dụng đất theo quy định của nhà nước. Mục tiêu cụ thể đặt ra cho thôn/bản cần phải tuân thủ luật định, ví dụ, mục tiêu cụ thể đối với thôn cần dựa theo từng loại đất rừng (rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng; xem Bảng 1). Diện tích 3 loại rừng này do cấp tỉnh xác định. Chỉ có thể giao đất lâm nghiệp, đất rừng sản xuất cho các cá nhân, hộ gia đình hoặc nhóm hộ và cộng đồng; còn rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sự quản lý của các BQL liên quan.

Bảng 2: Phân loại rừng và đất lâm nghiệp (Luật Bảo vệ và Phát triển rừng)

Rừng đặc dụng - được sử dụng chủ yếu để bảo tồn thiên nhiên, mẫu chuẩn hệ sinh thái rừng của quốc gia, các nguồn gen sinh vật rừng; nghiên cứu khoa học; bảo vệ các di tích văn hóa và lịch sử; danh lam thắng cảnh; phục vụ nghỉ ngơi, du lịch kết hợp với phòng hộ, góp phần vào việc bảo vệ môi trường, bao gồm:

- a. Vườn quốc gia
- b. Khu bảo tồn thiên nhiên gồm khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh;
- c. Khu bảo vệ cảnh quan gồm khu rừng di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh;
- d. Khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học;

Rừng phòng hộ là rừng được sử dụng chủ yếu để bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đất và đất, chống xói mòn, chống sa mạc hóa, hạn chế thiên tai, điều hoà khí hậu, góp phần bảo vệ môi trường, bao gồm:

- a. Rừng phòng hộ đầu nguồn;
- b. Rừng phòng hộ chắn gió, cát bay cát lấp;
- c. Rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển;
- d. Rừng phòng hộ bảo vệ môi trường.

Rừng sản xuất - được sử dụng chủ yếu để sản xuất và kinh doanh gỗ, lâm sản ngoài gỗ và kết hợp phòng hộ, góp phần bảo vệ môi trường, bao gồm:

- a. Rừng sản xuất là rừng tự nhiên;
- b. Rừng sản xuất là rừng trồng;
- c. Rừng giống, gồm rừng trồng và rừng tự nhiên qua bình tuyển, công nhận.

Các phương án sử dụng đất phù hợp cần được lựa chọn đối với mỗi diện tích dựa trên kết quả của hoạt động đi lát cắt và sơ đồ lát cắt, phân tích điều kiện và kinh tế- xã hội và môi trường cũng như đánh giá trạng thái rừng, mục tiêu phát triển tổng thể và mục tiêu phát triển cụ thể đã được xác định. Đặc biệt cần chú ý đến nhu cầu của người dân trong sử dụng đất nông nghiệp và các loại đất khác. Tất cả các phương án sử dụng đất cần được xem xét và đánh giá một cách thấu đáo để xác định phương án tối ưu nhất, đáp ứng nhu cầu của người dân địa phương.

Cần đánh giá lại kết quả giao đất giao rừng đã được giao trước đây. Nếu thực tế sử dụng đất được giao khác với mục đích sử dụng đã xác định ban đầu thì cần

đưa ra các giải pháp để khắc phục tình trạng này. Có các hình thức giao đất rừng chính như sau:

- Giao cho cá nhân, hộ gia đình,
- Giao cho các nhóm hộ gia đình,
- Giao cho cộng đồng dân cư thôn/bản

Phương án phù hợp nhất tùy thuộc vào từng tình hình cụ thể, đặc điểm văn hóa cũng như vị trí đất rừng, xem bảng dưới đây.

Bảng 3: Thuận lợi, khó khăn và những điều kiện phù hợp của mỗi hình thức giao đất giao rừng

	Người hưởng lợi từ GDGR		
	Các hộ gia đình	Các nhóm hộ	Cộng đồng thôn/bản
Thuận lợi	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Lợi ích và trách nhiệm rõ ràng ▪ Rất quan tâm để đầu tư nguồn lực vào diện tích đất được giao 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Việc xác định ranh giới khá dễ dàng ▪ Bảo vệ chung ▪ Giảm được chi phí đối với các hoạt động quản lý 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Việc xác định ranh giới khá dễ dàng ▪ Bảo vệ chung ▪ Giảm được chi phí đối với các hoạt động quản lý
Khó khăn	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Khó khăn trong việc bảo vệ ▪ Khó xác định và duy trì ranh giới 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Chia sẻ trách nhiệm và lợi ích chung ▪ Ít quan tâm đầu tư nguồn lực vào việc phát triển, bảo vệ và quản lý 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Chia sẻ trách nhiệm và lợi ích chung ▪ Ít quan tâm đầu tư nguồn lực vào việc phát triển, bảo vệ và quản lý
Các điều kiện phù hợp	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Những diện tích gần khu dân cư ▪ Những lô đất có diện tích tương đối hẹp 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Khá xa khu dân cư ▪ Các lô giao có diện tích lớn hơn ▪ Giữa các thành viên trong nhóm có quan hệ, cam kết chặt chẽ ▪ Diện tích rừng trong thôn hạn chế ▪ Diện tích rừng có nguồn tài nguyên phục vụ lợi ích chung của cả nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Khá xa khu dân cư ▪ Các lô giao có DT lớn hơn ▪ Người dân trong thôn có quan hệ, cam kết chặt chẽ ▪ DT rừng trong thôn hạn chế ▪ DT rừng có nguồn tài nguyên thuộc mối quan tâm chung của cả cộng đồng dân cư thôn ▪ Tính cần thiết phải bảo vệ DT rừng hiện có cho các nhóm chịu thiệt thòi, cho các thế hệ sau và cho người nhập cư

Ưu điểm của việc giao đất cho từng hộ gia đình là tính trách nhiệm và lợi ích rõ ràng; điều này khuyến khích người dân đầu tư nguồn lực vào diện tích rừng được giao. Hạn chế của phương án này là nó đòi hỏi nhiều công sức trong việc xác định và duy trì ranh giới giữa các lô và bảo vệ diện tích đã giao. Còn ưu điểm chính của phương án giao đất giao rừng cho từng nhóm hộ hoặc thôn/bản là xác định ranh giới tương đối dễ dàng (hoặc tận dụng đặc điểm tự nhiên hiện có để làm ranh giới) và giảm được những đầu tư đầu vào cần thiết của mỗi hộ đối với công tác bảo vệ và quản lý. Tuy nhiên, một hạn chế của phương án này là vì giao theo nhóm hộ nên giữa các hộ trong nhóm phải chia sẻ trách nhiệm và lợi ích của nhóm. Điều này có thể làm cho các hộ trong nhóm ít quan tâm đầu tư vào các hoạt động phát triển, bảo vệ và quản lý.

Giao đất, giao rừng cho từng hộ gia đình có thể là phương án phù hợp nhất đối với những khu vực gần khu dân cư vì như vậy việc quản lý và bảo vệ của hộ đó đối với phần đất được giao là khá dễ dàng. Còn giao đất, giao rừng cho thôn hoặc nhóm hộ và cộng đồng sẽ là phương án phù hợp đối với những khu vực rừng tương đối xa khu dân cư và diện tích mà không thể giao cho các tổ chức hoặc từng hộ gia đình. Một lý do nữa là có thể áp dụng hình thức giao đất rừng cho toàn bộ cộng đồng thôn/bản đối với các khu rừng thiêng, rừng để tranh chấp.

Trong bước xây dựng dự thảo kế hoạch sử dụng đất, cần xác định được diện tích và địa điểm đất lâm nghiệp sẽ được giao cho các hộ gia đình, các nhóm hộ hoặc cho toàn bộ cộng đồng dân cư thôn.

Họp thôn lần 2

Đây là cuộc họp thôn rất quan trọng vì nội dung chính của cuộc họp là thảo luận kế hoạch sử dụng đất của thôn/bản. Vì thế, đại diện của tất cả các hộ gia đình trong thôn nên tham gia cuộc họp này (trong đó có ít nhất 30% là phụ nữ). Cuộc họp sẽ được tổ chức trong 1 buổi, với những mục tiêu:

- Thống nhất kế hoạch sử dụng đất của thôn, bao gồm cả kế hoạch GD&GR
- Giải thích rõ các bước tiếp theo của quá trình QHSDĐ-GDGR có sự tham gia.

Trong cuộc họp này, các kết quả đánh giá hiện trạng sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất của thôn đã xây dựng sẽ được trình bày, thảo luận và thống nhất nhằm bảo đảm kế hoạch sử dụng đất được mọi người dân trong thôn nhất trí. Nếu cần thiết, có thể điều chỉnh và bổ sung kế hoạch sử dụng đất trên cơ sở các ý kiến đóng góp của các thành viên tham gia cuộc họp.

Sau khi trên 80% người dân tham gia họp thống nhất được kế hoạch sử dụng đất, tổ công tác sẽ phối hợp với cán bộ chuyên môn hoàn thiện và trình kế hoạch lên UBND xã và UBND huyện để phê duyệt. Sau khi được UBND huyện phê duyệt, có thể bắt đầu triển khai các hoạt động GD&GR.

Xem thêm chi tiết về cách tổ chức cuộc họp thôn lần 2 tại Phần 2.

Bảng 4: Các bài học kinh nghiệm từ thực tế GDGR tại tỉnh Quảng Bình

Trước khi Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2005 chưa được ban hành, thì việc GDGR cho các cộng đồng thôn/bản không được phép vì thế toàn bộ đất lâm nghiệp, đất rừng chỉ được giao cho các hộ gia đình hoặc các tổ chức. Một số nơi ở huyện Bố Trạch, đất lâm nghiệp, đất rừng chỉ được giao cho một số hộ vì chỉ có một vài hộ có nhu cầu nhận đất. Điều này có thể gây ra những khó khăn, vướng mắc trong xu hướng hiện nay khi những hộ không được nhận đất, nhận rừng không tiếp cận được với các sản phẩm từ rừng cho các mục đích sinh hoạt hàng ngày (ví dụ như củi). Nói chung, tất cả các hộ trong thôn, trừ những hộ không có nhu cầu, đều nên nhận đất, nhận rừng. Vì thế, điều quan trọng là lợi ích cũng như quyền sử dụng đất rừng cần được giải thích rõ ràng trước khi tiến hành giao đất giao rừng và thực hiện những công việc thực tế tiếp theo.

Một số trường hợp tại các huyện Minh Hoá và Tuyên Hoá, đất lâm nghiệp, đất rừng được giao theo những dải dài và hẹp gần khu dân cư nơi các hộ sinh sống, chạy từ chân đồi lên đến đỉnh đồi. Một số lô có chiều rộng chỉ 30m và dài đến 5 km. Việc giao đất theo những dải dài và hẹp có thể là phương án đảm bảo tính công bằng nhưng lại hạn chế công tác quản lý và sử dụng.

Từ các bài học thực tế rút ra, khi thực hiện GD&GR trước hết nên thảo luận về các khó khăn hiện tại trong công tác quản lý rừng và các giải pháp khắc phục. Trước khi thảo luận về việc ai sẽ được giao đất và ở vị trí nào. Điều này thường dẫn đến kết quả là hình thức giao đất giao rừng cho các hộ gia đình được áp dụng ở những phần diện tích đất gần khu dân cư và hình thức GD&GR cho cộng đồng và nhóm hộ được áp dụng ở những phần diện tích xa hơn hoặc những phần diện tích rừng thuộc quan tâm chung. Khi tiến hành giao đất trên thực địa, cần lợi dụng các đặc điểm địa hình địa vật sẵn có để làm ranh giới nhằm đảm bảo cho việc xác định ranh giới ổn định lâu dài.

Hoàn thiện kế hoạch sử dụng đất của thôn/bản và trình lên UBND xã

Tổ công tác hoàn thiện kế hoạch sử dụng đất của thôn và đảm bảo các bản đồ và tài liệu liên quan được chuẩn bị theo Thông tư 09/2007/TT-BTNMT, Thông tư 30/2004/TT-BTNMT, Thông tư 38/2007/TT-BNN và Hướng dẫn của Sở TNMT về lập kế hoạch sử dụng đất cấp xã giai đoạn năm 2005 đến 2015.

Sau khi các thôn trên địa bàn xã hoàn thành kế hoạch sử dụng đất, thì tất cả các trường thôn được mời trình bày kế hoạch sử dụng đất thôn bản của mình trước UBND xã. Cuộc họp này cần thảo luận và đi đến thống nhất về sự liên quan trong các hoạt động sử dụng đất giữa các thôn/bản.

UBND xã xem xét và ký duyệt kế hoạch sử dụng đất của từng thôn/ bản

Trình bày và trình kế hoạch sử dụng đất của xã lên UBND huyện phê duyệt

Sau khi kê hoạch sử dụng đất rừng của các thôn, bản được UBND xã phê duyệt, cán bộ chuyên môn và tổ công tác cấp xã tổng hợp lập thành kế hoạch sử dụng đất rừng của xã, UBND xã trình kế hoạch sử dụng đất của xã trước UBND huyện để lấy ý kiến đóng góp trước khi phê duyệt. Cuộc họp này cần có sự tham gia của đại diện của các cơ quan, ban ngành sau đây: Phòng TNMT, Hạt KL, Phòng Kinh tế, các tổ chức quản lý đất trên địa bàn xã và một số tổ chức liên quan khác.

Tổ công tác và cán bộ chuyên môn sẽ chỉnh sửa kế hoạch sử dụng đất của xã trên cơ sở các ý kiến nhận xét, đóng góp và báo cáo nội dung chỉnh sửa trong cuộc họp thôn lần 3 (nếu có); sau đó trình lên UBND huyện phê duyệt.

Các kết quả đầu ra của Bước 3: Xây dựng kế hoạch sử dụng đất cấp xã

1. Biên bản cuộc họp thôn lần 2
2. Kế hoạch sử dụng đất mang tính thực tế của mỗi thôn
3. Biên bản cuộc họp xã
4. Bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp xã và báo cáo phương án trình lên UBND huyện phê duyệt

1.4 Bước 4: Lập kế hoạch GD&GR thôn/bản

Các hoạt động trong bước 4: Lập kế hoạch GDGR thôn/bản

1. Chuẩn bị xây dựng kế hoạch GD&GR của thôn
2. Họp thôn lần 3
3. Lập và phê duyệt danh sách các hộ, nhóm hộ đủ điều kiện nhận đất lâm nghiệp
4. Họp với các hộ sẽ được nhận đất lâm nghiệp trên cùng một khu vực rừng
5. Lập sơ đồ GDGR của thôn

Các bước chuẩn bị lập kế hoạch GDGR của thôn/bản

Sau khi kế hoạch sử dụng đất của xã đã được phê duyệt, đơn vị tư vấn phối hợp với tổ công tác cấp xã cùng với một số người dân đại diện bắt đầu chuẩn bị để xây dựng kế hoạch GD&GR. Cụ thể:

- Chuẩn bị kế hoạch GD&GR của xã
- Dự kiến số hộ, nhóm hộ sẽ nhận đất nhận rừng tại từng khu vực
- Xây dựng các tiêu chí GD&GR
- Sao bản đồ hiện trạng sử dụng đất của thôn/bản để sử dụng làm bản đồ nền cho công tác ngoại nghiệp.

Lưu ý: Theo Điều 22 Nghị định 23/2006/ND-CP, diện tích tối đa được giao cho từng hộ gia đình không được quá 30ha.

Bản đồ hiện trạng sử dụng đất phải đề cập rõ các diện tích và trạng thái rừng đã được lập trong bước 2. Nên sử dụng các loại bút chì màu để bổ sung và phân biệt rõ các đặc trưng địa lý trên bản đồ nền như sông, suối, đò, núi... Cần lập bản đồ càng chi tiết càng tốt nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác ngoại nghiệp.

Kế hoạch GDGR của xã cần đề cập đến trình tự các thôn sẽ tiến hành GD&GR và khung thời gian thực hiện của mỗi thôn.

Tổ công tác và đại diện người dân trong thôn sẽ dự kiến số hộ cá nhân, số nhóm hộ được nhận đất nhận rừng và số hộ trong nhóm phù hợp. Việc kiểm tra trên thực địa giúp đưa ra những con số dự kiến phù hợp. Những con số dự kiến sẽ được thảo luận và thống nhất trong cuộc họp thôn.

Các tiêu chí để GD&GR và xác định các hộ gia đình có đủ điều kiện để nhận đất nhận rừng, xác định địa điểm và diện tích đất sẽ được giao, như:

- Vị trí của hộ gia đình
- Các hoạt động lâm nghiệp đã triển khai tại từng khu vực
- Mức độ thu nhập phụ thuộc và đất lâm nghiệp, rừng
- Số lao động chính và lao động phụ

Những tiêu chí này sẽ được thảo luận thêm trước khi đi đến thống nhất trong cuộc họp thôn. Thường thì số lao động chính và lao động phụ trong gia đình được xem là một tiêu chí quan trọng vì công tác bảo vệ và phát triển rừng đòi hỏi nhiều công lao động. Đặc biệt là người nghèo, đối tượng hạn chế về nguồn lực lao động là sống chủ yếu phụ thuộc vào nguồn tài nguyên rừng. Vì thế, không nên tách những hộ này ra khỏi tiêu chuẩn các hộ được nhận đất nhận rừng nếu không họ sẽ có nguy cơ ngày càng nghèo đi.

Cuộc họp thôn lần 3

Tất cả các hộ có nhu cầu muốn nhận đất nhận rừng cần tham gia cuộc họp thôn lần 3. Cuộc họp này sẽ được tổ chức trong 1 buổi, với các mục tiêu sau đây:

- Trình bày kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt
- Nêu rõ quyền lợi và nghĩa vụ của việc nhận đất nhận rừng
- Thống nhất số hộ và nhóm hộ dự kiến được nhận đất nhận rừng tại từng khu vực
- Thống nhất các tiêu chí GDGR
- Phát mẫu đơn xin nhận đất nhận rừng (phụ lục 3)
- Thống nhất về phần đóng góp của người dân trong GD&GR tại thực địa

Người dân nên có mặt khi tiến hành GDGR tại thực địa và xác định ranh giới giữa các lô. UBND xã có thể ban hành quy định nhằm huy động mọi người dân trong thôn hỗ trợ tham gia quá trình GDGR tại thực địa (xem Phần 2 về hướng dẫn chi tiết cách tổ chức họp thôn).

Lập và phê duyệt danh sách các hộ gia đình đủ điều kiện nhận đất nhận rừng

Tổ công tác sẽ tổng hợp tất cả các đơn xin nhận đất nhận rừng và lập danh sách các hộ đăng ký xin nhận đất nhận rừng. Danh sách đăng ký cũng cần tổng hợp số lao động chính và lao động phụ của các hộ nhằm tạo thuận lợi cho việc lập danh sách các hộ có đủ điều kiện nhận đất nhận rừng.

Tổ công tác sẽ lập danh sách các hộ gia đình và các nhóm hộ có đủ và không có đủ điều kiện nhận đất nhận rừng. Tổ công tác sẽ xem xét danh sách các hộ cá nhân đăng ký nhận đất nhận rừng và thảo luận với các hộ này về khả năng GD&GR cho từng hộ. Phụ thuộc vào các tiêu chí lựa chọn, tổ công tác sẽ xem xét vị trí hộ gia đình, khả năng tiếp cận đất rừng, mức độ phụ thuộc của hộ vào đất rừng, trạng thái rừng, nguồn lực sẵn có của hộ gia đình để xác định diện tích và vị trí đất rừng sẽ được giao. Danh sách những hộ đủ điều kiện bao gồm tên chủ hộ, diện tích dự kiến được giao, trạng thái rừng, địa điểm và mục đích sử dụng. Đây là những thông tin không thể thiếu trong danh sách những hộ đủ điều kiện nhận đất nhận rừng theo thông tư số 29/2004/TT-BTNMT.

Tổ công tác sẽ trình các danh sách lên UBND xã để phê duyệt. Sau khi phê duyệt danh sách các hộ đủ điều kiện, UBND xã sẽ niêm yết công khai danh sách các hộ và nhóm hộ đủ điều kiện và không đủ điều kiện nhận đất nhận rừng tại UBND xã và nhà trường thôn. Sau đó, tổ công tác cấp xã sẽ thông báo cho người dân để mọi người cùng biết để đến xem. Danh sách sẽ được thông báo công khai trong vòng 15 ngày để người dân có cơ hội xem kết quả và đưa ra kiến nghị.

Họp với các hộ sẽ nhận đất nhận rừng trong cùng một khoảnh, tiểu khu

Sau khi có danh sách cuối cùng về những hộ đủ điều kiện nhận đất nhận rừng, người dân sẽ biết được họ sẽ được nhận đất nhận rừng tại tiểu khu nào. Tuy nhiên lại chưa biết vị trí của lô đất/rừng được nhận. Vì thế tổ công tác cần tổ chức một cuộc họp với tất cả các hộ gia đình sẽ được nhận đất nhận rừng trong cùng một tiểu khu để thảo luận những nội dung sau:

- Vị trí các lô đất
- Cơ chế phân lô
- Tiến hành phân lô

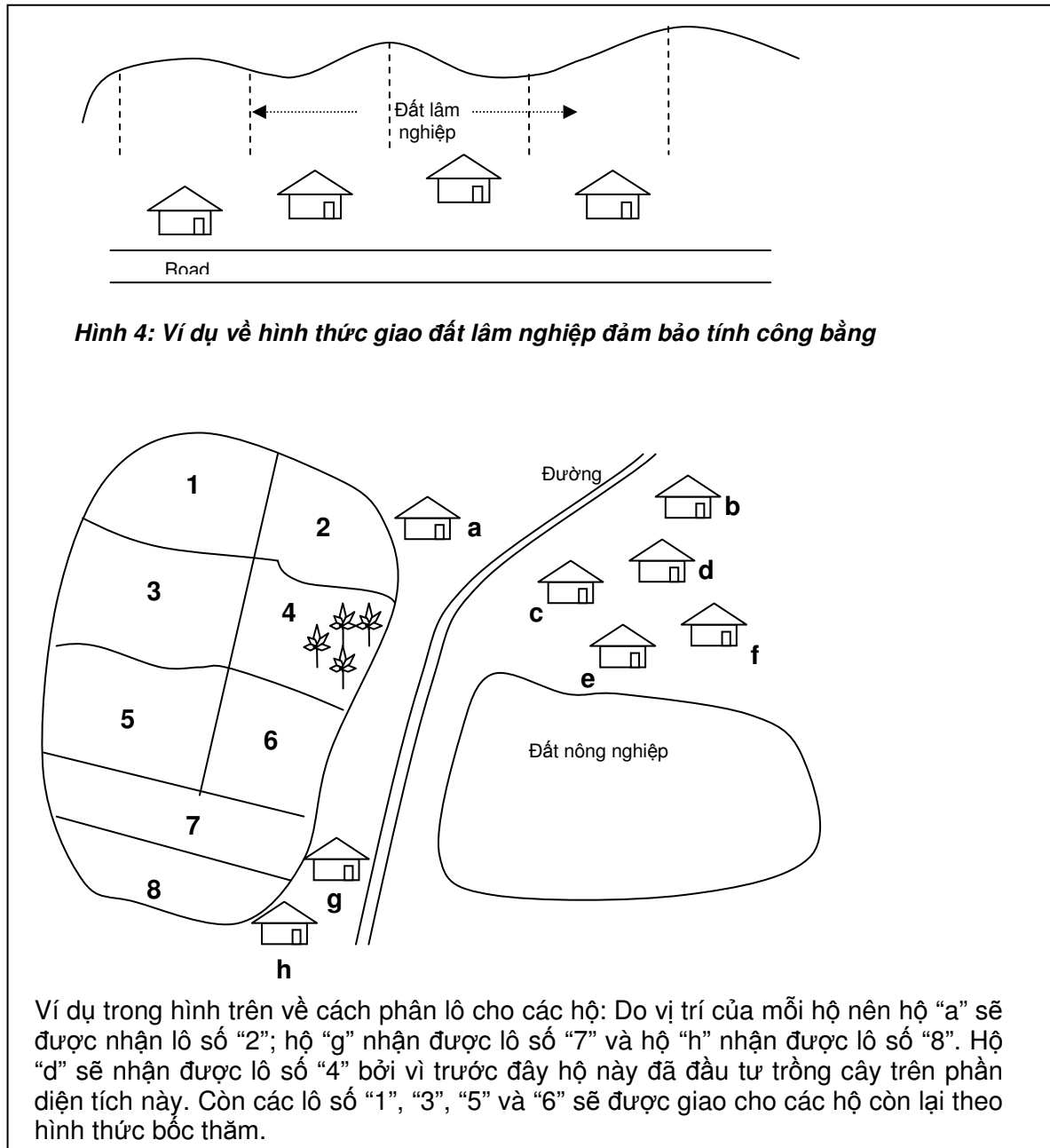
Các lô rừng trong cùng một tiểu khu có khi khác nhau về trạng thái hoặc khả năng tiếp cận nên thường dẫn đến tình trạng nhiều hộ gia đình cùng thích một số lô trong khi không hộ nào quan tâm đến các lô khác. Vì thế điều quan trọng là phải thống nhất được cách phân lô. Cách phân lô tốt nhất là tùy vào tình hình và điều kiện thực tế của địa phương. Các cách phân lô bao gồm:

Thảo luận: Đây là cách tốt nhất để phân chia đất rừng. Thảo luận chỉ là điểm khởi đầu nhưng thường thì chỉ thảo luận thôi chưa đủ để đi đến thống nhất.

Phân chia đồng đều: Cách này thường dẫn đến kết quả là các lô được phân rất hẹp, có diện tích bằng nhau và trạng thái rừng như nhau nhưng khó quản lý. Cách này chỉ phù hợp đối với các hộ sống hai bên đường và có những lô, dải đất không quá dài và không quá hẹp, xem hình 4.

Bốc thăm: Bốc thăm là một phương án chia lô mà các hộ gia đình đều có quyền được nhận đất nhận rừng. Tuy nhiên, khi áp dụng dụng phương án này thì có thể dẫn đến tình huống là hầu hết các hộ gia đình đều không hài lòng với kết quả đã bốc. Vì thế, cần cho phép các hộ trao đổi kết quả bốc thăm khi hai bên đã đồng ý.

Hình thức kết hợp: Đây là hình thức kết hợp tất cả những hình thức phân lô đã đề cập trên đây; hầu hết trong mọi trường hợp thì đây là hình thức hay nhất. Đầu tiên cần xác định mỗi liên hệ hiện có giữa các hộ và đất sẽ được giao: về mặt khả năng tiếp cận và những hoạt động lâm nghiệp đã được triển khai. Cần tránh những trường hợp có hộ này nhận được diện tích đất lâm nghiệp ở sau vườn nhà của hộ kia hoặc có hộ được giao lô đất nơi hộ khác đã đầu tư trồng rừng. Vì thế, cần thảo luận để thống nhất trong khi giao một số lô. Sau đó, tùy vào tình hình cụ thể mà có thể áp dụng cách giao theo hình thức bốc thăm hoặc phân lô đồng đều, xem hình 5.



Hình 4: Hình thức giao đất thông qua bàn bạc, thảo luận, chia công bằng và

Nếu có bất cứ tranh chấp nào giữa các hộ đã được nhận đất nhận rừng thì cần giải quyết dứt điểm trong cuộc họp này hay cũng có thể tổ chức giải quyết qua một cuộc họp riêng có sự tham gia của các hộ liên quan và chính quyền địa phương. Sau khi các hộ thống nhất về vị trí lô đất mà họ sẽ nhận được trong tiểu khu nào và sau khi giao xong cho các hộ thì họ có thể bắt đầu xác định ranh giới cụ thể có đánh dấu tại thực địa.

Xây dựng sơ đồ GD&GR của thôn/bản

Cùng với sự hỗ trợ của cán bộ chuyên môn, đơn vị tư vấn sẽ lập sơ đồ GD&GR cho từng khu vực đất lâm nghiệp/đất rừng theo cách mô tả ở trên. Tổ công tác sẽ phác thảo tất cả các thông tin cần thiết lên bản đồ hiện trạng sử dụng đất của thôn bản, chỉ rõ địa điểm và tên các hộ. Các hoạt động liên quan đến tính toán diện tích của mỗi lô và tiến hành giao các lô sẽ được giới thiệu trong bước tiếp theo.

Các kết quả đầu ra của Bước 4: Lập kế hoạch GD&GR của thôn/bản

1. Biên bản cuộc họp thôn lần 3
2. Đơn xin nhận đất nhận rừng và danh sách đăng ký xin nhận đất nhận rừng
3. Danh sách các hộ có đủ điều kiện và không có đủ điều kiện được GD&GR
4. Sơ đồ GD&GR thôn/bản

1.5 Bước 5: Giao đất giao rừng tại thực địa

Các hoạt động trong Bước 5: Triển khai GD&GR tại thực địa

1. Xác định rõ ranh giới ngoại nghiệp và tính toán diện tích các lô đất
2. Kiểm kê rừng có sự tham gia và tính toán trữ lượng
3. Lập bản đồ GD&GR thôn/bản
4. Viết và trình đề xuất GD&GR của xã lên UBND xã và UBND huyện phê duyệt
5. Tiến hành GD&GR tại thực địa

Xác định rõ ranh giới và mục đích sử dụng đất tại thực địa

Trong trường hợp nếu đơn vị tư vấn không áp dụng công nghệ GPS/ GIS thì tất cả các thao tác đo đạc, điều tra đều phải sử dụng các công cụ bằng tay như la bàn, thước đo độ dốc, thước dây hoặc máy kinh vĩ.

Cách dễ nhất là xác định vị trí đang đứng hiện tại sử dụng các đặc điểm địa lý dễ nhận thấy nhất, từ đó mở rộng đến những nơi xa hơn và khó nhận ra và đối chiếu với bản đồ. Nếu thực hiện giao đất ở địa điểm có thể đối chiếu với bản đồ thì cần ghi lại hướng, độ dốc, chiều dài và rộng của lô đất. Cần đo độ dài và rộng để tính diện tích của lô đất được giao, ngoài ra cần xác định hướng và độ dốc để đánh dấu vị trí lô đất một cách chính xác trên bản đồ. Diện tích lô đất được tính tương ứng với diện tích cải bằng (diện tích cải bằng sẽ nhỏ hơn diện tích trên mặt phẳng nghiêng); vì thế độ dài đo trên đất dốc cần được chuyển đổi để tính toán trên cơ sở hình ảnh cắt ngang tương ứng (xem Phụ lục 5 về cách chuyển đổi).

Các hộ gia đình hoặc các nhóm hộ cần tham gia xác định ranh giới, đo đạc diện tích lô đất trên thực địa. Nếu sử dụng Hệ thống định vị toàn cầu GPS để xác định thì vị trí đang đứng sẽ được xác nhận trực tiếp trên bản đồ và sau này được hợp thành dữ liệu kỹ thuật số để tính toán diện tích. Trong trường hợp nếu không sử dụng công nghệ GIS thì việc đo đạc diện tích được tiến hành bằng thủ công (sử dụng lưới ô vuông để xác định diện tích).

Lập bản đồ GD&GR của thôn/bản và tính toán diện tích các lô rừng

Sau khi đã xác định rõ ranh giới giữa các lô trên thực địa, đơn vị tư vấn và cán bộ địa chính xã sẽ lập bản đồ GD&GR của thôn và tính toán diện tích các lô rừng. Tỷ lệ của bản đồ này ít nhất phải là 1:5.000. Những thông tin sau đây cần phải có trên bản đồ: đánh số tiểu khu, số khoảnh và ký hiệu các lô rừng (xem Bảng 4 về cách phân loại các khu vực rừng trên bản đồ), trạng thái rừng theo Quy định của Viện ĐT-QHR, diện tích rừng được giao cho các hộ cá thể, các nhóm hộ và các tổ chức (bao gồm Lâm trường, BQL RPH, BQL RĐD, nếu có).

Bảng 5: Phân loại các khu vực rừng theo Quyết định 8/2001/QĐ-TTG

Theo quyết định 08/2001/QĐ-TTg, các khu vực rừng được chia thành các đơn vị: tiểu khu, khoảnh và lô:

Tiểu khu rừng là đơn vị diện tích lớn nhất có diện tích trung bình khoảng 1.000 ha. Các tiểu khu thường được đánh dấu theo số, tiểu khu 1, 2, 3 ... n đối với diện tích rừng trong tỉnh.

Khoảnh rừng là đơn vị diện tích lớn thứ hai. Mỗi tiểu khu sẽ được chia thành nhiều khoảnh có diện tích trung bình 100 ha. Các khoảnh cũng được đánh số 1, 2, 3 ...n. Các cuộc kiểm kê, điều tra rừng thường được tiến hành theo đơn vị khoảnh.

Lô rừng là đơn vị diện tích rừng nhỏ nhất, thường được ký hiệu bằng chữ (a, b, c...z) trên bản đồ. Trạng thái rừng trong một lô rừng là giống nhau (lô trạng thái). Trong khi đó trạng thái rừng trong cùng một khoảnh hoặc một tiểu khu lại có thể khác nhau.

Trên bản đồ các tiểu khu, khoảnh và lô được đánh số/ký hiệu từ phía Bắc xuống phía Nam và từ Tây sang Đông (từ trên xuống và trái sang phải).

Ký hiệu trên bản đồ theo từng phần diện tích như sau:

- Đối với diện tích được giao cho các hộ gia đình cá nhân: ký hiệu bằng gạch chéo (45°), với khoảng cách giữa các gạch là 0,5 cm
- Đối với diện tích được giao cho các nhóm hộ: ký hiệu bằng gạch thẳng đứng, với khoảng cách 0,5 cm
- Đối với diện tích được giao cho các tổ chức (các tổ chức quần chúng, các doanh nghiệp hoặc các đơn vị quân đội): ký hiệu bằng đường gạch ngang, khoảng cách 0,5 cm

Đối với mỗi lô đất, lô rừng được giao, cần ký hiệu rõ trên bản đồ như sau:

Số lô - Trạng thái rừng. Loại rừng
Diện tích lô (m²)-tên của chủ rừng

Trạng thái rừng được thể hiện trên bản đồ với các ký hiệu bằng chữ (xem mô tả chi tiết trạng thái rừng tại Phụ lục 5):

- Kiểu trạng thái rừng IA, IB, IC (đất trống đồi trọc hoặc cây bụi)-trồng rừng
- Kiểu trạng thái rừng IIA, IIB, IIIA1, IIIA2, IIIB, IV (rừng giàu, rừng trung bình và rừng nghèo, rừng non phục hồi)-Bảo vệ

Trên bản đồ của 3 loại rừng được ký hiệu như sau:

- Rừng sản xuất - Không có gạch và có màu trắng và màu xanh nhạt
- Rừng phòng hộ - Gạch xiên và có màu Xanh đậm hoặc nhạt (tùy thuộc vào cấp phòng hộ)
- Rừng đặc dụng - Gạch đứng và có màu đỏ gạch

Ví dụ, đối với lô đất được giao có diện tích là 15 m², ký hiệu lô là a, trồng rừng trên diện tích rừng sản xuất sẽ được ghi trên bản đồ như sau:

a- IB- TR. S
15 m² -Hồ Văn Hùng/Hồ Thị Nga

Viết và trình đề xuất GD&GR của xã lên UBND xã và UBND huyện phê duyệt

Tổ công tác sẽ kiểm tra bản đồ GD&GR của các thôn để xem xét liệu các bản đồ có dựa trên kế hoạch sử dụng đất của xã đã lập hay không. Nếu tổ công tác thống nhất với các kết quả kiểm tra, thì cán bộ chuyên môn cùng cán bộ địa chính xã sẽ chuẩn bị đề xuất GD&GR trên địa bàn xã, bao gồm:

- Bản đồ GD&GR của xã.
- Danh sách các hộ cá thể và các nhóm hộ đủ điều kiện nhận đất nhận rừng, số hiệu tiểu khu, số hiệu khoảnh và số hiệu lô, trữ lượng gỗ và loại rừng.
- Đơn xin nhận đất nhận rừng (xem phụ lục 3)
- Biểu số liệu về diện tích đất lâm nghiệp được giao của mỗi lô (Phụ lục 1)
- Bảng kiểm kê rừng tóm tắt được quy định trong Thông tư 38/2007/TT-BNN

Đề xuất GD&GR của xã sẽ được UBND xã thông qua trước khi được trình lên UBND huyện phê duyệt.

Triển khai GD&GR tại thực địa

Sau khi nhận được quyết định GD&GR của UBND huyện, UBND xã chịu trách nhiệm tiến hành GD&GR tại thực địa cho các chủ rừng với sự tham gia của các chủ rừng lân cận (Tuỳ thuộc vào tình hình thực tế mà có thể GD&GR cùng đồng thời hoặc không đồng thời). Đồng thời UBND xã có biên bản GD &GR có chữ ký của đại diện UBND xã và các hộ gia đình, các cá nhân liên quan (tham khảo phụ lục 5 của Thông tư 38/2007/TT-BNN).

Các biên bản này sẽ do tổ trưởng tổ công tác, hộ/các nhóm hộ được nhận đất nhận rừng và trưởng thôn ký. Trong biên bản, cần phải ghi rõ cả tên chồng và tên vợ của hộ được nhận đất nhận rừng, địa điểm lô rừng (lô, khoảnh và tiểu khu), diện tích, trữ lượng gỗ, chức năng quản lý chính được áp dụng trên lô đất (xem ví dụ 7 tại Phụ lục 1). Các hộ được nhận đất nhận rừng ký biên bản nhận đất nhận rừng chỉ khi họ đồng ý với diện tích lô rừng, trữ lượng gỗ, chức năng quản lý chính của lô rừng theo như trong biên bản và khi họ biết được chính xác ranh giới của lô đất được giao. Khi ký biên bản giao đất, giao rừng, các hộ được nhận cũng sẽ viết và ký vào đơn xin cấp sổ đỏ/sổ xanh. Cả biên bản GD&GR và đơn xin cấp sổ đỏ, sổ xanh sẽ được sử dụng để lập các tài liệu địa chính và hồ sơ giao rừng..

Các kết quả đầu ra của Bước 5: Giao đất, giao rừng tại thực địa

1. Bản đồ GD&GR thôn, bản
2. Biên bản GD&GR và tờ trình xin cấp GCNQSDĐ và GCNQSDR

1.6 Bước 6: Hoàn thiện bản đồ địa chính và hoàn chỉnh hồ sơ GD&GR

Hoạt động của bước 6: hoàn thiện đồ địa chính và hoàn chỉnh hồ sơ GD&GR

1. Hoàn chỉnh Bản đồ GD&GR thôn, bản
2. Hồ sơ xin GD&GR
3. Biên bản GD&GR và tờ trình xin cấp GCNQSDĐ và GCNQSDR

Căn cứ vào kết quả hồ sơ giao đất thực địa, tổ công tác phối hợp với đơn vị tư vấn có đủ khả năng lập bản đồ địa chính đất lâm nghiệp. Bản đồ địa chính được lập có các nội dung và độ chính xác theo quy định của Thông tư 09/2007/TT-BTNMT và Quy phạm đo vẽ bản đồ của Bộ TNMT. Bản đồ địa chính có thể thực hiện bằng phương pháp: kết hợp sử dụng kết quả đo GPS khi giao đất, đối chiếu địa hình, địa vật đã thể

hiện trên bản đồ để xác định ranh giới, mốc giới thửa đất và sử dụng máy đo đạc đo vẽ trực tiếp trên mặt đất để thể hiện lên nền bản đồ địa chính đã có. Trường hợp bản đồ địa chính giao đất lâm nghiệp cần lập có tỷ lệ lớn hơn Bản đồ địa chính hiện có thì phóng to bản đồ hiện có ở khu vực cần thành lập, việc lập bản đồ địa chính vẫn thực hiện theo các phương pháp thông thường.

2. Hồ sơ xin GD&GR

Hồ sơ xin giao đất gồm: Đơn xin giao đất, giao rừng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sử dụng rừng đã viết đủ các nội dung, Văn bản báo cáo kết quả GD&GR, Tờ trình, danh sách đề nghị được GD&GR.

Tổ công tác căn cứ vào kết quả GD&GR thực địa, bản đồ địa chính đã lập hướng dẫn người xin giao đất giao rừng hoàn chỉnh nội dung xin giao đất, giao rừng theo mẫu in sẵn; tham mưu ghi ý kiến xác nhận của UBND xã vào đơn; Tổ chức viết các nội dung, vẽ sơ đồ thửa đất vào mẫu giấy chứng nhận đã phát hành theo quy định; thảo luận quyết định giao đất cho từng trường hợp; Lập văn bản báo cáo kết quả đã GD&GR thực địa, gồm các nội dung: số hộ, nhóm hộ đã giao nhận đất, số thửa đất, số diện tích đã giao nhận, đối chiếu, so sánh với phương án, kế hoạch đề ra, nhận xét, đánh giá kết quả đã đạt được, kiến nghị, đề xuất...; lập tờ trình của UBND xã, danh sách các trường hợp đề nghị UBND cấp huyện ký quyết định GD&GR và ký giấy chứng nhận.

Tổ công tác nộp tất cả hồ sơ xin GD&GR đã lập ở trên nộp tại Phòng TNMT, Hạt Kiểm lâm cấp huyện để thẩm định, trình UBND huyện ký. Trong quá trình thẩm định hồ sơ, tổ công tác có trách nhiệm giải trình các nội dung cần thiết và sửa chữa, bổ sung các nội dung theo yêu cầu.

3. Thẩm định, cấp giấy chứng nhận

- UBND huyện thẩm định ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sử dụng rừng
- Tiến hành cấp và trao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng rừng

Các kết quả đầu ra của Bước 6: Giao đất, giao rừng tại thực địa

3. Bản đồ GD&GR được điều chỉnh
4. Cấp GCNQSD đất
5. Cấp GCNQSD rừng

1.7 Bước 7: Tổng hợp tài liệu, lập hồ sơ địa chính

Hoạt động của Bước 7: Tổng hợp tài liệu địa chính và hồ sơ GD&GR

1. Tập hợp tài liệu địa chính và hồ sơ giao rừng
2. Lập Sổ Địa chính
3. Lập Sổ mục kê
4. Lập sổ theo dõi biến động đất đai, diễn biến rừng
5. Tập hợp tài liệu, hồ sơ GD&GR cả quá trình.

Các tài liệu địa chính cần được chuẩn bị kỹ càng vì đây là cơ sở để quản lý lâu dài. Tất cả các tài liệu cần thiết cần được chuẩn bị và cần nhất quán với nhau (xem Hình 5).

Tổng hợp tài liệu địa chính/hồ sơ giao rừng

Cán bộ chuyên môn xã sẽ tổng hợp tất cả các tài liệu địa chính theo thông tư 09/2007/TT-BTNMT/và hồ sơ giao rừng theo thông tư 38/2007/TTBNN; bao gồm 3 bộ tài liệu địa chính với các tài liệu sau đây:

- Bản đồ địa chính/bản đồ giao rừng
Sau khi hoàn chỉnh hồ sơ GD&GR, Tổ công tác tập hợp lại các loại bản đồ GD&GR, bổ sung hoàn chỉnh các nội dung theo quy phạm thành lập bản đồ địa chính, bản đồ giao rừng, nhân sao và trình UBND xã ký công nhận.
- Sổ địa chính/sổ giao rừng
Căn cứ Giấy chứng nhận đã ký, Tổ công tác phối hợp Văn Phòng Đăng ký quyền sử dụng đất và hạt kiểm lâm cấp huyện tiến hành chỉnh lý, bổ sung, hay lập mới sổ địa chính và sổ giao rừng theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ NN&PTNT.
- Sổ mục kê
Căn cứ bản đồ địa chính, giấy chứng nhận đã ký, hồ sơ xin GD tổ công tác phối hợp với Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất chỉnh lý, bổ sung hay lập mới sổ mục kê theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Sổ theo dõi diễn biến đất lâm nghiệp, đất rừng
- Các tài liệu khác đã được xây dựng trong quá trình QHSDD-GDGR, bao gồm biên bản các cuộc họp, biên bản giao đất giao rừng, các báo cáo liên quan ...

Tổ công tác của Xã phối hợp với đơn vị tư vấn đã lập bản đồ địa chính và Văn phòng Đăng ký QSD Đ đã lập sổ địa chính, sổ mục kê trình Sở TNMT duyệt bản đồ địa chính, sổ địa chính, sổ mục kê trước khi đưa vào sử dụng.

Kết quả đầu ra của Bước 7: Tổng hợp tài liệu, lập hồ sơ địa chính

1. Hồ sơ địa chính 04 bộ (01 bản gốc và 3 bộ in sao bao gồm phần mềm các bản đồ).
2. Hồ sơ giao rừng 04 bộ (01 bản gốc và 3 bộ in sao bao gồm phần mềm các bản đồ).

1.8 Bước 8: Thẩm định, phê duyệt hồ sơ GD&GR và bàn giao sử dụng

Các hoạt động trong Bước 8: Thẩm định, phê duyệt hồ sơ GD&GR và bàn giao sử dụng.

3. Thẩm định, phê duyệt hồ sơ GD&GR
4. Bàn giao hồ sơ đưa vào sử dụng và lưu trữ

Thẩm định tài liệu địa chính

Sau khi được chuẩn bị và được chính quyền xã công nhận, các tài liệu địa chính được trình lên Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt. Để có cơ sở phê duyệt cần gửi kèm các hồ sơ giao đất, giao rừng đã được UBND huyện duyệt. Sở TNMT tổ chức kiểm tra tính đầy đủ nội dung, hợp lý, thống nhất thông tin trong các tài liệu, cần thiết thì đối chiếu thực địa, kiểm tra xem ranh giới thực tế giữa các lô được giao đã rõ ràng chưa. Ít nhất cần kiểm tra thực tế trên 1/3 trong tổng diện tích đất rừng đã giao. Sau khi được kiểm tra, đối chiếu tại thực địa. Người được giao nhiệm vụ kiểm tra hồ

sơ địa chính của Sở TNMT lập biên bản kiểm tra và thông báo cho tổ công tác sửa chữa, bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ. Khi hồ sơ đã thực hiện đạt yêu cầu, Sở TNMT ký duyệt vào hồ sơ và bản đồ địa chính đã lập.

Tổ công tác nhận lại hồ sơ địa chính đã được phê duyệt, bàn giao cho 01 bộ cho Trung tâm thông tin TNMT của Sở TNMT (riêng bàn giao cho Trung tâm thông tin TNMT có cả BĐ ĐC gốc, 02 bộ BĐ ĐC sao in, hồ sơ đo đạc bản đồ, sổ mục kê, sổ địa chính), 01 bộ cho Văn phòng Đăng ký QSD đất huyện, 01 bộ cho UBND xã quản lý, sử dụng và lưu trữ theo quy định của luật đất đai.

Thẩm định hồ sơ giao rừng.

Hồ sơ giao rừng được tiến hành thẩm định tương tự Tài liệu địa chính nhưng được thực hiện bởi ngành Kiểm lâm theo quy định của thông tư 38/2007/TT-BNN.

Kết quả đầu ra của Bước 8: Thẩm định, phê duyệt hồ sơ địa chính, hồ sơ giao rừng và bàn giao quản lý, sử dụng.

1. Biên bản kiểm tra thẩm định hồ sơ địa chính, bản đồ địa chính; hồ sơ giao rừng, bản đồ giao rừng.
2. Biên bản bàn giao hồ sơ cho các cấp quản lý, sử dụng

Phần 2: Hướng dẫn thực hành 1 số bước trong quá trình lập kế hoạch QHSDĐ-GDGR.

	Bước 2: Đánh giá hiện trạng		
	Họp thôn lần 1 – 2 giờ (tổ công tác cấp xã + đại diện tất cả hộ gia đình trong thôn)		
Ngày 1	Thu thập số liệu kinh tế-xã hội của thôn (trưởng thôn)	Phác thảo sa bàn – 1 buổi (cả nhóm)	Đi lát cắt và xác định hiện trạng sử dụng đất – ½ buổi (cả nhóm)
Ngày 2	Đi lát cắt và xác định hiện trạng sử dụng đất – ½ buổi (cả nhóm)	Thẻ hiện các kết quả đi thực địa lên sa bàn – 1 buổi (cả nhóm)	
Ngày 3	Xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất – 1 buổi (cán bộ chuyên môn và cán bộ địa chính)	Tính toán diện tích của mỗi phương án sử dụng đất và điền số liệu vào bảng biểu (Thông tư 30) – 1 buổi	
Ngày 4	Phân tích các điều kiện kinh tế-xã hội và môi trường của tình hình sử dụng đất hiện tại và sắp tới + xác định các phương án sử dụng đất – 1 buổi (cả nhóm)	Thảo luận để thống nhất kế hoạch sử dụng đất - 1 buổi (cả nhóm)	
	Bước 3: Xây dựng kế hoạch sử dụng đất		
Ngày 5	Điền số liệu, thông tin vào bảng biểu để hoàn thành kế hoạch sử dụng đất trước đây (Thông tư 30) – 1 buổi (cán bộ chuyên môn + cán bộ địa chính + trưởng thôn)	Thảo luận về dự thảo kế hoạch sử dụng đất – 1 buổi (cả nhóm)	
Ngày 6	Xây dựng kế hoạch sử dụng đất – 1 buổi (cán bộ chuyên môn và cán bộ địa chính)	Chuẩn bị các bảng biểu và báo cáo - 1 buổi (cán bộ chuyên môn+trưởng thôn+cán bộ đ. chính)	
	Họp thôn lần 2 – 2 giờ (tổ công tác cấp xã + đại diện các hộ gia đình trong thôn)		
	Sau khi phê duyệt kế hoạch và báo cáo phương án sử dụng đất		
	Bước 4: Lập kế hoạch GDGR thôn, bản		
	Chuẩn bị lập kế hoạch GDGR thôn, bản – 2 tiếng (cả nhóm)	Tổ chức cuộc họp thôn lần 2 – 2 tiếng (cả nhóm + người dân quan tâm đến GDGR)	

Hình 5: Lịch thời gian dự kiến để xây dựng kế hoạch sử dụng đất thôn xã

Sơ đồ trên cho biết khung thời gian và các hoạt động để khuyến khích sự tham gia của người dân địa phương trong cả quá trình QHSDĐ-GĐGR. Tất cả các hoạt động trên được mô tả chi tiết dưới đây.

2.1 Bước 2: Đánh giá hiện trạng tại thực địa

Họp thôn lần 1

Cuộc họp thôn lần 1 sẽ do tổ công tác cấp xã và các trưởng thôn tổ chức.

Mục đích:

- Giới thiệu mục đích, các hoạt động và thủ tục của quá trình có sự tham gia.
- Giới thiệu vắn tắt về các chính sách liên quan đến QHSDĐ-GĐGR có sự tham gia, đặc biệt là các chính sách liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của người dân
- Trình bày kế hoạch hoạt động triển khai QHSDĐ-GĐGR tại địa bàn thôn liên quan.
- Lựa chọn các nông dân nòng cốt - những người sẽ hỗ trợ Tổ công tác cấp xã xây dựng kế hoạch QHSDĐ-GĐGR của thôn, có sử dụng các công cụ PRA (sa bàn và đi lát cắt).

Thời gian: 2 giờ

Vật tư/văn phòng phẩm: Giấy A0 ghi sẵn các bước triển khai và kết quả đầu ra của quá trình QHSDĐ-GĐGR có sự tham gia, giấy A0, bút dạ, băng dính...

Các bước tiến hành:

1. Chào mừng người dân đến tham gia và giới thiệu các thành viên trong tổ công tác.
2. Giới thiệu mục đích cuộc họp
3. Giải thích các mục đích, hoạt động của quá trình QHSDĐ-GĐGR có sự tham gia và kết quả đầu ra của mỗi bước
4. Nêu rõ các hoạt động đã được tiến hành (ví dụ như thành lập ban chỉ đạo cấp huyện và tổ công tác cấp xã).
5. Giải thích vắn tắt về những quy định và chính sách luật pháp liên quan đến QHSDĐ-GĐGR. Nêu rõ những lợi ích và nghĩa vụ của người dân.
6. Trình bày kế hoạch hoạt động về QHSDĐ-GĐGR của thôn và nêu rõ các hoạt động kế tiếp (xây dựng sa bàn, lát cắt, lập bản đồ sử dụng đất và xây dựng kế hoạch sử dụng rừng (bản thảo). Cần hỗ trợ người dân chọn ra những người đại diện trong bước này.
7. Việc lựa chọn 6 – 8 người dân đại diện phải dựa trên các tiêu chí như sau:
 - Nắm rõ về tình hình thôn/bản
 - Được người dân trong thôn tôn trọng
 - Năng động và sẵn sàng tham gia
 - Đại diện cho các nhóm sở thích khác nhau trong thôn. Thảo luận với những người dân đại diện được chọn về thời gian và địa điểm để bắt đầu tiến hành các hoạt động tiếp theo.
8. Kết thúc cuộc họp và cảm ơn sự tham gia của các thành viên.

Xây dựng sa bàn phác thảo

Xây dựng sa bàn phác thảo

Sa bàn là một trong những công cụ hữu ích để tiến hành đánh giá nhanh thực trạng quản lý sử dụng rừng và đất lâm nghiệp cũng như hỗ trợ các hoạt động QHSDĐ&GDGR có sự tham gia cho từng thôn bản

Mục tiêu:

1. Xây dựng sa bàn của thôn/bản làm cơ sở để thảo luận về các hệ thống sử dụng đất hiện tại và kế hoạch sử dụng đất sắp tới.
2. Làm cơ sở để vẽ bản đồ hiện trạng sử dụng đất; sử dụng bản đồ này để ước tính diện tích cụ thể của mỗi phương án sử dụng đất.

Thời gian: 3 giờ

Vật tư/vấn phòng phẩm: Giấy Ao, bút dạ, 3 bản đồ địa hình thôn, khung gỗ (kích cỡ 1m×1.5 m, cao từ 10 - 15cm), bột màu (5 màu, mỗi màu 100g), đất sét và mùn cưa (trộn đất sét với mùn cưa nhằm giảm tính dễ nứt của đất sét), que tre để mô phỏng những đặc điểm đặc trưng và một số mẫu giấy nhỏ để ghi tên các địa điểm khác nhau/việc sử dụng đất

Các bước tiến hành

1. Trình bày mục tiêu xây dựng sa bàn và thời gian cần thiết. Yêu cầu các thành viên tham gia sẽ xây dựng sơ đồ thu nhỏ mô phỏng chính xác hình ảnh thôn/bản của họ trên cơ sở thông tin mà họ biết.
2. Trộn đất sét với mùn cưa (tỷ lệ 2:1) và đổ hỗn hợp đã trộn vào tấm gỗ phẳng. Bắt đầu vẽ đường ranh giới của thôn dựa vào bản đồ địa hình.
3. Mời các đối tượng tham gia đánh dấu trên sa bàn theo trí nhớ các đặc trưng của thôn bản và đánh dấu lên hỗn hợp trên: đường sá, sông suối, đồi, núi, khu dân cư, đất nông nghiệp v.v...

Những câu hỏi sau đây sẽ hỗ trợ các thành viên tham gia xây dựng sa bàn:

- Hướng nam và hướng bắc ở đâu?
 - Núi, đồi, sông, suối, khe nằm ở đâu?
 - Những con đường chính, dân cư, công trình xây dựng và nghĩa địa ở đâu?
 - Khu vực nào là đất nông nghiệp, đất trồng đồi núi trọc, rừng trồng, đất chăn thả gia súc và đất lâm nghiệp?
 - Khu vực rừng nào là rừng sản xuất, rừng phòng hộ hoặc rừng đặc dụng? Anh/chị có thể thể hiện rõ từng khu vực rừng trên sa bàn.
 - Anh/chị có thể xác định các điều kiện rừng khác nhau (trạng thái rừng)?
4. Điều chỉnh lại sa bàn và hỏi người dân xem họ có thể xác định vị trí nhà ở, đất nông nghiệp của họ và đường thường sử dụng ... ở đâu. Điều chỉnh và bổ sung sa bàn theo các kết quả thảo luận. Ghi chú lại những vị trí có nảy sinh tranh chấp và kiểm tra, đối chiếu lại những khu vực này trên thực địa khi tiến hành đi lát cắt.
 5. Hoàn thành sa bàn bằng cách đánh dấu tên của những đặc điểm và vị trí cụ thể (đồi, núi, sông, suối, khu dân cư ...) vào những mảnh giấy nhỏ và dán lên một que tre để cắm đúng vào vị trí trên sa bàn. Dùng bột màu để đánh dấu các khu vực dân cư, rừng trồng, rừng tự nhiên, đất trồng lúa, đất trồng màu, đất trồng đồi núi trọc, khu vực chăn thả gia súc, sông suối v.v....

6. Kết thúc bài thực hành và giải thích rõ đây mới chỉ là sa bàn phác thảo; sa bàn này sẽ được điều chỉnh và bổ sung thêm những thông tin mới thu được từ bước đi lát cắt. Sa bàn sẽ được dùng tham khảo để xây dựng bản đồ nền và xây dựng kế hoạch sử dụng đất của thôn/bản.

Đi lát cắt và sơ đồ lát cắt

Đi lát cắt là một công cụ giúp người dân nắm rõ hơn hiện trạng sử dụng đất của thôn/bản. Đi lát cắt thường được thực hiện theo cấu trúc địa hình của thôn trong một phần hay toàn bộ thôn. Sau khi kết thúc việc đi và vẽ sơ đồ lát cắt, các thành viên tham gia sẽ điều chỉnh và hoàn thành sa bàn và xây dựng bản đồ nền thể hiện những phần diện tích đất khác nhau trên địa bàn thôn. Khoảng 6 - 8 đại diện được chọn của thôn sẽ tiến hành đi và vẽ sơ đồ lát cắt, với sự hỗ trợ của tổ công tác cấp xã.

Mục tiêu

- Xác định các loại đất và đặc điểm của từng loại
- Đánh giá tiềm năng và tính hiệu quả của tình hình sử dụng đất
- Xác định các cơ hội sử dụng đất trong tương lai

Thời gian 3 giờ

vật tư Giấy A0, bút dạ, bản đồ địa hình, bút, hệ thống định vị toàn cầu GPS, danh sách những thông tin cần được cập nhật lên sa bàn

Các bước tiến hành

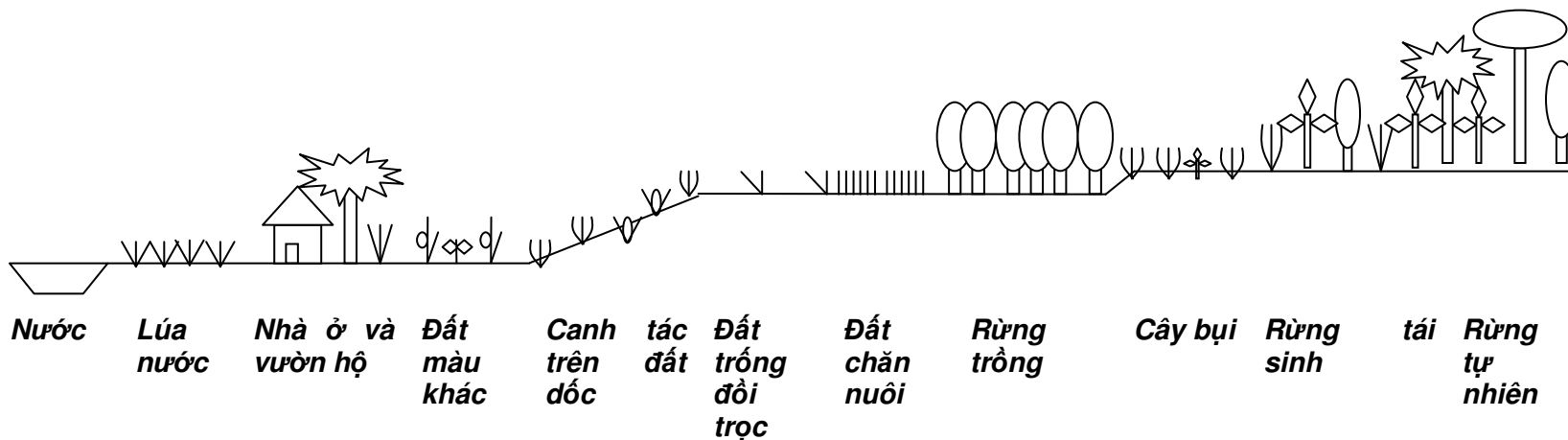
1. Trình bày mục tiêu của đi lát cắt và thời gian yêu cầu. Giải thích với mọi người dân về các bước cần thực hiện 1) tiến hành đi từ 2-3 lát cắt xuyên suốt địa bàn thôn, 2) thảo luận với người dân về việc sử dụng đất 3) và ghi chép lại thông tin liên quan lên lát cắt, và 4) ghi lại những thông tin cần thiết để cập nhật, bổ sung vào sa bàn.
2. Xác định 2 hoặc 3 hướng đi xuyên suốt địa bàn thôn để đi lát cắt. Các hướng đi được xác định này phải bao gồm và đi qua những hình thức sử dụng đất khác nhau..
3. Giải thích sơ đồ lát cắt và giải thích các thông tin cần thu thập để hoàn chỉnh sa bàn. Những hình thức sử dụng đất khác nhau cần phải ghi vào hàng đầu tiên trên sơ đồ lát cắt; những thông tin về tình hình sử dụng đất cần thu thập:
 - Tên địa điểm: tên địa phương của các khu vực có phương án sử dụng đất trên địa bàn thôn
 - Độ dốc: độ dốc lớn, trung bình, độ dốc nhỏ hoặc bằng phẳng
 - Cây trồng, hệ thực vật, hệ động vật: danh sách cây trồng nông nghiệp hoặc những loài cây quan trọng chiếm ưu thế và những loài động vật chiếm ưu thế
 - Quyền sử dụng đất: Ai đang sử dụng diện tích đất này? Quyền sử dụng đất của họ có được đảm bảo không?
 - Công tác quản lý: những phương án quản lý nào đang được áp dụng?
 - Tiềm năng và những thực tế sử dụng đất hiệu quả nhất: Phương án sử dụng đất nào mang lại kết quả tốt nhất cho hệ thống sử dụng đất đai. Đây là những tiềm năng để cải thiện tình hình hiện tại?
 - Các vấn đề khó khăn: Có những khó khăn chính nào nảy sinh?
 - Cơ hội và giải pháp: Những cơ hội và giải pháp nào có thể hỗ trợ khắc phục những khó khăn gặp phải và mang lại tiềm năng cao hơn?
4. Các thành viên tham gia chia thành 2 – 3 nhóm (tùy thuộc vào số hướng đi đã xác định). Mỗi nhóm sẽ tiến hành đi theo một hướng lát cắt và thống nhất về thời gian và địa điểm để gặp lại nhau.

5. Trong khi đi lát cắt, hỏi người dân gặp trên đường về tên địa phương của từng khu vực, thực trạng sử dụng đất, quyền sử dụng đất, công tác quản lý, tiềm năng và thực tế sử dụng đất hiệu quả nhất, cơ hội và giải pháp. Tổng hợp những thông tin liên quan lên sơ đồ lát cắt.
6. Tại những địa điểm sử dụng đất nào có ranh giới chưa rõ ràng (theo như phần thảo luận khi xây dựng sa bàn). Kiểm tra lại những địa điểm này bằng cách dùng hệ thống GIS.
7. Quay lại phòng họp và thảo luận về các kết quả đi lát cắt; lên sơ đồ lát cắt lần cuối.
8. Điều chỉnh và hoàn thiện sa bàn (cả phần đánh dấu tên của từng địa điểm – ghi lên mẫu giấy, dán lên thang tre) từ những thông tin mới thu được từ bước đi lát cắt.
9. Giải thích rằng cán bộ chuyên môn và cán bộ địa chính sẽ bổ sung và hoàn thiện bản đồ hiện trạng sử dụng đất của thôn/bản và điền thông tin vào các bảng biểu theo các quy định của nhà nước. Cần hỗ trợ thêm những người dân đại diện phân tích điều kiện kinh tế-xã hội và môi trường sau khi bản đồ và các biểu mẫu đi kèm được hoàn tất.

Ghi chú:

Bài thực hành này được chia làm 2 phần, bao gồm: Phần 1 giải thích về công cụ lát cắt và đi lát cắt; và phần hai là trình bày và hoàn thiện sơ đồ lát cắt, thay đổi, bổ sung và hoàn thành sa bàn (tại phòng họp).

Sơ đồ lát cắt



Tên địa điểm
Đất và nước

Độ dốc
Cây trồng,
động vật và
thực vật
Quyền sử
dụng đất
Quản lý

Tiềm năng,
hoạt động
chính
Vấn đề
khó khăn
Cơ hội và giải
pháp

Xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất, tính diện tích và điền thông tin vào biểu mẫu

Cán bộ địa chính có trách nhiệm phối hợp với cán bộ chuyên môn ghi vào biểu, mẫu những dữ liệu về bản đồ hiện trạng sử dụng đất, tính toán diện tích đất của mỗi phương án sử dụng đất.

Mục tiêu:

- Xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất của thôn
- Tính toán diện tích và điền thông tin liên quan đến diện tích hiện trạng sử dụng đất vào biểu mẫu theo Thông tư 30/2004/TT-BTNMT

Thời gian: 1 ngày làm công tác nội nghiệp, công tác kiểm tra thực tế phụ thuộc vào diện tích rừng.

vật tư: Bản đồ địa hình thôn cho thấy diện tích được giao (trong trường hợp sử dụng Hệ thống định vị toàn cầu GPS thì cần phải có bản đồ nền UTM hoặc Hệ thống định vị toàn cầu sử dụng số liệu VN 2000) bút chì màu, Hệ thống định vị toàn cầu GPS, la bàn, sa bàn, Thông tư 30/2004/TT-BTNMT

Các bước tiến hành:

1. Xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất dựa trên sa bàn đã thống nhất; dùng bút chì vẽ ranh giới giữa diện tích của mỗi phương án sử dụng đất, như: đất trồng lúa, đất hoa màu, đất trồng đồi núi trọc, đất trồng rừng, diện tích rừng tự nhiên v.v...
2. Sau khi có bản đồ phác thảo hiện trạng sử dụng đất dựa trên kết quả của sa bàn, phải sử dụng Hệ thống định vị toàn cầu để kiểm tra ranh giới của mỗi phần diện tích đất tại thực địa. Điều quan trọng là phải có những nông dân chủ chốt hướng dẫn xác định các diện tích trên bản đồ.
3. Khi sử dụng Hệ thống định vị toàn cầu GPS thì cần phải có hoặc là bản đồ được sản xuất theo hệ thống tọa độ UTM hoặc là Hệ thống định vị toàn cầu GPS được điều chỉnh theo hệ thống tọa độ VN2000⁴.
4. Có thể dùng tay để sao chép các điểm được xác định bằng Hệ thống định vị toàn cầu GPS lên bản đồ hoặc có thể thêm vào cơ sở dữ liệu GIS nếu như có đủ thiết bị (máy tính và phần mềm Mapinfo) và có đủ năng lực (cán bộ có chuyên môn về công nghệ GPS)
5. Sự chính xác của bản đồ sử dụng đất có tầm quan trọng rất lớn nhằm đảm bảo các kết quả giao đất sẽ tạo ra giải pháp bền vững làm cơ sở cho việc phát triển rừng theo hướng bền vững
6. Dùng màu khác nhau để tô từng khu vực đất đai trên bản đồ
7. Tính toán diện tích của mỗi khu vực đất đai. Trong trường hợp nếu dùng tay sao chép các điểm được xác định bằng Hệ thống định vị toàn cầu GPS lên bản đồ thì đặt một tờ giấy bóng mờ kẻ ô vuông lên trên bản đồ sử dụng đất (theo tỉ lệ: 1:5000, 2 x 2 cm, mỗi hình vuông tương đương với 1 ha) và đếm số ô vuông của từng diện tích. Trong trường hợp nếu như sử dụng cơ sở dữ liệu

⁴ Máy GPS cầm tay có chức năng thay đổi theo các hệ thống số liệu bản đồ và có thể thuê máy GPS tại các phòng ban có chức năng đo đạc của Việt Nam

Hệ thống thông tin GIS thì cần vẽ các tầng riêng biệt cho mỗi loại diện tích sử dụng. Đồng thời vẽ các hình đa giác cho từng khu vực riêng biệt để đánh mốc ranh giới cho việc tính toán diện tích. Viết diện tích của từng khu vực lên bản đồ

8. Điền vào biểu mẫu thông tin về diện tích hiện trạng sử dụng đất theo hướng dẫn của Thông tư 38/2007/TT-BNN

Phân tích điều kiện kinh tế-xã hội và môi trường cùng với xác định những xu hướng sử dụng đất

Việc phân tích các điều kiện kinh tế-xã hội và môi trường cũng như xác định các xu hướng sử dụng đất trên địa bàn thôn là rất quan trọng trong việc xây dựng kế hoạch sử dụng đất phù hợp và tối ưu hoá các hoạt động sử dụng đất. Việc phân tích này sẽ do một số người dân chủ chốt trong thôn tiến hành với sự hỗ trợ của tổ công tác cấp xã và cán bộ chuyên môn.

Mục tiêu:

- Phân tích số liệu nhân khẩu
- Xác định những tác động môi trường của các hoạt động hiện tại và tiềm năng sử dụng đất khác nhau
- Phân tích mức độ công bằng xã hội trong việc tiếp cận đất đai
- Xác định các xu hướng sử dụng đất

Thời gian: 3 giờ

vật tư: Bản sao bảng phân tích chi phí lợi nhuận và tác động sinh thái đã cung cấp dưới đây, giấy Ao, bút dạ.

Các bước tiến hành:

1. Trưởng thôn sẽ cung cấp số liệu thống kê của thôn, bao gồm: dân số, tỷ lệ tăng trưởng dân số, số nam giới và phụ nữ (lực lượng lao động chính), số hộ khá giả, hộ trung bình, hộ nghèo, số hộ dân tộc thiểu số, số liệu các loại cây trồng nông nghiệp và diện tích trồng của mỗi loại, sản lượng (sản lượng tiềm năng, tính theo kg/ha) và sản lượng (sản lượng thực tế trong năm qua, tính theo kg/ha), sản lượng lương thực trung bình tính theo đầu người/năm (quy theo thóc⁵), quyền sử dụng đất và số liệu về vật nuôi trong thôn.
2. Thảo luận xem số liệu có được đã phản ánh tình hình thực tế của thôn hay chưa; nếu chưa thì cần phải kiểm tra lại và phỏng vấn một vài người dân nếu cần thiết.
3. Phân tích số liệu nhân khẩu và tiến hành đánh giá xem dân số trong thôn có xu hướng tăng, ổn định hay giảm xuống. Dự kiến, dân số trong vòng 5 năm tới có xu hướng tăng lên, một số diện tích đất được dành cho mục đích xây dựng nhà cửa và trồng trọt. Thảo luận về vị trí và diện tích đất cần để dành cho số dân tăng trong tương lai (nếu còn quỹ đất).
4. Danh sách các loại cây trồng nông nghiệp, lâm nghiệp (bao gồm hoạt động canh tác), những tác động tích cực và tiêu cực đối với đất đai, nguồn nước, hiện tượng xói mòn và ô nhiễm ... Hỏi một số nông dân về kinh nghiệm gieo

⁵ Nhà nước có quy định chuẩn trong quy đổi sản phẩm của cây trồng chính (như sắn, ngô v.v...) ra thóc; sản lượng quy đổi tương đương 370 kg thóc được xem là mức đảm bảo/người/năm

- trồng, trồng rừng nhằm thúc đẩy việc thảo luận về những tác động về mặt sinh thái.
5. Thảo luận và phân tích tính công bằng xã hội trong việc tiếp cận với đất đai (chất lượng và số lượng). Xác định khó khăn và đề xuất giải pháp cần được chú trọng trong quá trình lập kế hoạch sử dụng đất.
 6. Đánh giá xem loại cây trồng nông nghiệp/lâm nghiệp và hoạt động sử dụng đất nào là phù hợp nhất xét về mặt lợi ích kinh tế, công bằng xã hội và tác động sinh thái. Xác định ưu tiên các hoạt động sử dụng đất.
 7. Liệt kê các loại cây trồng, hệ thống nông lâm kết hợp các loài cây lâm nghiệp có tiềm năng. Tiến hành lại các bước 4, 5, 6 và 7; và phân tích các điều kiện kinh tế-xã hội và sinh thái. Xác định ưu tiên các hoạt động sử dụng đất có tiềm năng.
 8. Ghi lại kết quả phân tích kinh tế-xã hội và môi trường của các hoạt động sử dụng đất hiện tại và các hoạt động sử dụng đất có tiềm năng lên giấy A0 và treo lên tường.
 9. Đối với việc xác định các xu hướng sử dụng đất: Thống nhất các hoạt động sử dụng đất chủ yếu, ví dụ như: khu vực dân cư, đất hoa màu, đất trồng lúa, đất trồng đồi núi trọc, đất trồng rừng và đất rừng tự nhiên. Ghi lại diện tích hiện tại của mỗi hoạt động sử dụng đất (ha). Tổng diện tích đất toàn bộ phải là tổng diện tích của thôn. Tiến hành tương tự đối với tình hình sử dụng đất của 5 năm và 10 năm trước đây; Ước tính (nếu không có nguồn số liệu chính thức) để biết được diễn biến tăng giảm của tình hình sử dụng đất trong vòng 5 - 10 năm qua.
 10. Kết thúc bài thực hành và giải thích các bước chuẩn bị cho các bài thực hành tiếp theo trước khi hoàn thành việc lập kế hoạch sử dụng đất thực tế.

Bảng phân tích tác động về mặt sinh thái

Mục đích sử dụng đất:.....

Thôn: Xã:.....

Hạng mục	Tác động về mặt sinh thái			
	Tác động tốt	Tác động trung bình	Tác động xấu	Không biết
Tác động đối với đất				
Tác động đối với nguồn nước				
Làm xói mòn				
Sử dụng thuốc trừ sâu				
Sử dụng phân bón				
Tác động đến những khu vực xung quanh				
.....				

2.2 Bước 3: Xây dựng kế hoạch sử dụng đất

Xây dựng bản dự thảo kế hoạch sử dụng đất cấp thôn

Một số bước chuẩn bị trước, bao gồm việc chuẩn bị mô hình sa bàn, đi lát cắt và lập danh sách diện tích của những hoạt động sử dụng đất là cần thiết để chuẩn bị và xây dựng bản đồ sử dụng đất phù hợp. Trong bài thực hành này, đại diện một số người dân được chọn trong thôn, với sự hỗ trợ của tổ công tác cấp xã sẽ dự thảo kế hoạch sử dụng đất. Dự thảo kế hoạch này sẽ được thảo luận trong cuộc họp thôn.

Mục tiêu

➤ Xây dựng kế hoạch sử dụng đất trên cơ sở mô hình sa bàn và sơ đồ lát cắt.

Thời gian: 3 giờ

Vật tư: Giấy A0, bút dạ, bản đồ sử dụng đất hiện có, các sản phẩm của các hoạt động thực hiện.

Các bước tiến hành:

1. Giới thiệu mục tiêu, thời gian cần thiết. Giải thích nhiệm vụ của các thành viên tham gia và dự thảo kế hoạch sử dụng đất.
2. Xác định các mục tiêu sử dụng đất của thôn trên cơ sở kế hoạch sử dụng đất của xã và dựa trên nhu cầu thực tế của người dân trong thôn.
3. Kiểm tra bản đồ hiện trạng sử dụng đất, thảo luận các hoạt động sử dụng đất khác nhau (bắt đầu từ khu vực dân cư đến ranh giới của thôn).

Một số câu hỏi hướng dẫn xây dựng kế hoạch sử dụng đất:

- Diện tích đất dành cho mỗi hoạt động sử dụng đã đủ chưa? Nếu chưa, thì có thể mở rộng không và ở khu vực nào?
- Giá trị kinh tế từ việc sử dụng đất có khả năng tăng không?
- Vấn đề sử dụng đất hiện tại có những tác động xấu về mặt sinh thái nào? Có thể khắc phục hay giảm thiểu những tác động này không?
- Tình hình sử dụng đất hiện tại có được toàn bộ người dân chấp thuận không? Người nghèo và những nhóm người chịu thiệt thòi có tiếp cận đủ với đất đai không? Đất được phân bổ như thế nào: xét về mặt số lượng, chất lượng và khả năng tiếp cận?
- Làm thế nào để có thể khắc phục những khó khăn trong sơ đồ lát cắt?
- Làm thế nào để tìm ra những cơ hội và giải pháp trong sơ đồ lát cắt?
- Làm thế nào để đưa diện tích đất được phân loại là “đất chưa sử dụng” vào sử dụng?
- Còn phần diện tích đất nào cần giao lại cho chính quyền xã không?
- Những phần diện tích đất lâm nghiệp nào nên được giao cho hộ gia đình, nhóm hộ hoặc thôn? (Giải thích lại những thuận lợi của việc giao đất lâm nghiệp gần khu dân cư cho các hộ gia đình; giao đất lâm nghiệp xa khu dân cư cho các nhóm hộ và giao đất lâm nghiệp ở những khu vực có lợi ích chung (như nguồn nước) của người dân cho thôn; giải thích sự cần thiết của việc sử dụng các đặc điểm sinh thái làm ranh giới).

- Việc sử dụng đất bao gồm những giai đoạn nào, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, thu hồi đất và đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng?
4. Xác định và lập ra danh sách các phương án sử dụng đất phù hợp đối với từng khu vực trên cơ sở các kết quả thảo luận, ưu tiên và mục tiêu do thôn đưa ra.
 5. Lựa chọn phương án sử dụng đất thích hợp nhất đối với mỗi khu vực trên cơ sở các yếu tố kinh tế, xã hội và sinh thái. Tham khảo một số phương án sử dụng đất phù hợp trong Luật đất đai (13/2003/QH11).
 6. Kiểm tra xem liệu đã có đủ toàn bộ thông tin cần thiết để điền vào các biểu mẫu 1, 2, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 và 15 theo quy định tại Thông tư 30/2004/TT-BTNMT.
 7. Giải thích rằng cán bộ chuyên môn phối hợp cán bộ địa chính và với sự hỗ trợ của trưởng thôn sẽ hoàn thành kế hoạch sử dụng đất và các biểu mẫu liên quan đến báo cáo kế hoạch sử dụng đất của thôn.

Chuẩn bị bản đồ kế hoạch sử dụng đất của thôn và điền vào biểu mẫu những thông tin liên quan đến báo cáo sử dụng đất

Cán bộ địa chính và cán bộ chuyên môn sẽ xây dựng bản đồ kế hoạch sử dụng đất của thôn. Trưởng thôn sẽ hỗ trợ việc viết báo cáo sử dụng đất và điền thông tin vào biểu mẫu của kế hoạch sử dụng đất theo quy định tại Thông tư 30/2004/TT-BTNMT.

1. Lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất của thôn trên giấy can (tỷ lệ tối thiểu 1:5.000). Sử dụng bút chì màu để đánh dấu những khu vực dự kiến sử dụng theo từng phương án cụ thể (dùng màu giống trong bản đồ nền đã lập).
2. Điền thông tin vào biểu mẫu theo yêu cầu trong Thông tư 30/2004/TT-BTNMT.

Họp thôn lần 2

Kế hoạch sử dụng đất của thôn/bản có ảnh hưởng đến tất cả các hộ dân trong thôn. Chính vì thế, kế hoạch này phải được trình bày và thảo luận trong một cuộc họp có sự tham gia của toàn thôn. Cuộc họp thôn này cần phải chuẩn bị chu đáo vì sẽ có nhiều người dân tham gia.

Mục tiêu:

- Thống nhất kế hoạch sử dụng đất và kế hoạch GDGR của thôn
- Giải thích các bước tiến hành QHSDĐ và GDGR tiếp theo.

Thời gian: 2 giờ

Vật tư: Sa bàn, bản đồ nền hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất của thôn, sơ đồ lát cắt

Các bước tiến hành:

1. Chào mừng người dân tham gia họp thôn. Giới thiệu mục tiêu cuộc họp.
2. Giải thích quá trình lập kế hoạch sử dụng đất. Trình bày kết quả phân tích hiện trạng sử dụng đất, bao gồm cả bản đồ nền và sơ đồ lát cắt.
3. Trình bày kế hoạch sử dụng đất và thảo luận từng phương án sử dụng đất được đề xuất. Hỏi ý kiến các thành viên tham gia xem họ có nhất trí với các phương án sử dụng đất đề xuất đối với từng địa điểm không? Khuyến khích

người dân tham gia thảo luận và hỏi ý kiến từng người về dự thảo kế hoạch sử dụng đất.

4. Giải thích các hình thức GDGR khác nhau
5. Chỉ ra trên bản đồ hoặc sa bàn những khu vực đã được xác định sẽ được giao cho các hộ gia đình, nhóm hộ hoặc toàn thôn.
6. Kết thúc thảo luận và tóm tắt các kết quả, liệt kê ra những điểm chỉnh sửa đối với bản thảo kế hoạch sử dụng đất.
7. Giải thích các bước tiến hành tiếp theo trong quá trình QHSDD-GDGR. Kế hoạch GDGR sẽ được xây dựng sau khi kế hoạch sử dụng đất đã được chấp thuận. Mẫu đơn xin nhận đất nhận rừng sẽ được phát cho người dân trong buổi họp thôn lần tới (xem phụ lục 3 Thông tư 38/2007/TT-BNN)

Ghi chú:

Trước cuộc họp, phải đảm bảo bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất, sơ đồ lát cắt, sa bàn. Những thành viên trong tổ công tác và đại diện người dân được chọn nên có thái độ cởi mở đối với những nhận xét, đóng góp và đề nghị của các thành viên tham gia và không nên tỏ ra bảo thủ đối với những kết quả hoặc bản thảo kế hoạch sử dụng đất. Họp thôn là cơ hội cho người dân tìm hiểu và thảo luận về kế hoạch sử dụng đất của thôn vì vậy nên chắc chắn là có thể điều chỉnh và bổ sung kế hoạch tại một số điểm cần thiết.

Bước 4: Lập kế hoạch GDGR của thôn/bản

Chuẩn bị để lập kế hoạch GDGR của thôn/bản

Cán bộ chuyên môn sẽ phối hợp với tổ công tác cấp xã và các thành viên trong thôn được chọn để thảo ra kế hoạch GDGR của thôn, trong đó ước tính số hộ gia đình và số nhóm hộ có thể được nhận đất nhận rừng.

Mục tiêu:

1. Lập kế hoạch GDGR chung của thôn/bản

Thời gian: 2 giờ

Vật tư/văn phòng phẩm: Bản đồ hiện trạng sử dụng đất/bản đồ trạng thái rừng, bản đồ địa hình, sa bàn và kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

Các bước tiến hành:

1. Trình bày kế hoạch sử dụng đất và chỉ rõ cho các thành viên trong thôn được chọn về những diện tích đã được phê duyệt để giao cho các hộ và nhóm hộ.
2. Thảo luận về phần diện tích đã được duyệt để giao cho các hộ gia đình, nhóm hộ, số hộ và nhóm dự kiến sẽ được nhận đất nhận rừng.
3. Thảo luận về các tiêu chí lựa chọn để GDGR. Áp dụng những câu hỏi sau đây:
 - Đây là những đặc điểm địa hình có thể sử dụng để phân biệt ranh giới giữa các lô
 - Có bao nhiêu lô rừng được xác định giao có tận dụng các đặc điểm địa hình.
4. Có bao nhiêu hộ nên tham gia vào quản lý mỗi lô rừng là phù hợp?
5. Thảo luận về các tiêu chí về sự tham gia của các hộ vào mỗi nhóm nhận đất nhận rừng.
6. Viết các kết quả thảo luận lên giấy A0 và vẽ sơ đồ thể hiện diện tích đất rừng, ghi rõ tên địa phương của từng địa điểm/khu vực và số lượng hộ hoặc nhóm hộ dự kiến được giao tại mỗi địa điểm.

7. Tóm tắt kết quả và kết thúc phần bài thực hành.

Họp thôn lần 3

Tất cả mọi người dân quan tâm đến việc nhận đất nhận rừng đều nên tham gia vào cuộc họp thôn lần 3.

Mục tiêu:

- Trình bày kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt
- Thống nhất số hộ, nhóm hộ dự kiến được nhận đất nhận rừng tại mỗi địa điểm
- Thống nhất về số hộ dự kiến có thể tham gia vào mỗi nhóm tại từng địa điểm
- Thống nhất các tiêu chí GDGR
- Phát đơn xin nhận đất nhận rừng
- Thống nhất sự đóng góp của người dân trong thực hiện QHSDD-GDGR

Thời gian: 3 giờ

Vật tư/văn phòng phẩm: Kế hoạch và bản đồ sử dụng đất đã được phê duyệt, sơ đồ GDGR và giấy A0 ghi rõ các thông tin đã được thống nhất trong bài thực hành trước, mẫu đơn xin nhận đất nhận rừng.

Các bước tiến hành:

1. Chào mừng người dân đến tham gia cuộc họp
2. Trình bày kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt và chỉ rõ những phần diện tích đã được duyệt để tiến hành giao cho các hộ và các nhóm hộ.
3. Chỉ rõ lại những phần diện tích đã được duyệt để tiến hành giao, số hộ, nhóm hộ dự kiến được nhận đất nhận rừng tại từng địa điểm như đã thảo luận với những đại diện trong thôn bản. Thống nhất về số hộ, nhóm hộ dự kiến và giải thích rõ đây chỉ là con số dự kiến chứ chưa phải là con số cuối cùng.
4. Thảo luận về số nhóm quản lý rừng và số hộ sẽ tham gia trong mỗi nhóm. Thống nhất về con số dự kiến.
5. Trình bày các tiêu chí GDGR như đã thảo luận với những người dân đại diện và thống nhất các tiêu chí.
6. Kiểm tra người dân đã nắm rõ các thông tin hay chưa và làm rõ những điểm cần thiết.
7. Phát mẫu đơn xin nhận đất nhận rừng và giải thích cho người dân cách điền vào đơn.
8. Giải thích các bước triển khai GDGR và thống nhất về phần đóng góp của người dân trong triển khai GDGR tại thực địa.

Kiểm kê rừng có sự tham gia

Mục tiêu:

- Nhằm đưa ra phương pháp thích hợp đối với công tác kiểm kê rừng có sự tham gia để cung cấp số liệu kỹ thuật cho a) Tính toán số cây hiện có (số thân cây) và trữ lượng rừng phục vụ quá trình GDGR; và b) Xây dựng kế hoạch Quản lý rừng của thôn/bản,
- Nhằm sử dụng phương pháp như một công cụ hữu hiệu để giám sát và báo cáo hiện trạng rừng cũng như tác động của công tác quản lý thông qua quá trình kiểm kê rừng thường xuyên.

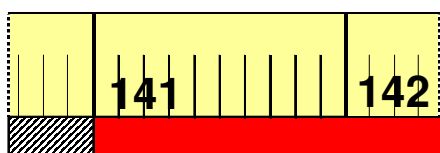
- Đưa ra hai phương pháp kiểm kê rừng luân phiên nhau phụ thuộc vào các tài nguyên sẵn có (máy định vị GPS, vẽ bản đồ dựa trên Hệ thống thông tin địa lý GIS, xử lý và phân tích số liệu bằng máy tính) và năng lực làm việc tại thực địa của cán bộ kỹ thuật cấp huyện).

Thời gian yêu cầu: Từ 7 đến 10 ngày tùy theo khu vực và hiện trạng rừng

Vật tư: Bản đồ GDGR của thôn bản, la bàn, máy định vị GPS, hai sợi dây thừng (mỗi sợi dài 20m có thắt nút ở giữa) có đầu móc ở phía cuối, dụng cụ đo chiều cao (ví dụ: thước Blume-LeiB), thước đo chu vi và đường kính, dụng cụ đo độ dốc (tham khảo Phụ lục 7), các bảng tổng hợp (tham khảo mẫu tại Phụ lục 1, Mẫu 4), bảng, bút chì, phấn.

Hướng dẫn làm thước đo chu vi và cấp đường kính điều chỉnh

Cấp đường kính	Chi vi tối thiểu theo cấp	Dải màu
08-14,9	25,13	vàng
15-19,9	47,12	Đen
20-24,9	62,83	Sọc
25-29,9	78,54	Xanh
30-34,9	94,25	Chấm
35-44,9	109,96	Răng cưa
>45	141,37	Đỏ



Hình 6: Thiết kế mẫu thước đo chu vi và cấp đường kính điều chỉnh

Chuẩn bị:

- Vẽ lưới ô vuông thể hiện ô mẫu/ đường lát cắt: Mật độ mẫu sắp xếp theo thứ tự từ 1-1.5% tùy thuộc vào tính phức hợp của các lô rừng tương ứng theo Quyết định 682/QĐ và QP N6-84 của Bộ NN-PTNT ngày 01/08/1994. Các ô mẫu nằm dọc theo hệ thống lưới ô vuông trải trên thông tin lập bản đồ thôn, bản hiện có. Cần tính toán những yếu tố sau (có thể tính toán bằng tay hoặc bằng máy tính bằng cách sử dụng số liệu kiểm kê rừng trong Excel ở trang “Đường lát cắt”):

- Diện tích ô mẫu = $\frac{\text{Lô rừng (m}^2\text{)}}{100 \times \text{mật độ mẫu}}$

Diện tích ô mẫu

Kích thước ô

- Số ô mẫu=

- Khoảng cách lưới ô vuông =
$$\frac{\text{Khoảng rừng (m}^2\text{)}}{\text{Số ô mẫu}}$$

Lựa chọn A sử dụng Hệ thống định vị toàn cầu GPS - Khoảng cách lưới ô vuông phải được nhập vào phần mềm MapInfo được xem như là một phần mới và thể hiện diện tích lô rừng. Mỗi điểm trên lưới ô vuông đại diện cho một ô mẫu. Tất cả các điểm trên lưới ô vuông phải được nhập vào máy GPS như là những điểm mốc để xác định các điểm trên thực địa. Toạ độ lưới ô vuông có thể được vẽ bằng tay bằng cách copy trực tiếp vị trí từ bản đồ.

Lựa chọn B không sử dụng máy GPS – Dùng giấy bóng mờ vẽ lưới ô vuông với khoảng cách lưới đã được tính toán (đối chiếu với quy mô bản đồ để có khoảng cách đúng). Đặt giấy bóng mờ lên trên lô rừng tương ứng và vẽ các đường cắt ngang bằng cách nối các điểm trên lưới ô vuông thành các đường. Xác định vị trí các đường cắt ngang sao cho các đường này cắt các đường mức (đi lên hay đi xuống theo độ dốc). Giải thích rằng tùy thuộc vào vị trí tại chỗ dốc (ví dụ như chân đồi, sườn đồi, đỉnh đồi, vai đồi, v.v...), sự sinh trưởng và sản lượng của cùng một lô rừng có thể khác đối với phạm vi lớn. Vì vậy, các đường cắt ngang luôn luôn phải hướng lên hoặc hướng xuống phía đồi để có được mẫu đại diện cho toàn bộ các khu vực khác nhau. Điểm đầu của đường cắt ngang cần phải để nhận biết trên thực địa. Đặt compa theo đường cắt ngang theo một đường thẳng khi thực hiện kiểm kê rừng.

2. Cần thành lập một nhóm đo đạc trước khi tiến hành thực hiện trên thực địa. Nhóm này bao gồm những người được nhận rừng. Một nhóm đo đạc bao gồm một cán bộ kỹ thuật và hai người dân. Những người này chịu trách nhiệm thực hiện những công việc sau:

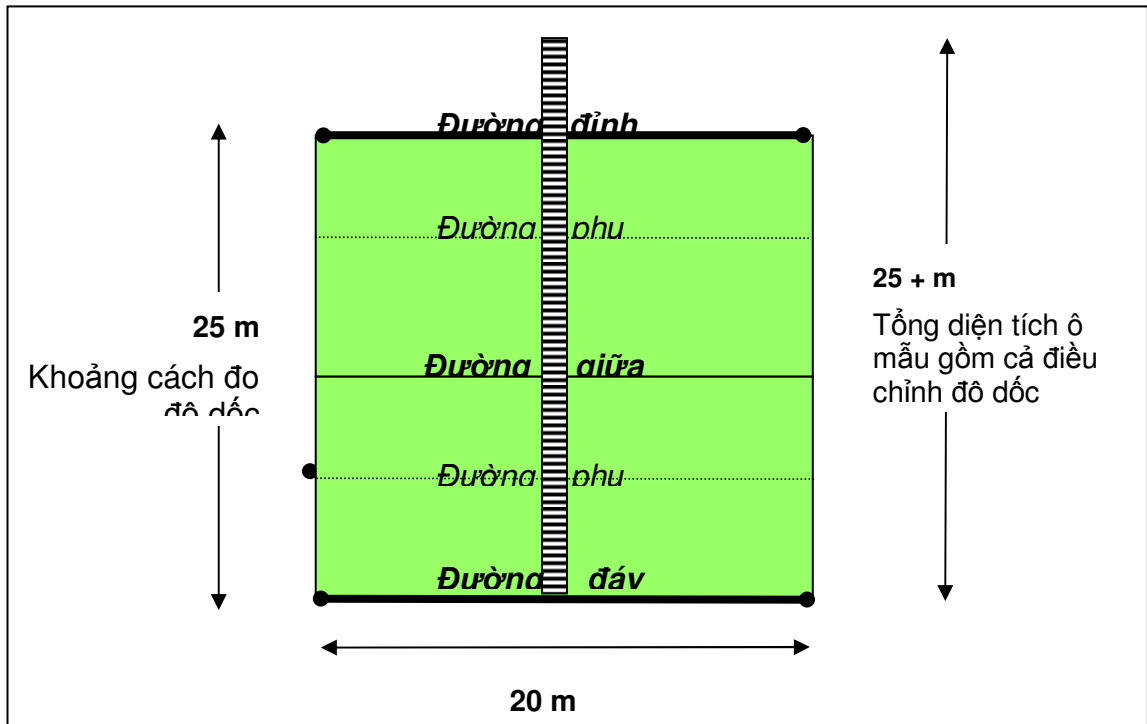
Mô tả công việc của nhóm đo đạc

Tên	Công việc chính	Hỗ trợ cán bộ kỹ thuật
Người ghi chép (Cán bộ kỹ thuật)	Lựa chọn A đánh dấu điểm mốc bằng GPS Lựa chọn B xác định vị trí ô theo đường cắt ngang Đo độ dốc Ghi chép thông tin cây Đo chiều cao của cây	Đánh dấu điểm cắt ngang và điểm đầu của ô
Người đo thứ nhất (người dân)	Đo chu vi và cấp đường kính của cây (thước màu) Xác định các loài cây và tiềm năng gỗ Dùng phấn đánh dấu cây	Vẽ đường cắt ngang (điểm đỉnh) Giúp cán bộ kỹ thuật đo khoảng cách giữa các cây để tính toán chiều cao của

		cây
Người đo thứ hai (người dân)	Đo chu vi và cấp đường kính của cây (thước màu) Xác định loài và chất lượng cây Dùng phấn đánh dấu cây	Vẽ đường ô (20m) Cắt dây thừng sau khi đo

Các bước tiến hành:

1. Dựa vào đường cắt ngang/ điểm mốc GPS để xác định vị trí các ô mẫu tạm thời thứ nhất.
2. Đánh dấu điểm đầu của mỗi ô mẫu bằng sơn đỏ để phê duyệt việc giao đất giao rừng.
3. Cán bộ kỹ thuật chịu trách nhiệm ghi chép thông tin cây và hướng dẫn người dân trong quá trình vẽ ô mẫu và đo cây.
4. Các ô mẫu được vẽ theo hình chữ nhật có diện tích 500m² (20x25m) và tạm thời được đánh dấu bằng sợi dây ny-lông theo hình dưới đây.



Hình 7: Sơ đồ ô mẫu trên thực địa

5. Một người dân vạch một đường thẳng dài 25m sử dụng thước dây 30m. Cán bộ kỹ thuật chỉnh hướng giúp người dân vẽ một đường thẳng.
6. Tại các khu vực núi, để đo đạc chính xác cần điều chỉnh độ dốc. Trong trường hợp đó, việc đo độ dốc được thực hiện ngay từ điểm bắt đầu của thửa và ngắm theo mặt của một người đứng phía trên đồi cách thửa 25m. Độ dài tăng thêm (được ghi trên bảng điều chỉnh độ dốc trên công cụ đo độ dốc) được thêm vào tổng chiều dài thửa theo đường cắt ngang.

7. Các đường ranh giới đỉnh và đáy thửa được xác định bằng cách sử dụng thước nylon 20m vẽ tam giác vuông (góc 90°) giáp với đường cắt ngang. Tùy vào tầm nhìn từ khoảnh rừng, có thể vẽ thêm hai hay nhiều đường phụ bên trong thửa mẫu nhằm xác định liệu có phải đo đạc các cây làm ranh giới hay không.
8. Bên trong thửa mẫu, tất cả số cây có đường kính $\geq 8\text{cm}$ cao ngang ngực được ghi chép cùng với tên cây (tên địa phương hoặc tên khoa học), màu cấp đường kính và 3 cấp chất lượng như đã nêu trong Thông tư 38/2007/TT-BNN:
 - **Cây có phẩm chất A:** cây sinh trưởng tốt, thân thẳng đẹp, đoạn thân dưới cành dài, không có u bướu khuyết tật ở trên thân.
 - **Cây có phẩm chất B:** cây sinh trưởng trung bình, có u bướu khuyết tật hoặc sâu bệnh nhưng không đáng kể, có thể lợi dụng được từ 50-70% thể tích của thân cây.
 - **Cây có phẩm chất C:** cây sinh trưởng, phát triển kém, cong queo, sâu bệnh hoặc cụt ngọn, rỗng ruột, chỉ có thể sử dụng < 50% thể tích của thân cây.
9. Sau khi đo đạc và điền thông tin cây vào bảng ghi, dùng phấn đánh dấu thân cây tránh bị lặt.
10. Độ cao của cây được cán bộ kỹ thuật đo bằng thước đo Blume-LeiB đối với 3 cây trong một thửa mẫu. Một người nông dân hỗ trợ cán bộ kỹ thuật trong khi đo khoảng cách bằng cách đặt thước dây theo thân cây. Tổng chiều cao cây được tính toán. *Cuối đợt điều tra, cần có số liệu đo cây ít hay nhiều tương đương đối với các cấp đường kính từ 8 đến 60cm.*
11. Bảng làm việc “Đo chiều cao” trong cơ sở dữ liệu Excel thể hiện phân bố thực tế chiều cao cây đối với mỗi cấp đường kính từ 8 đến 60cm.
12. Việc phân tích dữ liệu về giao rừng được tiến hành không có sự tham gia của người dân do việc tính toán mang tính khoa học người dân khó thực hiện được.
13. Đối với mỗi loại rừng, cần tính toán các phương trình chiều cao trước khi nhập dữ liệu bằng cách phân tích việc đo chiều cao thực hiện tại thực địa.
14. Thực hiện việc phân tích hồi quy phi tuyến tính để lập phương trình đường kính-chiều cao bằng cách sử dụng phương trình logarith của Viện Điều tra – Quy hoạch rừng (Viện ĐT-QHR) như trình bày dưới đây:

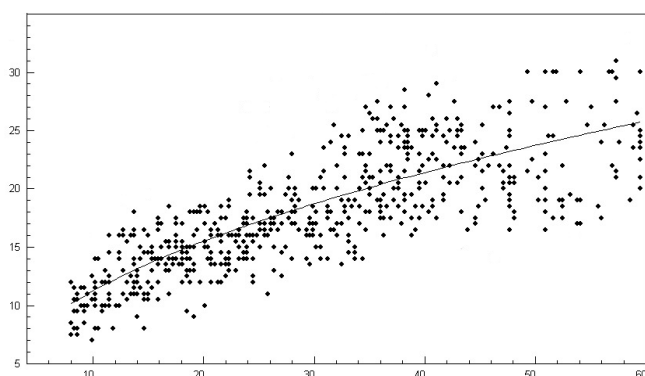
$$\text{LnH} = \text{LnA} + \text{B} * \text{LnD}_{1,3}$$

$$\text{H} = e^{\text{LnA} + \text{B} * \text{LnD}_{1,3}} = 2,718282^{\text{LnA} + \text{B} * \text{LnD}_{1,3}}$$

Trong đó: LnH = Logarith chiều cao cây

A, B = Các biến số A, B

LnD_{1,3} = Logarith đường kính ở tầm cao ngang ngực (m)



Biểu đồ 8: Mẫu hồi quy đường kính/chiều cao cùng đường xu hướng

15. Phân tích hồi quy được thực hiện sử dụng phần mềm riêng biệt (ví dụ: DataFit). Các kết quả (biến số A, B) được nhập vào bảng làm việc Excel “Phân tích danh mục rừng” trước khi tính toán trữ lượng.
16. Tất cả các đặc điểm về trữ lượng được tự động tính toán trong hệ thống cơ sở dữ liệu điều tra rừng bằng Excel. Trữ lượng được tính theo công thức $V = g * h * f_{1,3}$ trong đó hình số f được quy định là 0,45 đối với rừng tự nhiên (được quy định trong Thông tư 38/2007/TT-BNN).
17. Kết quả phân tích điều tra rừng do cơ sở dữ liệu Excel cung cấp được thể hiện dưới dạng bảng kết quả như dưới đây:

Mẫu bảng kết quả phân tích dữ liệu điều tra rừng

Theo hectare (ha)	
Số thân cây [ha]	922
Trữ lượng [ha]	123,0
Diện tích cơ bản [m ²]	17,9

Theo trữ lượng (lô)	
Diện tích lô [ha]	128,67
Số thửa mẫu [#]	38
Đường kính trung bình [cm]	14,6
Chiều cao trung bình [m]	13,8
Số thân cây [lô]	118.580
Trữ lượng [lô]	15.827

18. Đánh giá trạng thái rừng được dựa trên kết quả điều tra danh mục rừng thông qua việc áp dụng hệ thống phân loại được quy định tại Quyết định số 682/QĐ và QP N6-84 của Bộ NN&PTNT ngày 01/08/1994 (xem Phụ lục 5).
19. Kết quả điều tra danh mục rừng phải được tập hợp dưới dạng bảng tổng hợp như trong Mẫu 4 trong đó thể hiện kết quả chi tiết cho từng tiểu khu, khoảnh, lô theo các cấp quản lý rừng của Việt Nam (Xem thêm chi tiết định nghĩa các đơn vị rừng trong Bảng 4 ở phần trên).

PHỤ LỤC 1: MỘT SỐ MẪU, BIỂU CẦN CHUẨN BỊ TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI QHSDD-GĐGR CÓ SỰ THAM GIA

Danh mục các biểu, mẫu dựa theo quy định trong các văn bản hướng dẫn GĐGR của nhà nước (xem cụ thể ở phần Phụ lục).

Stt	Các tài liệu cần xây dựng theo các bước	S.lượng	Số mẫu
1.	Đơn xin giao rừng		Mẫu A
	Bước 1		
2.	Quyết định thành lập tổ công tác cấp xã	3	Phụ lục 2, Thông tư 38/2007/TT-BNN
3.	Quyết định thành lập ban chỉ đạo cấp huyện	3	Mẫu 1
	Bước 2		
4.	Số liệu về hiện trạng đất lâm nghiệp, đất rừng của thôn	3	Mẫu 2
5.	Phân loại các loại rừng	3	Mẫu 3
6.	Số liệu về trữ lượng gỗ / lô đất, lô rừng	3	Mẫu 4
7.	Biên bản các cuộc họp thôn lần 1	3	Mẫu 5
8.	Bản đồ và báo cáo hiện trạng sử dụng đất của thôn	1	Thông tư 30/2004/TT-BTNMT
	Bước 3		
9.	Biên bản các cuộc họp thôn lần 2	3	Mẫu số 5
10.	Biên bản các cuộc họp cấp xã và cấp huyện	3	Mẫu số 5
11.	Kế hoạch và báo cáo tình hình sử dụng đất của xã	3	Thông tư 30/2004/TT-BTNMT
	Bước 4		
12.	Biên bản các cuộc họp thôn lần 3	3	Mẫu 5
13.	Đơn xin nhận đất nhận rừng	3	Phụ lục 3 Thông tư 38/2007/TT-BNN
14.	Danh sách các hộ đăng ký xin nhận đất nhận rừng	3	
15.	Danh sách các hộ gia đình đủ điều kiện và không đủ điều kiện nhận đất, nhận rừng	3	
16.	Số liệu về diện tích đất đã giao/tính theo lô	3	Mẫu 6
	Bước 5		
17.	Đề xuất xin GĐGR của xã	3	
18.	Mẫu đơn xin cấp sổ đỏ		TT 29/2004/TT-BTNMT
19.	Biên bản giao đất giao rừng		Mẫu 7
	Bước 6		
20.	Biên bản thẩm định đơn xin nhận đất nhận rừng của UBND xã và tổ công tác	3	Mẫu số 8
21.	Bộ tài liệu địa chính	3	Thông tư 29/2004/TT-BTNMT
	Bước 7		
22.	Biên bản thẩm định tài liệu địa chính	3	Phụ lục 4 Thông tư 38/2007/TT-BNN
23.	Đề xuất xin cấp sổ đỏ	3	
24.	Quyết định cấp sổ đỏ của UBND huyện	3	
			Phụ lục 5 Thông tư 38/2007/TT-BNN Thông tư 29/2004/TT-BTNMT

Mẫu A: Đơn xin giao rừng

(Trích từ Thông tư 38/2007/TT-BTT ngày 25/04/2007 của Bộ NN&PTNT)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN XIN GIAO ĐẤT, GIAO RỪNG
(dùng cho công dân c- th<n)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã (ph-êng, th< trÊn).....
.. Ủy ban nhân dân huyện (quÊn, th< x., th<nh ph& thu&c t&nh).....

1. T<n công dân c- th<n ng-êi xin giao &Êt, giao rừng (Vi&tt ch÷ in hoa) (1).....
Tu&i.....ch&c vô.....

2. SĐa ch&.....

3. H& vụ t<n ng-êi &i di&nn (vi&tt ch÷ in hoa).....
Sinh nguy..... th,ng.....n"m.... ; Ch&c vô.....

Sau khi &-íc nghi&n cứu Lu&tt B&o vô vụ ph, t tri&nn r&ng, &-íc trao &ai th&ng nh&tt trong th<n, c& quy ch& qu&nn lý r&ng s< bé (k&im theo) vụ th&ng nh&tt &Ò ngh& u& ban nh&nn d&nn huy&nn, x. giao r&ng cho công dân nh- sau:

4. SĐa &i&mm khu r&ng xin giao (ghi &Đa danh, t<n l<, kho&nnh, ti&u khu).....

5. Di&nn t&ych xin giao (ha).....

6. S& số d&ng vụo m&c &Ych (2).....

7. Cam k&tt số d&ng r&ng &óng m&c &Ych, ch&Êp h&nh &óng c,c quy &Đnh c&na ph,p lu&tt vô b&o vô vụ ph, t tri&nn r&ng.
.....nguy th,ng n"m

Ng-êi xin giao &Êt, giao rừng

(Ký vụ ghi rõ họ, tên)

Xúc nhận của UBND xã

1. Xúc nhận vào sổ sổ địa phương của công dân xã
thị trấn.....
- ..
2. Về nhu cầu vụ khai thác quản lý, số đông rộng của công dân xã.....
3. Về sử dụng đất đai quy
hoạch.....

..... ngày tháng năm.....

TM. Ủy ban nhân dân

Chức danh

(Ký tên và đóng dấu)

-
.....
1. Ghi tên "Công dân xã thị trấn/bản" (nếu phân vùng giao đất, giao rộng của xã lập giao cho Công dân xã), sau đó lập tên của thị trấn, lung, ấp, bản, buôn, phum, sắc hoặc tên của dân tộc vùng vùng. tên nhằm họ (cả danh sách các họ kèm theo) (nếu phân vùng lập GS,GR của xã lập giao cho nhằm họ), Ghi tên họ gia đình (nếu phân vùng lập GS,GR của xã lập giao cho tổng họ)
 2. Rõ ràng theo 3 loại. Ghi rõ theo 1 trong 12 loại của phần loại mục Ých số đông đất lâm nghiệp của Thông tư 08/2008/TT-BTNMT
 3. Kèm theo đơn nộp khai cả bản bản hợp thửa thửa nhất việc mở thửa thửa lập rõ ràng vụ ghi rõ họ họ gia đình cả trong thị trấn.

MẪU 1: QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP TỔ CÔNG TÁC QHSĐĐ-GĐGR

Ủy ban Nhân dân

.....

Số:...../QĐ-UB

Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

Ngày tháng năm 200

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN

V/v: “Thành lập Tổ công tác GĐLN-GR”

ỦY BAN NHÂN DÂN

- Căn cứ Luật tổ chức của HĐND và UBND ngày 26/6/1994
- Căn cứ Luật đất đai 25/2003-QH11
- Căn cứ vào Nghị định số 181/2004/NĐ-CP của Chính phủ

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thành lập Tổ công tác GĐLN-GR cấp xã (phường, thị trấn), gồm có các thành viên::

1. Ông/Bà Chủ tịch/Phó chủ tịch UBND xã.....
2. Ông/Bà Cán bộ địa chính xã, Thư ký
3. Ông/Bà Cán bộ Kiểm lâm, tổ viên
4. Ông/Bà Tổ viên
5. Ông/Bà Tổ viên
6. Ông/Bà Tổ viên
7. Ông/Bà Tổ viên
8. Ông/Bà Tổ viên
9. Ông/Bà Tổ viên
10. Ông/Bà..... Tổ viên

Điều 2: Tổ công tác GĐLN-GR chịu trách nhiệm những nhiệm vụ sau đây:

- Phân loại, thẩm định, xác nhận, thảo luận và đề xuất các đơn xin nhận đất, nhận rừng lên UBND xã để UBND xã trình lên cấp chính quyền phê duyệt.
- Công khai các đơn xin nhận đất, nhận rừng cho mọi người dân, xác minh các đơn và trình bày giải pháp đối với các đơn xin nhận đất, nhận rừng có khiếu nại, thắc mắc.

-

Điều 3: Chánh văn phòng của các UBND huyện, Chủ tịch UBND các xã (phường, thị trấn) và các đối tượng liên quan nói trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Cc:

- Tổ viên Tổ GĐLN-GR
- UBND xã (phường, thị trấn)
- Phòng TNMT huyện
- Hạt Kiểm lâm huyện
- Lưu

TM UBND

Chủ tịch

MẪU 3: BIỂU THỐNG KÊ DIỆN TÍCH ĐẤT LÂM NGHIỆP, ĐẤT RỪNG**BIỂU THỐNG KÊ DIỆN TÍCH ĐẤT LÂM NGHIỆP, ĐẤT RỪNG HIỆN CÓ**

Bản.....Xã.....Huyện.....

(Đơn vị tính: Ha)

Tờ số:.....

Hạng mục	Tổng diện tích (ha)	Phân theo MĐSD		
		SX	PH	ĐD
Tổng cộng:				
1. Đất có rừng				
a. Rừng gỗ TN				
- Giàu				
- Trung bình				
- Nghèo				
- Phục hồi				
b. Rừng hỗn giao				
c. Rừng trồng				
d. Rừng tre nứa				
2. Đất trống				
- Cỏ (IA)				
- Cây bụi (IB)				
- Có cây tái sinh (IC)				
- Núi đá có cây tái sinh hoặc cỏ cây rải rác				

Ngày.....tháng.....năm 200....
Cán bộ điều tra

S-n
Thñ tr-êng @-n vĐ (2)
Ng-êi
(ký t^an vµ @ãng dÊu)

vĐ

lËp

t-

vÊn(1):

biÓu

-
.....
.....
1. S-n vĐ t- vÊn lụ c- quan trùc tiÕp @o @Õm, x,c @Đnh c,c @Æc @iÓm cña khu rÕng
 2. MËu biÓu nự @-íc sõ dõng kìm theo quyÕt @Đnh giao rÕng, cho thu^a rÕng vµ híp @ảng thu^a rÕng. BiÓu @-íc thèng k^a theo tÕng x.
 3. Cét 10 ghi l« @ã thuc cÊp phßng hé nự; rÊt xung yÕu, xung yÕu hay Ýt xung yÕu.
 4. Cét 13 tr-êng híp lụ rÕng tù nhi^an th× ghi tæ thựnh nhãm lụ c@y chñ yÕu, nõu lụ rÕng trỏng thi ghi t^an lụ c@y trỏng.
 5. Cét 14 ghi n"m trỏng @èi víi rÕng trỏng

Mẫu 6: Biên bản họp thôn

Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

BIÊN BẢN HỌP THÔN

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm 200..., vào hồi..... giờ..... phút

Tại: trụ sở bản xã..... huyện.....

Thực hiện chủ trương, chính sách của UBND tỉnh Quảng Bình và kế hoạch của UBND huyện, xã về việc giao đất lâm nghiệp, giao rừng đến hộ gia đình, cá nhân, nhóm hộ và cộng đồng bản và các tổ chức, để quản lý bảo vệ lâu dài vào mục đích lâm nghiệp, hôm nay tại bản

đã tiến hành triệu tập các hộ gia đình, cùng với tổ công tác giao đất của huyện tiến hành họp bản lần thứ..... bàn bạc, thống nhất về

I. Thành phần gồm:

1. Đại diện bên xã:

Ông (bà) Chức vụ:.....

Ông (bà) Chức vụ:.....

2. Tổ giao đất:

Ông (bà) Chức vụ:.....

Ông (bà) Chức vụ:.....

Ông (bà) Chức vụ:.....

Ông (bà) Chức vụ:.....

3. Bên bản:

Ông (bà) Chức vụ:.....

Ông (bà) Chức vụ:.....

Ông (bà) Chức vụ:.....

Ông (bà) Chức vụ:.....

Ông (bà) Chức vụ:.....

và đại diện các hộ gia đình có.....hộ/.....hộ trong bản có mặt tham gia cuộc họp.

II. Nội dung cuộc họp:

.....
.....
.....
.....

II. Kết quả cuộc họp:

.....
.....
.....

Cuộc họp kết thúc hồi.....cùng ngày và đã thông qua cho tất cả các thành viên kể trên nghe./.

Đại diện BQL thôn (bản)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thư ký ghi biên bản

(Ký, ghi rõ họ tên)

MẪU 8: BIÊN BẢN GIAO ĐẤT LÂM NGHIỆP - GIAO RỪNG

(Biên bản lập cho từng thửa đất một)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

BIÊN BẢN GIAO ĐẤT LÂM NGHIỆP – GIAO RỪNG

Thực hiện chủ trương chính sách của Nhà nước về việc giao đất lâm nghiệp và rừng tự nhiên tới hộ, nhóm hộ, cộng đồng và các tổ chức khác ;

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm 200.....

Tại bản, tổ..... Xã, phường..... Huyện.....

Chúng tôi đã tiến hành đo đếm giao đất lâm nghiệp, giao rừng cho chủ sử dụng như sau:

1. Đại diện bên giao đất:

Ông (bà):..... Chủ tịch UBND xã.....

Ông (bà):..... Cán bộ địa chính xã.....

Ông (bà):..... Trưởng bản.....

Ông (bà):..... Cán bộ Tổ giao đất.....

2. Đại diện bên nhận đất: (Chủ rừng)

Ông (bà):

(Tên người đại diện người xin giao đất, giao rừng

Nơi thường trú: Thôn/bản, tổ..... xã, phường..... huyện.....

Các bên đã cùng nhau tiến hành đo đếm, xác định ranh giới lô đất, diện tích, trạng thái rừng và trữ lượng rừng; đánh giá lại hiện trạng, tình hình sinh trưởng và phát triển của diện tích rừng. Cùng nhau thống nhất bản giao lô đất tại thực địa cho ông (bà)..... là đại diện chủ rừng, cụ thể như sau:

Thửa đất rừng được giao.....

Tổng diện tích..... ha.

Trữ lượng gỗ các loại..... m³

Vị trí mốc giới, ranh giới thửa đất đã được chỉ rõ trên thực địa và được mô tả cụ thể như sau: (Mô tả cụ thể vị trí các điểm mốc cơ bản có cắm cọc đánh dấu ở thực địa và vị trí đường ranh giới của thửa đất, mô tả phải có các địa vật rõ ràng, ổn định làm chuẩn)

Sơ đồ thửa đất như bản trích lục Bản đồ kèm theo.

Biên bản đã được đọc lại cho các thành viên tham dự cùng nghe và nhất ký ký tên.

Chủ rừng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện BQL thôn (bản)
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Tổ GĐLN-GR
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Thay mặt UBND xã
Chủ tịch**

(Ký và đóng dấu)

Mẫu 9: TRÍCH LỤC HÌNH THẺ LÔ ĐẤT LÂM NGHIỆP (trích từ Bản đồ GĐLN-GR)

(Kèm theo biên bản GĐLN-GR và sổ Đồ)

Tờ số:.....

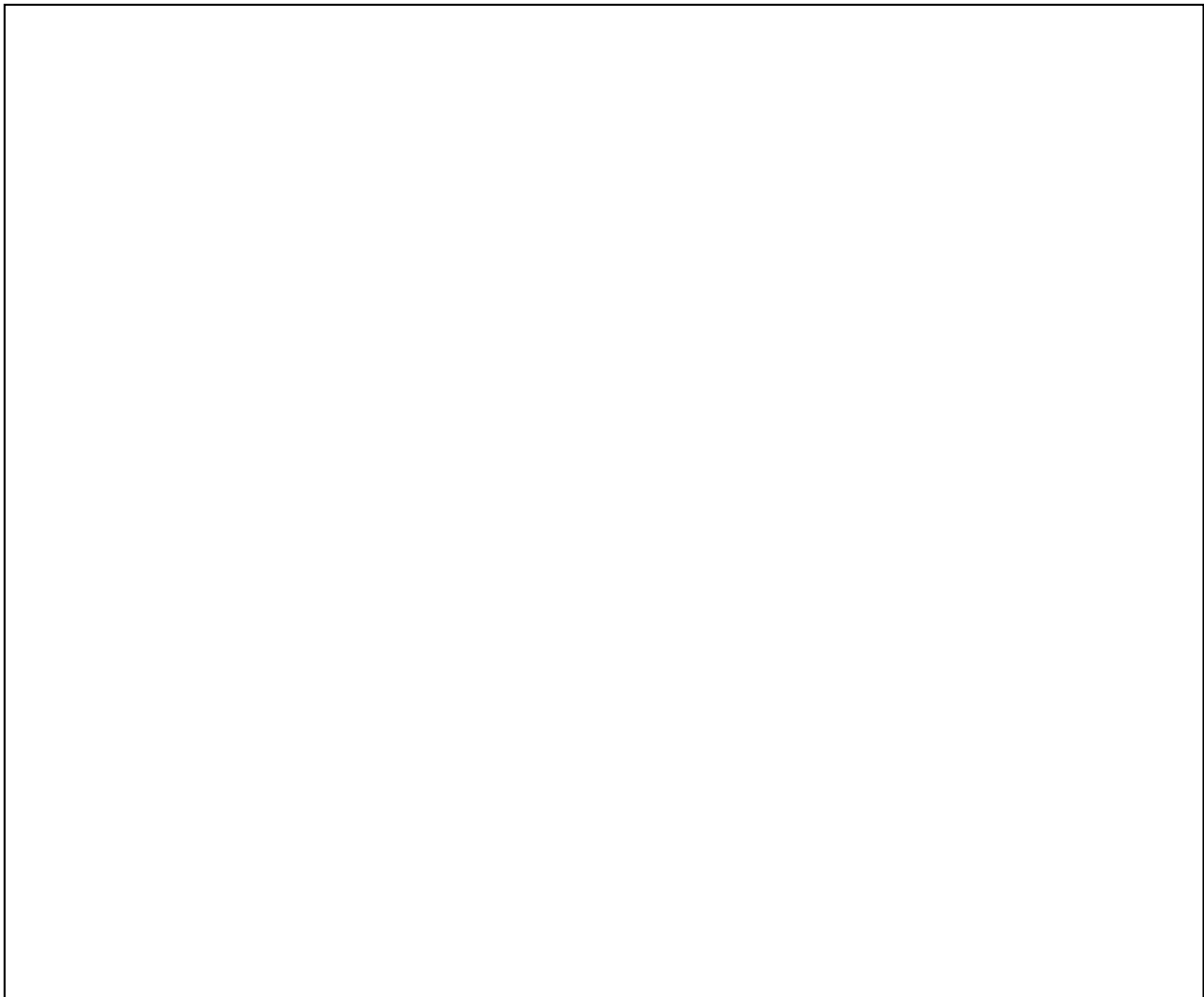
Họ tên chủ rừng:.....

Bản.....Xã (phường).....Huyện

Diện tích lô đất.....ha thuộc tiểu khu khoảnh.....lô số.....

Theo bản đồ địa chính thuộc tờ bản đồ số..... thửa số.....

Tên địa điểm.....



Ngày.....tháng.....năm 200...
Cán bộ kỹ thuật

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....

Số: /QĐ-UB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN

HUYỆN.....

Về việc giao đất, giao rừng

ỦY BAN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật đất đai ngày 26/11/2003 và Luật Bảo vệ phát triển rừng ngày.....;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường và Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại tờ trình liên ngành số.... ngày...

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Giao cho ...(ghi tên và địa chỉ của người được giao đất, giao rừng) ... m2 đất lâm nghiệp có trữ lượng ... m3 gỗ loại....tại xã.... để sử dụng vào mục đích.....(ghi một trong 12 loại mục đích sử dụng đất lâm nghiệp theo quy định của Thông tư 08/2007/TT-BTNMT)

Thời hạn sử dụng là:...năm, kể từ ngày ..tháng...năm.. đến ngày... tháng.... Năm....

Vị trí ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng lập ngày... tháng Năm.

Những hạn chế(nếu có)

Điều 2: Phòng Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Kiểm tra lại việc xác định phạm vi ranh giới, mốc giới khu đất giao, việc thực hiện sử dụng đất rừng của người sử dụng đất; hướng dẫn người sử dụng đất cắm mốc giới ổn định, chắc chắn công khai phạm vi ranh giới sử dụng.

2. Trao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

3. Hướng dẫn, kiểm tra Văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất trực thuộc và Cán bộ địa chính xã chính lý, bổ sung và quản lý hồ sơ địa chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND huyện, Trưởng Phòng TNMT, Trưởng phòng NNPTNT,.. và người được giao đất rừng có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC 2: CÁC KỸ NĂNG HỖ TRỢ

(Trích từ Bộ tài liệu đào tạo về Phương pháp khuyến nông có sự tham gia /PAEM của GTZ-SNV)

Hỗ trợ là gì?

Hỗ trợ là cách hướng dẫn các cuộc thảo luận, các thử nghiệm trên hiện trường hay đào tạo để nhóm tham gia có thể đạt được mục tiêu đề ra một cách hiệu quả. Việc hỗ trợ cần dựa trên các nguyên tắc người lớn học tập tốt nhất từ kinh nghiệm của chính mình và cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm. Cán bộ hỗ trợ truyền đạt những hiểu biết kỹ thuật của mình tới người dân theo nhu cầu của người dân và do chính người dân bàn bạc thảo luận.

Hầu hết, làm việc nhóm là để cùng nhau đúc rút kinh nghiệm hay cùng thoả thuận những bước tiếp theo. Đặc biệt ở bước này, cán bộ hỗ trợ nên dành quyền cho các nhóm và không áp đặt ý kiến cá nhân mình.



Các kỹ năng chính của một cán bộ hỗ trợ giỏi

- 1. Điều khiển nhóm**

Đây là nhiệm vụ thông thường nhất của người cán bộ hỗ trợ nhằm mục đích hướng dẫn nhóm trao đổi ý kiến và kinh nghiệm để cùng đi đến một kết quả, một ý kiến hay một kế hoạch làm việc chung.
Hỗ trợ đạt kết quả tốt khi tính năng động nhóm được quan tâm đúng mức, các thành viên trong nhóm hoà đồng lẫn nhau, đặc biệt cần có sự quan tâm tới các phụ nữ và người nghèo.
- 2. Giao tiếp**

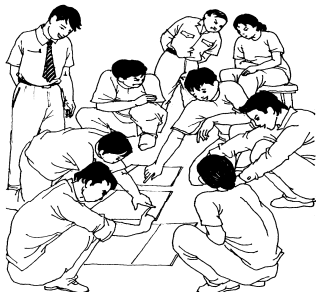
Kỹ năng giao tiếp tốt là cơ sở cho khả năng hỗ trợ tốt. Trong các kỹ năng thì kỹ năng nắm bắt thông điệp và lắng nghe chủ động là những kỹ năng quan trọng nhất.
- 3. Hiểu biết về kỹ thuật**

Ngoài kinh nghiệm và kiến thức của người dân, cán bộ hỗ trợ nên đóng góp những hiểu biết của mình về kỹ thuật - tuy nhiên không đưa ra ý kiến áp đặt từ mà chỉ đề xuất và kiến nghị các giải pháp, tôn trọng sự tham gia của người dân, tôn trọng ý nguyện và nhu cầu của dân.
- 4. Thái độ**

Việc hỗ trợ tốt nhất đến từ tấm lòng. Thái độ tin cậy và tôn trọng người dân là nền tảng quan trọng nhất để người cán bộ hỗ trợ đạt đến thành công. Những người thờ ơ với đối tượng làm việc của mình sẽ không bao giờ có thể là người cán bộ hỗ trợ tốt.

Làm thế nào để hỗ trợ?

1. Điều khiển nhóm



Điều khiển thảo luận nhóm

- Làm rõ nhiệm vụ và mục tiêu của nhóm là gì.
- Thu thập ý kiến đóng góp từ nhóm và giúp tổng hợp các ý kiến đó.
- Khuyến khích tất cả các thành viên tham gia ý kiến và tôn trọng ý kiến đóng góp của nhau, đặc biệt là phụ nữ
- Đứng ở vị trí trung gian để giải quyết các mâu thuẫn.
- Sử dụng các hình ảnh minh họa trực quan (cụ thể như các nhỏ, tranh ảnh, giấy Ao, bảng đen, mô hình không gian 03 chiều, vv...)
- Giúp các nhóm tổng kết hoặc đưa ra kế hoạch hành động.

2. Giao tiếp



Hỏi các câu hỏi và lắng nghe chủ động

- Hỏi các câu hỏi để thu thập thông tin, làm rõ các tình huống và quan điểm, khuyến khích sự tham gia của người dân, theo dõi quá trình hoạt động nhóm, hoặc giúp người dân nâng cao nhận thức, hay tăng cường quá trình học hỏi.
- Tốt hơn hết là hỏi những câu hỏi mở: Thế nào? Tại sao? Khi nào? Ai? Cái gì?
- Đặt những câu hỏi khuyến khích khả năng suy nghĩ phân tích điểm mạnh, điểm yếu, và giúp đưa ra kết luận.
- Lắng nghe chủ động
- Đưa ra phản hồi, và mời thành phần tham gia đưa ra ý kiến phản hồi.

3. Hiểu biết về kỹ thuật



Đóng góp những hiểu biết kỹ thuật

- Tìm hiểu rõ những kiến thức kỹ thuật nào người dân yêu cầu
- Đưa ra những ví dụ hoặc trình diễn thực tế
- Tìm hiểu kiến thức bản địa và tìm cách sử dụng
- Chuẩn bị tài liệu phát tay đơn giản, dễ hiểu.
- Không áp đặt ý kiến, mà đề xuất hiểu biết của bạn như là đóng góp cho quá trình học hỏi của người dân. Cuối cùng, người dân phải tự quyết định họ muốn áp dụng những tiến bộ kỹ thuật theo cách nào.

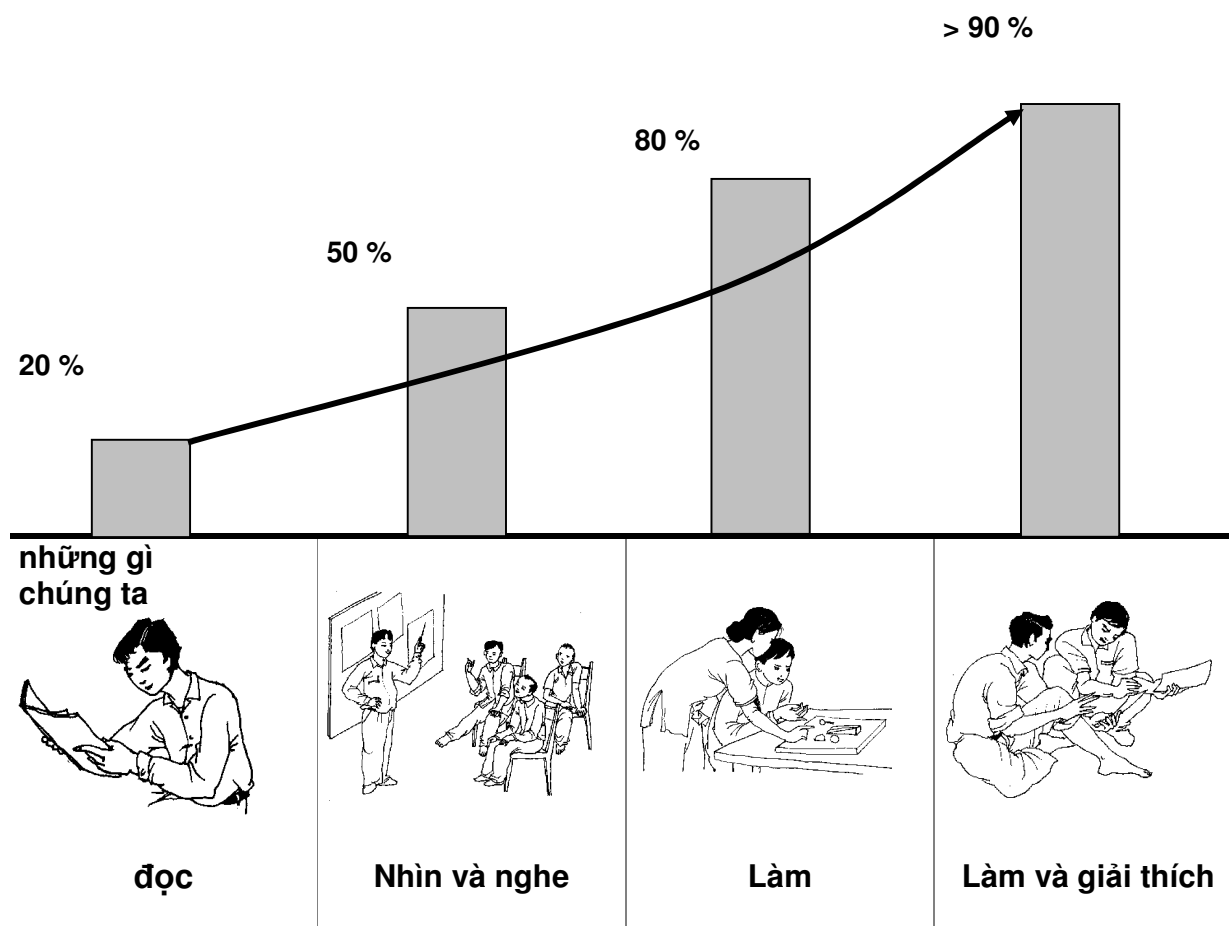
4. Thái độ



Chia sẻ đồng cảm

- Thể hiện sự tôn trọng nhất mực với người dân
- Chủ động lắng nghe kinh nghiệm và nhu cầu của người dân.
- Quan tâm để hiểu quan điểm, cảm giác và tình trạng của người dân
- Đưa ra ý kiến phản hồi tích cực và hữu ích.
- Tôn trọng và quan tâm đến kinh nghiệm của người dân địa phương
- Thiết lập sự hiểu biết và tin tưởng lẫn nhau, khuyến khích học viên tôn trọng ý kiến nhận xét của nhau, đặc biệt là thành viên những nhóm trầm và phụ nữ. Đây là cơ sở quan trọng nhất để thực hiện hỗ trợ tốt.

Chúng ta nhớ ...



Do đó, các nguyên tắc đào tạo hiệu quả là

- hỗ trợ việc trao đổi kinh nghiệm giữa các học viên (ví dụ như những nhóm làm việc, hay thảo luận theo nhóm)
- tạo cơ hội nắm bắt được những kinh nghiệm mới (các bài thực hành thực hành, các chuyến thăm thực địa)
- suy ngẫm về những kinh nghiệm đã đạt được và những gì chúng ta có thể học hỏi được từ chính những kinh nghiệm đó (phần bài giảng về suy ngẫm và đóng góp ý kiến phản hồi)

PHỤ LỤC 3: CÁC LOẠI ĐẤT THEO LUẬT ĐẤT ĐAI SỬA ĐỔI (2003)

Stt	Mục đích sử dụng đất	Mã (ký hiệu)
1	Đất nông nghiệp	NNP
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA
1.1.1.1.1	Đất chuyên trồng lúa nước (là ruộng lúa nước cấy trồng từ hai vụ lúa mỗi năm trở lên, có khó khăn đột xuất phải bỏ hóa không quá một năm).	LUC
1.1.1.1.2	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK
1.1.1.1.3	Đất trồng lúa nương	LUN
1.1.1.2	Đất cỏ dùng vào chăn nuôi	COC
1.1.1.2.1	Đất trồng cỏ	COT
1.1.1.2.2	Đất cỏ tự nhiên có cải tạo	CON
1.1.1.3	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK
1.1.1.3.1	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK
1.1.1.3.2	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN
1.1.2.1	Đất trồng cây công nghiệp lâu	LNC
1.1.2.2	Đất trồng cây ăn quả lâu năm	LNQ
1.1.2.3	Đất trồng cây lâu năm khác	LNK
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX
1.2.1.1	Đất có rừng tự nhiên sản xuất	RSN
1.2.1.2	Đất có rừng trồng sản xuất	RST
1.2.1.3	Đất khoanh nuôi phục hồi rừng sản xuất	RSK
1.2.1.4	Đất trồng rừng sản xuất	RSM
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH
1.2.2.1	Đất có rừng tự nhiên phòng hộ	RPN
1.2.2.2	Đất có rừng trồng phòng hộ	RPT
1.2.2.3	Đất khoanh nuôi phục hồi rừng phòng hộ	RPK
1.2.2.4	Đất trồng rừng phòng hộ	RPM
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	RDD
1.2.3.1	Đất có rừng tự nhiên đặc dụng	RDN
1.2.3.2	Đất có rừng trồng đặc dụng	RDT
1.2.3.3	Đất khoanh nuôi phục hồi rừng đặc dụng	RDK
1.2.3.4	Đất trồng rừng đặc dụng	RDM
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS
1.3.1	Đất nuôi trồng thủy sản nước lợ, mặn	TSL
1.3.2	Đất chuyên nuôi trồng thủy sản nước ngọt	TSN

Stt	Mục đích sử dụng đất	Mã (ký hiệu)
1.4	Đất làm muối	LMU
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH
2	Đất phi nông nghiệp	PNN
2.1	Đất ở	OTC
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT
2.2	Đất chuyên dùng	CDG
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS
2.2.1.1	Đất trụ sở cơ quan, tổ chức	DTS
2.2.1.1.1	Đất trụ sở cơ quan	TSO
2.2.1.1.2	Đất trụ sở khác	TS1
2.2.1.2	Đất công trình sự nghiệp	DSN
2.2.1.2.1	Đất công trình sự nghiệp không kinh doanh	SNO
2.2.1.2.2	Đất công trình sự nghiệp có kinh doanh	SN1
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA
2.2.2.1	Đất quốc phòng	QPH
2.2.2.2	Đất an ninh	ANI
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK
2.2.3.1	Đất khu công nghiệp	SKK
2.2.3.2	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	SKC
2.2.3.3	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS
2.2.3.4	Đất sản xuất vật tư xây dựng, gốm sứ	SKX
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC
2.2.4.1	Đất giao thông	DGT
2.2.4.1.1	Đất giao thông không kinh doanh	GT0
2.2.4.1.2	Đất giao thông có kinh doanh	GT1
2.2.4.2	Đất thủy lợi	DTL
2.2.4.2.1	Đất thủy lợi không kinh doanh	TL0
2.2.4.2.2	Đất thủy lợi có kinh doanh	TL1
2.2.4.3	Đất để chuyển dẫn năng lượng, truyền thông	DNT
2.2.4.3.1	Đất để chuyển dẫn năng lượng, truyền thông không kinh doanh	NT0
2.2.4.3.2	Đất để chuyển dẫn năng lượng, truyền thông có kinh doanh	NT1
2.2.4.4	Đất cơ sở văn hoá	DVH
2.2.4.4.1	Đất cơ sở văn hoá không kinh doanh	VH0
2.2.4.4.2	Đất cơ sở văn hoá có kinh doanh	VH1
2.2.4.5	Đất cơ sở y tế	DYT
2.2.4.5.1	Đất cơ sở y tế không kinh doanh	YT0
2.2.4.5.2	Đất cơ sở y tế có kinh doanh	YT1
2.2.4.6	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD
2.2.4.6.1	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo không kinh doanh	GD0
2.2.4.6.2	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo có kinh doanh	GD1
2.2.4.7	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT
2.2.4.7.1	Đất cơ sở thể dục - thể thao không kinh doanh	TT0
2.2.4.7.2	Đất cơ sở thể dục - thể thao có kinh doanh	TT1
2.2.4.8	Đất chợ	DCH

Stt	Mục đích sử dụng đất	Mã (ký hiệu)
2.2.4.8.1	Đất chợ được giao không thu tiền	CH0
2.2.4.8.2	Đất chợ khác	CH1
2.2.4.9	Đất có di tích, danh thắng	LDT
2.2.4.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	RAC
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN
2.3.1	Đất tôn giáo	TON
2.3.2	Đất tín ngưỡng	TIN
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD
2.5	Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng	SMN
2.5.1	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON
2.5.2	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK
2.6.1	Đất cơ sở của tư nhân không kinh doanh	CTN
2.6.2	Đất làm nhà tạm, lán trại	NTT
2.6.3	Đất cơ sở dịch vụ nông nghiệp tại đô thị	DND
3	Nhóm đất chưa sử dụng	
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS
4	Đất có mặt nước ven biển	
4.1	Đất mặt nước ven biển nuôi trồng thủy sản	MVT
4.2	Đất mặt nước ven biển có rừng ngập mặn	MVR
4.3	Đất mặt nước ven biển có mục đích khác	MVK

PHỤ LỤC 4: PHÂN CHIA TRẠNG THÁI RỪNG

Hệ thống phân chia các kiểu trạng thái rừng theo Quyết định 682/QĐ và QP N6-84 ban hành ngày 01 tháng 8 năm 1994 của Bộ NN&PTNT.

Phân chia trạng thái rừng

Các kiểu trạng thái rừng được chia làm 4 nhóm:

- Nhóm 1: Nhóm đất trống
- Nhóm 2: Nhóm rừng nhỏ/phục hồi
- Nhóm 3: Nhóm rừng thứ sinh, rừng đã bị tác động
- Nhóm 4: Nhóm rừng nguyên sinh, rừng ổn định

Nhóm kiểu 1:

Nhóm không có rừng hoặc hiện tại chưa thành rừng, chỉ có cỏ, cây bụi hoặc cây gỗ, tre mọc rải rác có độ che phủ dưới mức 0,3. Tùy theo hiện trạng, nhóm này được chia thành:

- Kiểu IA- Kiểu này được đặc trưng bởi lớp thực bì và cỏ.
- Kiểu IB- Kiểu này được đặc trưng bởi lớp thực bì cây bụi, cũng có thể có một số cây gỗ, tre mọc rải rác.
- Kiểu IC – Kiểu này được đặc trưng bởi cây thân gỗ tái sinh với số lượng đáng kể nằm trong hai kiểu trên. Chỉ được xếp vào kiểu IB khi số lượng cây tái sinh có chiều cao trên 1 m, đạt từ 1000 cây/ha trở lên.

Nhóm kiểu 2:

Kiểu rừng phục hồi cây tiên phong có đường kính nhỏ. Tùy theo hiện trạng và nguồn gốc mà chia ra:

- Kiểu IIA – Rừng phục hồi sau nương rẫy, đặc trưng bởi lớp cây tiên phong ưa sáng, mọc nhanh, đều tuổi, 1 tầng.
- Kiểu IIB – Rừng phục hồi sau khai thác kiệt, phần lớn kiểu này bao gồm những quần thể non với những loài cây tương đối ưa sáng, thành phần loài phức tạp không đều tuổi, độ ưu thế không rõ ràng.

Vượt lên khỏi tán rừng kiểu này có thể còn sót lại một số cây quần thể cũ nhưng trữ lượng không đáng kể. Chỉ được xếp vào kiểu này những quần thể mà đường kính phổ biến vượt quá 20 cm.

Nhóm kiểu 3:

Kiểu rừng thứ sinh đã bị tác động.

Các quần thể rừng đã chịu tác động khai phá của con người ở nhiều mức độ khác nhau làm cho kết cấu ổn định của rừng ít nhiều đã có sự thay đổi khác nhau.

Tùy theo mức độ tác động và khả năng cung cấp sản phẩm mà nhóm này được chia làm hai kiểu:

- Kiểu IIIA: Kiểu IIIA được đặc trưng bởi những quần thể đã được khai thác nhiều, khả năng khai thác hiện tại bị hạn chế. Cấu trúc ổn định của rừng bị phá vỡ hoàn toàn hoặc thay đổi về cơ bản. Kiểu này được chia làm 3 kiểu phụ:
 - Kiểu IIIA1: Rừng đã bị khai thác kiệt quệ, tán rừng bị phá vỡ từng mảng lớn. Tầng trên có thể còn sót lại một số cây cao, to, nhưng phẩm chất xấu, nhiều dây leo bụi rậm, tre nứa xâm lấn.
 - Kiểu phụ IIIA2: Rừng đã bị khai thác quá mức nhưng đã có thời gian phục hồi tốt. Đặc trưng cho kiểu này là đã hình thành tầng giữa vươn lên chiếm ưu thế sinh thái với lớp cây đai bộ phận có đường kính 20- 30 cm. Rừng có 2 tầng trở lên, tầng trên tán không

liên tục được hình thành chủ yếu từ những cây của tầng giữa trước đây, rải rác còn có một số cây to khoẻ vượt tán của tầng rừng cũ để lại.

- **Kiểu phụ IIIA3:** Rừng đã bị khai thác hoặc phát triển từ IIIA2 lên . Quần thụ tương đối khép kín với 2 hoặc nhiều tầng. Đặc trưng của kiểu này khác với IIIA2 ở chỗ số lượng cây nhiều hơn và đã có một số cây có đường kính lớn (trên 35 cm) có thể khai thác sử dụng gỗ lớn.
- Kiểu IIIB: Kiểu IIIB được đặc trưng bởi những quần thụ đã bị chặt chọn lấy ra một ít gỗ quý, gỗ tốt, nhưng chưa làm thay đổi đáng kể về kết cấu ổn định của rừng , khả năng cung cấp của rừng còn nhiều , rừng giàu về trữ lượng với thành phần gỗ lớn cao (gỗ xẻ).

Nhóm kiểu 4:

Rừng nguyên sinh hoặc thứ sinh thành thực cho đến nay chưa được khai thác sử dụng. Rừng có cấu trúc ổn định, nhiều tầng, nhiều cấp kính nhưng đôi khi thiếu tầng giữa và tầng dưới. Nhóm này có hai kiểu:

- Kiểu IVA - Rừng nguyên sinh
- Kiểu IVB - Rừng thứ sinh phục hồi

Khi áp dụng bảng phân loại này vào từng vùng phải căn cứ vào đặc trưng của các trạng thái mà xác định các chỉ tiêu định lượng về diện ngang hay trữ lượng , độ tán che...

Phân chia trạng thái rừng tre nứa

Nứa

- Rừng nứa thuần loại được chia thành các trạng thái sau đây :
 - Trạng thái N.1 – Nứa tép: $D_{1,3} < 2$ cm; $N/ha > 10.000$ cây. Nứa phục hồi sau nương rẫy hoặc thoái hoá do khai thác kiệt.
 - Trạng thái N.II – Nứa vừa $D_{1,3} = 3- 4$ cm, được chia theo 3 cấp mật độ :

+ N.IIA	Thưa	10.000 – 15.000 cây /ha.
+ N.IIB	Trung bình	15.000 – 20.000 cây /ha.
+ N.IIC	Dày	> 20.000 cây /ha.
 - Trạng thái N.III- Nứa to $D > 5$ cm được chia theo 3 cấp mật độ:

+ N.IIIA	Thưa	5.000- 10.000 cây/ha.
+ N.III B	Trung bình	10.000- 15.000 cây/ha.
+ N.III C	Dày	> 15.000 cây/ha.
- Rừng nứa hỗn giao với gỗ :
 - Trạng thái nứa xen gỗ (nứa là chủ yếu) được chia theo tiêu chuẩn phân chia của rừng tre nứa, với tầng cây gỗ để nguyên. Ký hiệu trạng thái: Nứa + tên loài cây gỗ ưu thế, ví dụ: N.IIIA + Re
- Rừng gỗ xen nứa
 - Trạng thái rừng tự nhiên xen nứa (rừng chiếm ưu thế) được mô tả theo trạng thái của rừng tự nhiên với ký hiệu loài nứa. Trạng thái : gỗ + nứa; VD : IIIA3 + N

Vầu

- Kiểu trạng thái VI - Rừng Vầu phục hồi chia 3 kiểu phụ :
 - V.IA - Trạng thái rừng vầu thoái hoá thường gọi là vầu đinh: $D : 2 -4$ cm, $N/ha = 5.000- 10.000$ cây.
 - V.IB - trạng thái rừng vầu phục hồi sau nương rẫy: $D = 4- 6$ cm, $N/ha = 1.000- 3.000$ cây.
 - V.IC - trạng thái rừng vầu phục hồi sau khai thác mạnh: $D = 6- 8$ cm, $N/ha = 1000- 5.000$ cây.

Kiểu trạng thái V.II - Trạng thái rừng vầu đã bị tác động, $D = 8- 10$ cm, $N/ha = 2.000 - 3.000$ cây, chia hai kiểu phụ

- V.II - Vầu thuần loại
- V.II + G - Vầu xen gỗ

Khi phân chia trong từng vùng cụ thể phải xác định tên loài cây gỗ ưu thế và khi đó ký hiệu G được thay bằng tên cây đó. VD : VII + Re (Re là tên tiếng Việt của *Cinnamomum* sp.)

- Kiểu trạng thái V.III - Trạng thái rừng vầu ổn định, đến nay chưa bị khai thác sử dụng. Đường kính từ 10 cm trở lên. Trạng thái này được chia làm 3 kiểu phụ sau đây:
 - V.III - Vầu thuần loại, có mật độ dày trên 4.000 cây/ha
 - V.III + G - Trạng thái vầu xen cây gỗ, có mật độ khoảng >3.000cây/ha
 - G.V.III- Trạng thái gỗ xen vầu, với mật độ cây vầu trên 4.000 cây/ha.
- G.V.III: Trạng thái gỗ xen vầu, có mật độ hơn 4.000 cây/ha (Ký hiệu G (gỗ) sẽ được thay bằng tên viết tắt của loài cây chiếm ưu thế và phải viết đúng vị trí trước và sau).

Tre, luồng

- Đối với các loài cây tre luồng sẽ căn cứ vào các yếu tố sau đây để phân chia trạng thái: Trước hết phân ra tre/luồng thuần loại và hỗn giao với gỗ. Sau đó rừng tre thuần loại được chia ra theo các yếu tố : Loài cây tre, cấp kính và cấp số cây
- Cấp kính (D1,3 cm)

Cấp I	3-5 cm.
Cấp II	6-9 cm.
Cấp III	>9 cm.
- Cấp số cây (N/ha)

Cấp 1 (thưa)	1.000- 2.000 cây/ha.
Cấp 2 (trung bình)	2.000- 3.000 cây/ha.
Cấp 3 (dày)	> 3.000 cây/ha.
- Ký hiệu trạng thái: Tên cây + cấp kính + cấp số cây. VD: T-II-3 (chữ T là ký hiệu của tre gai trong bảng ký hiệu viết tắt theo qui định chung) tre gai thuộc cấp kính II và trên 3000 cây /ha. Đối với trạng thái hỗn giao giữa các loài tre với cây gỗ cũng sẽ được phân chia trạng thái theo cách như rừng tre nứa.

Phân chia trạng thái rừng trồng

Căn cứ phân chia trạng thái: - Chia theo loài cây trồng: Mỗi một loài cây chia riêng một trạng thái. Trường hợp hỗn giao nhiều loài cây thì mỗi một phương thức hỗn giao chia riêng một trạng thái.

Chia theo cấp tuổi: Chia làm 5 cấp:

- Cấp I Non
- Cấp II Trung niên (rừng sào)
- Cấp III Gần thành thực
- Cấp IV Thành thực
- Cấp V Quá thành thực (già)

Ký hiệu trạng thái: Tên cây + cấp tuổi. VD: trạng thái thông II- Viết tắt (Th.II)

Một số chỉ tiêu cấp tuổi

- Bồ đề 2 năm 1 cấp tuổi
- Bạch đàn 3 năm 1 cấp tuổi
- Thông, Sa mộc 5 năm 1 cấp tuổi

Ví dụ đối với rừng thông trồng được 10 năm tuổi thì được ký hiệu là “Th.II”

Các loài khác nhau có cấp tuổi khác nhau.

PHỤ LỤC 5: KHU VỰC LÔ RỪNG VÀ KHU VỰC ĐIỀU TRA ĐỂ KIỂM KÊ RỪNG

Khu vực ô mẫu và diện tích rừng nêu dưới đây dựa theo Quyết định 682/QĐ và QP LN6-84 của Bộ NN&PTNT, ngày 1 tháng 8 năm 1994.

Diện tích khu vực điều tra

Đối với rừng tự nhiên

- Rừng giàu, trung bình: diện tích đo đếm bằng 1,5% diện tích loại rừng đó.
- Rừng nghèo, rừng phục hồi: diện tích đo đếm bằng 1% diện tích loại rừng đó.
- Rừng tre nứa và các loại khác: diện tích đo đếm bằng 0,5% diện tích loại rừng đó.

Rừng trồng

- Cấp độ tuổi I : diện tích đo đếm bằng 0,5% diện tích loại rừng đó.
- Cấp độ tuổi II : diện tích đo đếm bằng 1% diện tích loại rừng đó.
- Cấp độ tuổi III : diện tích đo đếm bằng 2% diện tích loại rừng đó.

Đo đếm tái sinh

Đất trồng IB, IC: diện tích đo đếm bằng 0,2 % diện tích loại rừng đó.

Diện tích ô tiêu chuẩn đo đếm

Rừng gỗ tự nhiên

- Ô tiêu chuẩn có diện tích 500 m² (Ô hình chữ nhật có cạnh: 20 x 25 m hoặc Ô hình tròn có bán kính: $r = 12,64$ m)

Tre, nứa

Đối với tre, nứa mọc phân tán:

- Ô có diện tích 100 m² (ô vuông có cạnh 10m x 10m hoặc Ô hình tròn có bán kính $r = 5,6$ m)

Đối với rừng giang:

- Ô có diện tích 25 m²: (cạnh 5x5m)

Đối với rừng tre, nứa mọc theo bụi đo cự ly liên tục của 6 bụi để tính bình quân

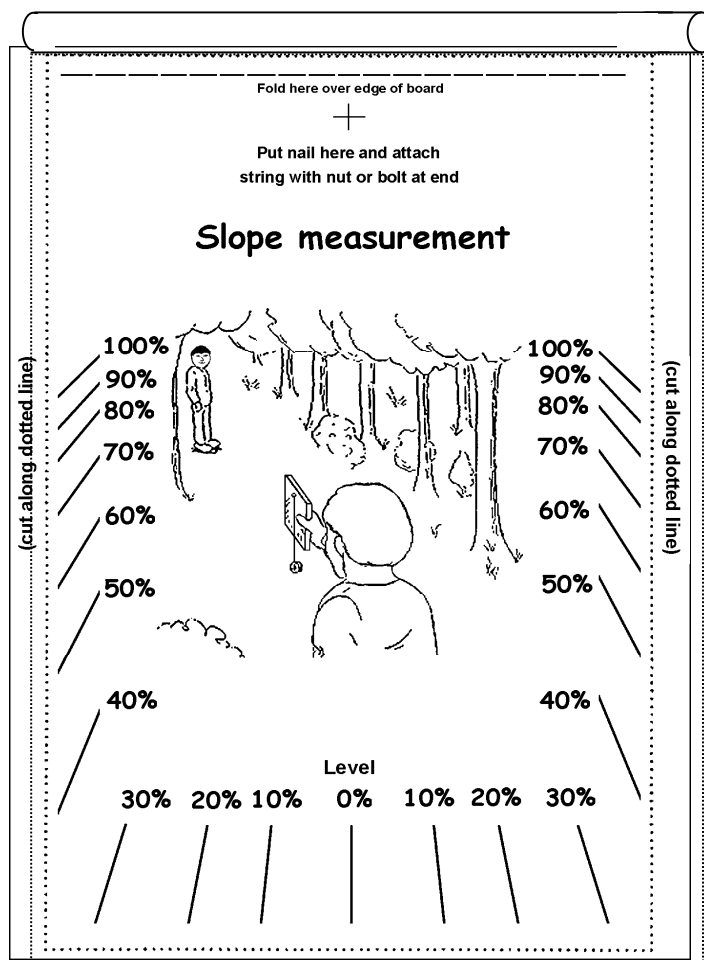
Chú ý: Cách bố trí ô tiêu chuẩn hoặc tuyến điều tra phải có tính đại diện cao (ô điển hình). Cụ thể : cách bố trí ô tiêu chuẩn phải đại diện cho tất cả các trạng thái rừng trong khu vực điều tra và đại diện cho các dạng địa hình trên diện tích cần điều tra. Ví dụ : khi chọn vị trí ô tiêu chuẩn nên bố trí chúng ở những vị trí như: Chân đồi, đỉnh đồi và sườn đồi. Như vậy chúng sẽ đại diện đầy đủ các trạng thái rừng và địa hình.

PHỤ LỤC 6: BẢNG QUY ĐỔI KHOẢNG CÁCH NGHIÊNG RA KHOẢNG CÁCH BẰNG

Bảng đổi này dựa theo tài liệu giảng dạy về điều tra rừng của Trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam, 1992.

Dây đo L. thực (m)	Dài 20 m	Dài 25 m
Gốc nghiêng (độ) (°)		
10	19.70	24.62
11	19.63	24.54
12	19.56	24.45
13	19.49	24.36
14	19.41	24.26
15	19.32	24.15
16	19.23	24.03
17	19.13	23.91
18	19.02	23.78
19	18.91	23.64
20	18.79	23.49
21	18.67	23.34
22	18.54	23.18
23	18.41	23.01
24	18.27	22.84
25	18.13	22.66
26	17.98	22.47
27	17.82	22.28
28	17.66	22.07
29	17.49	21.87
30	17.32	21.65
31	17.14	21.43
32	16.96	21.20
33	16.77	20.97
34	16.58	20.73
35	16.38	20.48
36	16.18	20.23
37	15.97	19.97
38	15.76	19.70
39	15.54	19.43
40	15.32	19.15

Công cụ đo độ dốc



Hướng dẫn chuẩn bị thước đo độ dốc:

- In thước đo độ dốc và dán vào một tấm bìa carton hoặc một bìa giấy trang trí và cắt dọc theo đường “.....”
- Cắt chính xác phần đỉnh theo đường “.....” bôi đen.
- In bảng điều chỉnh độ dốc và dán vào mặt sau của thước đo độ dốc.
- Gián một ống nhựa vào phần đỉnh của thước đo độ dốc
- Khoan 1 lỗ tròn tại vị trí “+” trên phần đỉnh của thước và buộc một sợi dây có buộc 1 cái đai ốc hoặc bu lông với chiều dài lớn hơn thước đo độ dốc.

Bảng quy đổi độ dốc

Độ dốc	Chiều dài thừa	Độ dốc	Chiều dài thừa
%	25 m	%	25 m
15	25,25	70	30,50
20	25,50	80	32,00
25	25,75	90	33,75
30	26,00	100	35,25
35	26,50	110	37,25
40	27,00	120	39
45	27,50	130	41
50	28,00	140	43
60	29,25	150	45



- **Lưu ý:** Bảng điều chỉnh cung cấp khoảng cách đã điều chỉnh đối với khoảng cách ngang 25m tính theo công thức tính độ dốc. Ví dụ: khoảng cách điều chỉnh của khoảng cách ngang 25m, độ dốc 40% là 27 m.

PHỤ LỤC 7: HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG BẢN ĐỒ QHSĐĐ-GĐGR THÔN/BẢN

Sau đây là những yêu cầu tối thiểu cần thể hiện khi xây dựng bản đồ qui hoạch sử dụng đất và giao đất giao rừng (theo Hướng dẫn kỹ thuật của Viện Điều tra và Quy hoạch rừng, 1997).

Tên bản đồ

“Bản đồ qui hoạch sử dụng đất và giao đất
Thôn:..... Xã:.....huyện:.....Tỉnh:.....”

Phân loại rừng theo chức năng

- Rừng phòng hộ
- Rừng đặc dụng
- Rừng sản xuất

Qui hoạch sử dụng đất

- Khu bảo tồn
- Khu phòng hộ
- Trồng rừng và nuôi dưỡng rừng
- Đất nông nghiệp
- Đồng cỏ
- Đất xây dựng
- Đất trồng cây ăn quả
- Đất trồng cây hàng năm
- Đất mặt nước

Giao đất

- Giao cho hộ gia đình, nhóm hộ, cộng đồng, các tổ chức đoàn thể...
- Đất chưa giao hoặc không giao.

Ký hiệu và màu sắc

Qui hoạch đất	Màu sắc
– Rừng tự nhiên	Xanh lá cây
– Rừng trồng	Da cam
– Đất trống	Trắng
– Núi đá không có cây	Xám
– Đất nông nghiệp	Vàng
– Đất đồng cỏ	Nâu đỏ
– Đất thổ cư	Nâu
– Đất mặt nước	Xanh nhạt
– Khu vực rừng cần được bảo vệ (bảo tồn, phòng hộ)	Xanh lá cây đậm
– Sông, suối, ao, hồ	Xanh nước biển đậm
– Đường	Đỏ

- Đường sắt		Đen trắng
- Đường ranh giới (thôn, xã, huyện)		Đen
- Tên thôn, sông, núi		Đen
- Tên khu vực		Đen
- Thông số ghi trong lô		Số hiệu, trạng thái, kế hoạch sử dụng, diện tích, tên chủ hộ

Giao đất giao rừng	Đường kẻ
- Hộ gia đình	Kẻ chéo
- Nhóm hộ, cộng đồng	Kẻ đứng
- Tổ chức xã hội	Kẻ ngang

Các ký hiệu cần được mô tả đối với đất lâm nghiệp, đất rừng:

Rừng sản xuất: SX
 Rừng phòng hộ: PH
 Rừng đặc dụng: DD

Các loại ranh giới cần được thể hiện trên bản đồ:

- Ranh giới xã
- Ranh giới thôn
- Ranh giới trạng thái rừng
- Ranh giới giữa các lô/các đối tượng nhận đất, nhận rừng
- Ranh giới theo kế hoạch sử dụng đất